

VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG

*Wason
DS 522
V 651*



BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC

MỤC - LỤC

(V.H.N.S. số 18 tháng giêng năm 1957)

Số trang	Số trang
— Thông - điệp của Ngô Tổng-Thống gửi quốc-dân đồng-bào nhân dịp tết Đinh - Dậu . . . I	— <i>Chuyện ngắn :</i>
— Bức thư đầu năm Đinh-Dậu của ông Nguyễn-duyên-Đôn, Bộ-trưởng Q.G.G.D, gửi các vị Giáo-chức toàn-quốc . . . IV	Cảm-hóa (<i>Đào - Vtên</i>). . . 63
I. — Văn-hóa Việt-Nam	Tích chim bìm - bịp (<i>Vũ-văn-Lễ</i>) 65
— Nền thống-nhất quốc-gia với Tây-son (<i>Vân-Cương</i>). . . 1	— <i>Thống - nhất ngôn - ngữ :</i>
— Mấy tiết-lễ chính trong tháng giêng (<i>Quỳnh-Lâm</i>). 7	Qui - tắc chính-tà (<i>Vũ-xuân-Thuật</i>) 69
— <i>Khảo-cứu văn-chương :</i>	— <i>Thi - ca :</i>
Sương-nguyệt-Anh (<i>Nguyễn-văn-Kiến</i>). 13	Mái trường xưa (<i>Thanh-Son</i>) 76
Nam-cầm-khúc (<i>Bửu-Cầm</i>). . . 20	II. — Văn - hóa Thế - giới
Một thi-sĩ miền Bắc : Dương-tự-Nhu (<i>Tử-Phong</i>) 31	— Đạo - đức - kinh quốc - văn giải - thích (tiếp theo) — (<i>Nghiêm-Toản dịch thuật</i>). . . 77
— Hiệu-đoàn học-sinh với tâm-lý-học (<i>An-Khê</i>) 37	— Văn - chương với nhân - sinh qua văn học - sử Trung - hoa (<i>Nguyễn-quảng-Xương</i>) . . . 85
— Chu-văn-An hay gương tiết-tháo (<i>Nam-Hung</i>). 43	— <i>Khoa-học và tiện-ngiht :</i>
	Cao - su (<i>Chàng Hat</i>). 89
	III. — Tin tức Văn - hóa
	— Tin trong nước. 99
	— Tin ngoài nước. 110

Tranh ảnh trong số này :

- Chén trà đầu xuân.
- Vúng Tàu một đêm trăng (Cảnh xuân miền bè).



nghe tiếng nói của đồng bào thân mến

trong buổi đầu xuân, đoàn tụ trong gia đình, giữa vạn vật vui tươi,
chúng ta cảm thông với tiền nhân, hân diện vì những thành công trong năm
qua, và tin tưởng ở tương lai rực rỡ của dân tộc.

Nhân dịp này, tôi gửi đến toàn thể đồng bào, hải ngoại và trong nước,
đang sống yên vui dưới bóng cờ quốc gia hay vẫn còn đau khổ dưới ách
Cộng Sản, lời hỏi thăm và lời cầu chúc của tôi.

Kiểm điểm lại năm qua, chúng ta đã thấu hỏi độc lập hoàn toàn,
trên lãnh thổ tự do không còn bóng quân đội viễn chinh, không có một căn cứ
quân sự ngoại quốc, mọi chủ quyền đều trở về tay ta.

Chúng ta đã dẹp tan phiến loạn phong kiến, chặn đứng các hành
động Cộng Sản quấy rối thôn quê, đem lại an ninh yên ổn cho toàn dân.

Chúng ta đã thành lập CỘNG HÒA, bầu cử quốc hội, soạn thảo và
ban hành Hiến pháp.

Chúng ta đã cương quyết bài trừ tham nhũng và triệt hạ tệ đê tàng.

Chúng ta khai thác nông nghiệp đạt quy mô tại CÁI SẮN, đã định
cư và động viên đồng bào di cư góp sức vào nền sản xuất quốc gia,

Đồng bào thân mến,

Trong buổi đầu xuân, đoàn tụ trong gia đình, giữa vạn vật vui tươi,
chúng ta cảm thông với tiền nhân, hân diện vì những thành công trong năm
qua, và tin tưởng ở tương lai rực rỡ của dân tộc.

Nhân dịp này, tôi gửi đến toàn thể đồng bào, hải ngoại và trong nước,
đang sống yên vui dưới bóng cờ quốc gia hay vẫn còn đau khổ dưới ách
Cộng Sản, lời hỏi thăm và lời cầu chúc của tôi.

Kiểm điểm lại năm qua, chúng ta đã thấu hỏi độc lập hoàn toàn,
trên lãnh thổ tự do không còn bóng quân đội viễn chinh, không có một căn cứ
quân sự ngoại quốc, mọi chủ quyền đều trở về tay ta.

Chúng ta đã dẹp tan phiến loạn phong kiến, chặn đứng các hành
động Cộng Sản quấy rối thôn quê, đem lại an ninh yên ổn cho toàn dân.

Chúng ta đã thành lập CỘNG HÒA, bầu cử quốc hội, soạn thảo và
ban hành Hiến pháp.

Chúng ta đã cương quyết bài trừ tham nhũng và triệt hạ tệ đê tàng.

Chúng ta khai thác nông nghiệp đạt quy mô tại CÁI SẮN, đã định
cư và động viên đồng bào di cư góp sức vào nền sản xuất quốc gia,

Đồng bào thân mến,

Trong buổi đầu xuân, đoàn tụ trong gia đình, giữa vạn vật vui tươi,
chúng ta cảm thông với tiền nhân, hân diện vì những thành công trong năm
qua, và tin tưởng ở tương lai rực rỡ của dân tộc.

Nhân dịp này, tôi gửi đến toàn thể đồng bào, hải ngoại và trong nước,
đang sống yên vui dưới bóng cờ quốc gia hay vẫn còn đau khổ dưới ách
Cộng Sản, lời hỏi thăm và lời cầu chúc của tôi.

Kiểm điểm lại năm qua, chúng ta đã thấu hỏi độc lập hoàn toàn,
trên lãnh thổ tự do không còn bóng quân đội viễn chinh, không có một căn cứ
quân sự ngoại quốc, mọi chủ quyền đều trở về tay ta.

THÔNG - ĐIỆN CỦA

NGÔ TÔNG - THỐNG

GỬI QUỐC - DÂN ĐỒNG - BÀO NHÂN DỊP TẾT ĐINH - DẬU

Đồng-bào thân mến,

Trong buổi đầu xuân, đoàn-tụ trong gia-đình, giữa vạn-vật vui tươi,
chúng ta cảm-thông với tiền-nhân, hân-diện vì những thành-công trong năm
qua, và tin-tưởng ở tương-lai rực-rỡ của dân-tộc.

Nhân dịp này, tôi gửi đến toàn-thể đồng-bào, hải-ngoại và trong nước,
đang sống yên-vui dưới bóng cờ quốc-gia hay vẫn còn đau khổ dưới ách
Cộng-Sản, lời hỏi thăm và lời cầu chúc của tôi.

Kiểm-điểm lại năm qua, chúng ta đã thấu hỏi độc-lập hoàn-toàn,
trên lãnh-thổ tự-do không còn bóng quân-đội viễn-chinh, không có một căn-cứ
quân-sự ngoại-quốc, mọi chủ-quyền đều trở về tay ta.

Chúng ta đã dẹp tan phiến-loạn phong-kiến, chặn đứng các hành-
động Cộng-Sản quấy rối thôn-quê, đem lại an-ninh yên-ổn cho toàn-dân.

Chúng ta đã thành-lập CỘNG-HÒA, bầu-cử quốc-hội, soạn-thảo và
ban-hành Hiến-pháp.

Chúng ta đã cương-quyết bài-trừ tham-nhũng và triệt-hạ tệ đê tàng.

Chúng ta khai-thác nông-nghiệp đạt quy-mô tại CÁI-SẮN, đã định-
cư và động-viên đồng-bào di-cư góp sức vào nền sản-xuất quốc-gia,

Chúng ta đã thực-hiện một cách mỹ-mãn việc giảm-tô là giai-đoạn đầu tiên của cải-cách điền-địa.

Chính-sách kinh-tế của ta đã giảm giá sinh-hoạt, trừ nạn cho vay nặng lãi tại thôn-quê, chặn đứng nạn đầu cơ lũng-đoạn thị-trường.

Sức sản-xuất nông-nghiệp đã tăng - giá, hàng nội-hóa đã đạt một trình - độ khá - quan. Chính-sách khếch-trương sản-xuất nội-hóa đã giải quyết một phần vấn-đề sinh sống cho những đồng-bào trước kia làm công cho các cơ-quan ngoại-quốc nay hết hoạt-động.

Mức sinh sống của đồng-bào, nhất là đồng-bào thôn-quê đã được nâng cao : mọi người được ăn no, mặc sạch, nhiều người, nhiều gia-đình đã được hưởng những tiện-nghỉ trong đời sống hàng ngày.

Phong-trào thanh-niên thể-thao thể-dục đã được phát-triển mạnh-mẽ trong các trường và ngoài học-đường.

Các giới văn-nghệ đang đầy mạnh phong-trào phục-hưng văn-hóa nước nhà.

Áp-dụng một chính-sách phân-minh đất-khoát trong mọi lĩnh-vực ; văn-hội trật-tự an-ninh ; thi hành kỷ-luật quốc-gia đối với mọi người ; thực-hiện một sự tiến-bộ toàn-diện, Chính-phủ đã đặt trên nền tảng vững-chắc, uy-tin của nước Việt-Nam Tự-do tại Á-Đông cũng như trong thế-giới ; Chính-phủ đã dành lại cho dân-tộc Việt-Nam quyền tự-do định-đoạt vận-mệnh, ngoài sự quyết-định của ngoại-nhân.

Theo đà tiến-triển này, công-cuộc kiến-thiết quốc-gia chắc sẽ đem lại nhiều thành-tích rực-rỡ hơn nữa trong năm Đinh-dậu.

Chúng ta sẽ hoàn-thành cải-cách điền-địa làm cho mọi người có-điền sẽ thực-sự làm chủ ruộng đất mình cày, mà không dùng đến phương-pháp cướp-bóc và đầu-tổ vô-nhân-đạo của Cộng-sản.

Việc sản-xuất, và việc tiêu-thụ sản-phẩm nội-hóa sẽ đầy mạnh hơn nữa. Nhiều kỹ-nghệ sản-xuất chế-hóa phẩm sẽ được mở-mang.

Sự khai-thác nông-nghiệp đạt quy-mô tại Cao-nguyên, Đồng-thấp Mười, Cát-sản, Cà-mâu sẽ khếch-trương.

Chương-trình đại công-tác gồm có sự xây đắp công-lộ, khai mỏ than Nông-Sơn, tiếp-tục hoàn-tất kế-hoạch dùng thủy điện-lực.

Rất kính-nghiêm hai năm qua, căn-cứ vào thành-tích quan-trọng đã thu-lược được, tin tưởng ở Chính-nghĩa quốc-gia và tinh-thần hy-sinh cao-độ của dân-tộc, chúng ta nhất-định dần-dà giảm bớt sự thua sút của chúng ta về kỹ-thuật và tránh cho nền kinh-tế khỏi bị chi-phốt, cắt nạn đe-dọa các nước mới thu hồi độc-lập.

Muốn kiến-thiết phát có vốn : vốn dọ thuế-khóa cung-cấp và tiền vay trong nước và ngoài nước. Phải kham-khò, phải cần-kiệm, phải có kỷ-luật, có gây được tin-nhiệm mới vay được vốn để kiến-thiết kinh-tế.

Tôi tin chắc rằng dân-tộc ta sẽ sẵn-sàng đem hết tâm-lực xây-dựng một chế-độ kinh-tế xứng-đáng với nước VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP và TỰ-DO, vì chúng ta nhất-định không để cho một thiểu-số chánh-trị hay xã-hội nào thu lợi riêng, chúng ta nhất-định theo đuổi con đường phá-triển nhân-vị và phụng sự công-ích.

Chính-phủ cương-quyết giữ cho kỷ-luật quốc-gia được tôn-trọng để đem lại thắng-lợi trong lĩnh vực chính-trị, quân-sự.

Trước bàn thờ Tổ-quốc, cảm-thông với tiền-nhân, nhớ ơn các anh hùng vì nước bỏ mình, và tin-tưởng ở tương-lai huy-hoàng, tôi cầu xin ơn trên ban cho dân-tộc VIỆT-NAM một năm thắng-lợi.



BỨC THƯ ĐẦU XUÂN NĂM ĐINH-DẬU

của Ông NGUYỄN - DUONG - ĐÓN, Bộ-Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục
gửi các vị Giáo-chức toàn quốc.

Thưa các Bạn,

Cũng như các năm trước, nhân dịp tân-xuân tôi có mấy lời ngỏ cùng các bạn.

Nhìn lại quãng đường đã qua, tôi thấy các bạn đã cố-gắng-nhiều, không những để san bằng các nỗi khó-khăn do sự thiếu phương-tiện gây nên, mà còn để canh-tân nền giáo - dục. Các bạn đã thu được những kết-quả tốt đẹp, trong việc linh-động hóa và xã-hội hóa nền học ; Khi giảng dạy, các bạn đã đặc-biệt chú-trọng đến các mục-tiêu « thực-tiến » và « hướng-nghiệp » ; trong các công cuộc bồi-túc học-đường, như hiệu-đoàn, trại hè, các buổi du-ngoạn hay kiểm-thảo, các bạn đã nhiệt-thành hoạt-động, để phát-huy giữa dân thế-hệ cũng như giữa các bạn, một tinh-thần mới, phù-hợp với nền giáo-dục mới, và hoàn-cảnh mới của nước nhà.

Các bạn thân mến,

Trong năm vừa qua, nền Cộng-hòa đã được kiện-toàn bằng một Quốc-hội và một Hiến-pháp dân-chủ, tôn - trọng nhân-vị và các tự-do căn-bản của con người. Ở mỗi địa-phương, các bạn vừa là cán-bộ giáo-dục và thanh-niên, vừa là thân-hữu của mọi gia-đình. Vậy, tôi mong và tin chắc rằng : các bạn sẽ phổ-biến các quan-niệm mới trong và ngoài học-đường, cảm-thông với học-sinh, tìm hiểu phong-tục của mỗi nơi, tinh-tinh của dân-chúng, rút thêm kinh-nghiệm trong sứ-mạng hàng ngày, để có ảnh-hưởng sâu-xa đến đồng-bào trong việc phụng-sự quốc-gia, chính-nghĩa.

Tất các bạn còn hiểu rằng : cuộc Cách-mạng Quốc-gia cần phải xúc-tiến trên toàn-diện và sang năm mới, sẽ triệt-đề khuyếch-trương nền kinh-tế. Để sửa-soạn và tham-gia công-cuộc lớn - lao và quan-trọng này, các bạn sẽ nỗ-lực rèn-luyện thành thiếu-niên về các môn thủ-công, khoa-học, canh-nông, chăn-nuôi và công-nghệ thực-hành ; các bạn nên nhận-định sở-trường và khuynh-hướng của học-sinh, để khích-lệ một số đông chọn các ngành kinh-tế, kỹ - thuật và thực-nghiệp, tức là trong các phạm-vi mà quốc-gia đương cần có nhân-tài. Trong tất cả các nơi học hỏi, nhất là các trung-tâm giáo-dục căn-bản, các trường học-đường, các trường cộng - đồng dân - đạo hay chuyên - môn, các bạn hãy khuyến cõ em tìm biết rõ các tài-nguyên phong - phú của mỗi địa-phương, và tham-đự công cuộc tăng-gia sản-xuất của nhân-dân. — Quốc-dân đặt nhiều hy-vọng và tin-tưởng nơi các bạn, những người vun xới các mầm non đất nước.

Đó là mấy lời nhân-nhủ, khi các bạn tạm chia tay nhau để cùng gia-đình hưởng cảnh xuân đầm-ấm. Nhân đây, tôi thân-át chúc các bạn và quý - quyến, một năm đầy hạnh-phúc.

IV



NỀN THÔNG-NHẤT QUỐC-GIA VỚI TÂY-SƠN

của VÂN - CƯƠNG

TRONG khi ai nấy đều nhớ-nhung Bắc-Việt, ước-mong có ngày Bắc-tiến, và cảm-giận kẻ thù đã nhân-tâm của sẽ sơn-hà, khiến hân Bến-Hải đã thay thế cho nỗi oán sông Gianh, thiết-tưởng cũng nên lần giờ mấy trang sử oai-hùng, lịch-trình của Nguyễn-Huệ trong việc thống-nhất non sông. Phải chăng đó cũng là một nguồn an-uit, và một mối hy-vọng ở tương-lai, vì lịch-sử chỉ là một cuộc tái-diễn không ngừng...

TRONG hơn hai thế-kỷ, nhân-dân đã rèn-ri trước sự cựa sẽ Quốc-gia ra làm hai mảnh, chúa Trịnh ở xứ Bắc, chúa Nguyễn ở phương Nam, Nhà Tây-Sơn, nhờ có tài chí siêu-quần của Nguyễn-Huệ, đã có công rút bỏ việc chia rẽ, mà thu giang sơn về một mối, khiến các nước lân-bang e dè, quý-nề. Bình Nam, Phạt Bắc, đuổi Tiêm, bại Thanh, để thống-nhất giang-sơn vào cuối thế-kỷ thứ XIX, ngay giữa hồi có cuộc cách-mạng ở Pháp-Quốc, đó là sự-nghiệp vô cùng vẻ-vang của Nguyễn-Huệ, người anh-hùng dân-tộc đất Cao-Nguyên.

Thực ra, Quang-Trung (1.788-1792) là con đẻ của thời-cực ; và cuộc khởi-nghĩa Tây-Sơn là phản-ảnh của tinh-thần dân-tộc. Thật vậy, vào khoảng 1.782, ở Bắc-Hà, quần-chúng đã quá u phẫn-uit về sự nhúng-lạm của nhà Chúa và nỗi cướp-phá của kiêu-binh ; ở Nam-hà, nhân-dân cũng uất-hận về chính-sách tàn-ác của Trương-phúc-Loan. Đó là cận-nhân, còn viễn-nhân của sự thành-công của Tây-Sơn, là cuộc rạch đôi sơn-hà, khiến Trịnh Nguyễn, trong vòng 45 năm

(1.627-1682), đã giao tranh bảy lần, giầy-séo lên bao xương máu của nhân-dân, đề củng-cố địa-vị của hai nhà Người trong nước ai cũng chán ghét chế-độ phân chia, chỉ mong có một cứu-tình đến trị-an toàn-quốc, mà gây hạnh-phúc cho đồng-bào.

I. — *Bình-Nam* : Sau khi đã dựng cờ khởi-nghĩa vào năm 1771 ở ấp Tây-Son, lúc đó thuộc Qui-Nhơn, nhưng nay là An-Khê, tỉnh Pleiku, Nam Cao-Nguyên, Nguyễn-Nhạc cùng hai em là Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ, tìm cách chiếm Nam-Hà.

— Trước hết, Tây-Son biết: nhân-dân căm-hờn Trương-phúc-Loan, chứ không quy oán các chúa Nguyễn, nên đã khôn-khéo truyền hịch đi mọi nơi kêu tội gian-thần, và ý muốn đập đổ chính sách họ Trương, chứ không ám chỉ gì chúa Nguyễn.

— Một mặt khác, Tây-Son hiểu rõ không thể nào một lúc, chống được cả hai nơi. Bắc và Nam. Đồng thời, năm 1774, theo lệnh của Trịnh-Sâm, đại-tướng Hoàng-ngũ-Phúc đã đem thủy-bộ 3 vạn quân đánh họ Nguyễn, giả danh là đề trừng phạt Trương-phúc-Loan. Ngũ-Phúc chiếm được thành Phú-xuân, rồi kéo xuống Quảng-Nam. Nhân đó, Tây-Son càng thấy không những chưa thể tranh đấu với cả hai bên, mà cũng chưa đủ lực-lượng đọ sức với họ Trịnh, Nguyễn-Nhạc đem sai người đem vàng bạc, của báu, mua lòng Hoàng-ngũ-Phúc, đề xin làm viên tiều-tướng coi giữ ba phủ Quảng-Ngãi, Qui-Nhơn và Phú-Yên, hợp thành một tiều-khu chống Nguyễn. Ngũ-Phúc, muốn dùng Nguyễn-Nhạc đánh Gia-Định, bèn dâng biểu xin chúa Trịnh cho Nhạc làm Tiền-phong tướng-quân, Tây-Son Hiệu-Trưởng. Đến năm 1.777, Trịnh-Sâm lại cho Nhạc làm Quảng-Nam trấn-thủ.

Được yên-tâm về mặt bắc, và lấy cớ là tiếp tục tranh-thủ cho hạnh-phúc nhân-dân, vị trấn-thủ sai Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đem quân thủy bộ vào đánh Gia-Định. Lấy xong đất Gia-Định, Lữ và Huệ đề tòng-đốc Chu ở lại trấn-thủ, rồi mang binh-sĩ trở về Qui-Nhơn. Năm 1.778, thấy thế đã vững, Nguyễn-Nhạc tự xưng đế hiệu, đặt niên-hiệu là Thái-Đức 泰德 (1), gọi thành

(1). — Tương-truyền, người ta đã dựa vào hai chữ Thái-Đức mà luận ra rằng: tam nhân tranh nhất thủy, thập tứ niên vong (三人爭一水, 十四年亡) tức là trong nước có ba người tranh nhau, — ba anh em Nguyễn-Nhạc, — và nhà Nguyễn Tây-Son không thể trị vì được trên 14 năm. (1788 — 1802). Phải chăng đó chỉ là một sự cớ-dộng cho một nhóm nào, và người ta đã nghĩ ra câu truyền-tụng kia, khi Tây-Son đã bắt đầu thất thế? Hay đó chỉ là một cách « chơi chữ » của một nhà nho, trong một khoảng thời-gian gần đây?

Đồ-bàn là Hằng-đế thành, phong Nguyễn-Lữ làm Tiết-chế, Nguyễn-Huệ làm Long-Nhương tướng-quân.

Năm 1.734, Chu-văn-Tiếp, một viên Chưởng-cơ của Nguyễn-Vương (2) đã chạy sang Tiêm-La cầu-cứ. Tiêm-vương sai hai tướng là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương, đem hai vạn quân cùng 300 chiếc thuyền sang giúp Nguyễn-Vương. Quân Tiêm sức mạnh, chiếm được nhiều nơi, nên ý thế, làm những điều tàn ác, khiến lòng người oán giận. Được tin, vua Tây-Son sai Nguyễn-Huệ đem binh vào đánh dẹp. Tới nơi, Nguyễn-Huệ như quân Tiêm đến gần Rạch-gầm và Xoài-mút phía trên Mỹ-tho ngày nay, rồi hạ lệnh đột kích như bão táp, làm kẻ thù đại bại, xác chết ngồn-ngang, chỉ còn vài nghìn tàn binh theo-nhóc, cật lên chốn về nước như một lũ gian-phi.

Thế là miền Nam đã thuộc về Tây-Son.

II. — *Phạt Bắc* : Năm 1.786, vua Tây-Son sai em là Nguyễn-Huệ làm Tiết-chế, rồi là Vũ-văn-Nhậm làm tả-quân Đô-Đốc, và Nguyễn-hữu-Chính, cựu tướng của Hoàng-ngũ-Phúc đã về đầu hàng, làm hữu-quân đô-đốc, đem quân thủy bộ ra đánh Thuận-hóa, tức là Huế ngày nay, lấy cớ là phò Lê diệt Trịnh. Huệ đã hạ được thành, và bắt sống được viên Trấn-thủ Phạm-Ngô-Câu. Nhân đó, theo lời khuyên của Hữu-Chính, Huệ đã kéo quân ra Bắc-hà, đánh lại họ Trịnh, khiến chúa Trịnh-Khai tự-tận; và giữa năm 1.786, Nguyễn-Huệ đã vào thành Thăng-Long, yết-kiến vua Lê. Nguyễn-Nhạc sợ em ở lâu ngoài Bắc có sự biến-đổi gì chẳng, liền vội-vả suốt ngày đêm ra thành Thăng-Long.

Sau khi đã đề vua Chiêu-Thống hoàn-toàn tự chủ, đúng với lời loan-truyền diệt Trịnh phò Lê, anh em Tây-Son đều rút về Nam.

Trở lại Qui-Nhơn, Nguyễn-Nhạc tự xưng là Trung-vương Hoàng-đế, phong Nguyễn-Lữ làm Đông-định Vương đóng ở Gia-Định, và Nguyễn-Huệ làm Bắc-bình-Vương, đóng ở Thuận-Hóa, lấy Hải-vân sơn làm giới-hạn. Tuy nhiên, việc thống-nhất giang-sơn cũng chưa thành vì Bắc-hà vẫn ở ngoài phạm-vi quyền-thế của Tây-sơn.

Lúc đó, Chiêu-Thống quá ư nhu-nhược, đã lập lại phủ Chúa, phong cho Trịnh-Bồng làm An-đô vương, rồi tự thấy bị hiếp-chế, lại hạ mật chiếu vời Nguyễn-hữu-Chính từ Nghệ-An ra giúp. Hữu-chính bèn chuyên-giữ binh-quyền đánh đuổi họ Trịnh, được phong làm Đại-tur-đô Bằng-trung-công, và từ đó, đã chuyên-quyền và những-lạm, không khác gì các chúa Trịnh thời trước.

(2) Tức là Nguyễn-phúc-Ánh, đã xưng vương hiệu năm 1.780

Vì chế-độ mục-nát ấy, Bắc-bình Vương lại phải can-thiệp. Năm 1.787, Vương cho Vũ-vân-Nhậm cất quân đánh Nguyễn-hữu-Chính mà giết di, sau lại gấp rút tỵ ra Thăng-Long lần thứ hai, bắt Vũ-vân-Nhậm về tội lộng-quyền. Đoạn thấy vua Lê-Chiều-Thống, từ khi Hữu-Chính bị thua, đã bỏ thành chạy về Kinh Bắc, Vương một mặt tôn Lê-duy-Cần làm Giám-quốc, một mặt hạ lệnh cho bọn Ngô-văn-Sở ở lại giữ Bắc-hà.

Năm 1.788, nhân vua Chiêu-Thống cầu-cứu, nhà Thanh muốn thừa dịp xâm-chiếm nước ta, bèn sai Tôn-sĩ-Nghị, Tổng-đốc Lương Quang, dùng quân bốn tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Quý-châu và Vân-nam, sang đánh Tây-sơn. Chiêu-Thống, tự-hào đã rước được ngoại-tộc, bèn ra chào mừng Sĩ-Nghị, và khúm núm theo về Thăng-Long. Thấy quốc-gia lâm-nạn, Bắc-bình vương bèn lên ngôi Hoàng-đế, đặt niên hiệu là Quang-Trung, rồi tự thống-lĩnh đại-binh ra đánh giặc Thanh, giữ-gìn đất nước.

Cất quân đêm 30 tết, vua Quang-Trung ra Bắc lần thứ ba, hạ các đồn Hạ-hồi, Ngọc-hồi, đánh phá địch-quân ở Đông-Đa, khiến Sầm-Nghị-Đống, tự tận, đuổi quân Tàu tới cửa Nam-Quan, đến nỗi cách Lạng-Sơn hơn mấy trăm dặm, về phía kia biên-giới, dân Tàu cũng còn khiếp-sợ, không dám nói to. Và trưa ngày mùng 5 tết, giữa năm 1.789, là năm cuộc cách-mạng Pháp bắt đầu bùng nổ, phá ngục-thất Bastille để giải-phóng Ba-Lê chống lại cường quyền, vì anh-hùng dân-tộc Quang-Trung đã giải-phóng Thăng-Long, chống lại nạn ngoại-xâm. Giữ được toàn cõi Bắc-hà, Tây-Sơn đã tái lập nền thống-nhất non-sông, đánh tan hết ác-mộng Trịnh Nguyễn phân tranh.

III. — Ngoại-giao : Đề củng-cố nền độc-lập quốc-gia, vua Quang-Trung đã chú ý rất nhiều đến ngoại-giao.

Đối với Trung-Quốc, nhà vua đã nói : « Nhà-Thanh đã bị thua trận, tất lấy làm xấu-hổ, chắc không chịu ở yên. Song hai nước đánh nhau, thì chi khổ dân. Vậy, ta nhờ Thì-Nhiệm dùng lời nói khéo để chỉ việc chiến-tranh. Đợi mười năm nữa, ta sẽ thừa sức chống lại, mới không ngại-ngùng gì nữa ».

Quả nhiên, vua Thanh được tin Tôn-sĩ-Nghị bại trận, bèn nổi giận, lập tức giáng chỉ sai quan nội-các là Phúc-khang-An ra thay thế Sĩ-Nghị, làm tổng-đốc Lương-quảng, và đem binh mã chín tỉnh sang phục thù. Ra đến Quảng-Tây, Phúc-khang-An, nghe tiếng quân Nam thế mạnh, có ý e ngại, muốn giảng hòa, liền sai người sang khuyên vua Quang-Trung làm biểu tạ tội, đề bãi việc binh đao.

Vua Quang-Trung cho người đưa vàng bạc tặng Phúc-khang-An, rồi sai châu là Nguyễn-Quang-Hiền và quan là Vũ-huy-Tấn đem cống-phẩm, sang Yên-Kinh vào châu vua nhà Thanh và dâng biểu xin phong. Đồng thời, vua Quang-Trung gửi tiền bạc tặng các cận-thân là bọn Hòa-Thân. Ngoài thì có Phúc-khang-An, trong thì có Hòa-Thân dùng lời nói khéo, nên vua Thanh thỏa-thuận, sai sứ sang phong cho vua Quang-Trung làm An nam Quốc-vương, lại giáng chỉ với Quốc-vương vào châu. Vua Quang-Trung bèn chọn một giả-vương, hình-dung giống mình, là Phạm-công-Trị, rồi sai bọn Ngô-văn-Sở, Đặng-văn-Chấn, Phan-huy-Ích, Vũ-huy-Tấn, đưa sang Yên-kinh vào châu vua Càn-Long. Ngoài các cống-phẩm, vua Quang-Trung còn dâng đôi tượng-đực, làm cho các cung-trạm ở dọc đường bên Tàu, phải phục-dịch rất là vất-vả. Vua Càn-Long tưởng là Nguyễn-Quang-Trung thật, với giả-vương tới châu ở Nhiệt-hà, cho làm lễ ôm gối, như tình cha con, và cho dự yến-tiệc với các thân-vương.

Đối với Tiêm-la, sử-sách (1) còn chép rằng : sau trận thua năm giáp thìn (1.784), người Tiêm sự Tây-Sơn như sự sụp. Tuy nhiên, họ không khỏi giữ nỗi căm-hờn. Song tới năm 1.790, vua Quang-Trung đã giảng hòa với Mãn-thanh, có phái sứ bộ sang Thanh để gây tình thiện-cảm. Sứ ta và sứ Tiêm đã gặp nhau ở khuyết-đình nhà Thanh, rồi cùng dự yến-tiệc trong gần hai tuần ; theo sách Đông-hoa toàn-lục, cả hai bên đều đã lãng-quên những tư hiềm về trước.

Đối với Ai Lao ở phía tây nước ta, vua Quang-Trung đã không thấy quốc-trường xứ đó cho người sang dâng cống, như đối với chúa Nguyễn xưa. Năm 1.791, vua Quang-Trung sai Nghệ-An đốc-trấn là Trần-quang-Điệu đem hơn một vạn quân sang đánh. Vua Ai-Lao thua trận chốn tránh, và tự đó, đã xin giữ lễ thông sứ như xưa.

Sử còn chép rằng : nước Miến-Điện cũng sai sứ do đường duyên-biên châu Hưng-Hóa, sang thông-hiệp với nhà Tây-Sơn.

Nhà Tây-Sơn khởi đầu từ năm 1.778, tức là năm Nguyễn-Nhạc xưng đế ở Qui-Nhơn, nhưng lúc đó, đất-dại trong nước, từ Phú-Xuân trở ra, vẫn thuộc về nhà Lê. Tới năm 1.788, Nguyễn-Huệ bắt đầu ra lấy Bắc-Hà, nước Nam mới thuộc về nhà Nguyễn Tây-Sơn. Thế là nhà Tây-Sơn đã tái-lập được

(1) — Đại-Nam chính-biên liệt-truyện.

nền thống - nhất quốc - gia kể từ 1783, và giữ vững được sự thống-trị ấy trong 14 năm trị-vị, tức từ 1.788 đến 1.802. Đời sau càng cảm-phục tài-ba xuất-chúng của Quang-Trung bao nhiêu, thì lại càng thương-tiếc cho Nguyễn-Nhạc bấy nhiêu. Vừa thiếu chí tiến-thủ, vừa đố-kỵ đối với em, Nhạc đã quá ư ung-dung ngồi giữ khoảng trung-trương, lại làm khó dễ cho Nguyễn-Hệ, nên uy-thế của Tây-Sơn ở phương nam kém phần mãnh-liệt.

TIN TỨC NĂM CHÁU . . .

MỘT PHƯƠNG-PHÁP MỚI ĐỂ LÀM MƯA

Ông Dessens, nhà khí-tượng học, giám-đốc thiên-văn đài Puy de Dome, đã sang xứ Công-gô thuộc Bỉ (Congo belge), để thí-nghiệm một nguyên-tắc mới làm ra mưa.

Ta vẫn biết hiện nay, đã có một vài phương-pháp làm mưa, nhưng đều nhằm vào việc bắt những đám mây sẵn có phải tụ lại, chẳng hạn bằng cách phun chất iốt-đua bạc (iodure d'argent) lên. Đàng này, giáo-sư Dessens lại cố gắng tìm cách tạo ra những đám mây, và điều-khiển chúng một cách thuận-tiện hơn. Nguyên-tắc của ông đề ra rất giản-dị: chỉ có việc tạo ra một khoảng nóng hơn những khoảng đất xung-quanh, để có những luồng gió nóng khả-đi gây nên thành mây.

Trong một đồn điền trồng ca-cao tại xứ Công-gô thuộc Bỉ; giáo-sư Dessens sẽ đốt trụ một đồng cỏ lớn giữa vùng rừng rú miền xích đạo. Trên đó sẽ rắc than cho cây cỏ không mọc được. Khoảng này, vì không được cây cỏ làm mát, sẽ nóng lên dưới ánh sáng mặt trời, và gây ra một luồng gió nóng đưa hơi ẩm sẵn có tại gần mặt đất lên cao; khi tới tầng đủ lạnh, hơi ẩm kia sẽ đông lại thành mây. Lúc đó, tự nó sẽ mưa xuống, hay sẽ được người ta dùng những phương pháp thường giúp cho làn mây kia rơi xuống thành mưa.

Giáo-sư Dessens sẽ tìm cách ước lượng những kết quả thu được để chứng-minh nguyên-tắc đề ra, và nhất là để xem phương-pháp ấy có thể áp dụng và có lợi không?

NGHI BA

(Rút ở tài liệu Unesco)

MẤY TIẾT - LỄ CHÍNH

TRONG THÁNG GIÊNG

QUYNH-LÂM

Từ xưa mỗi năm, dân Việt-Nam ta ăn rất nhiều Tết (1), như tết nguyên-đán, tết doan-ngọ (mùng 5 tháng 5), tết trung-thu (15 tháng 8) v.v . . . ; song thực ra, ta thường quen dùng chữ « Tết » để chỉ tết lớn nhất trong một năm, tức là Tết Nguyên-Đán (2), ngoài ra, không lưu-tân đến Tết khác, vì coi là Tết phụ.

Riêng trong bài này, tôi xin tuân-tự lược-thuật nguyên-ủy và ý-nghĩa ngày tết chính (tức tết Nguyên-Đán) cùng mấy Tết phụ mà dân ta (nhất là dân quê) phỏng theo tục-lệ người Tàu, cử hành một cách thành-kính trong suốt tháng giêng âm-lịch (3).

1. — LỄ (HAY TẾT) TRỪ-TỊCH

Trừ-tịch là đêm cuối cùng của năm cũ, tức là đêm 30 tháng chạp hoặc đêm 29 bắt làm 30 (nếu tháng thiếu). Gọi như thế, có nghĩa là đêm loại bỏ đi hết những cái cũ-kỹ xấu dở của năm sắp qua, để đón những cái mới-mẽ tốt đẹp của năm sắp tới. Cứ vào khoảng nửa đêm cuối cùng của năm cũ (hết giờ Hợi sang giờ Tý, nghĩa là từ 11 giờ đêm) là người ta làm lễ này. Lễ trừ-tịch còn gọi là lễ giao-thừa.

Theo nghĩa chữ giao-thừa, « là cũ giao lại, mới tiếp lấy » (4). Theo tục-truyền, ta tin rằng trong một giáp 12 năm, thì mỗi năm có một vị thần hành-khiển coi sóc hết thầy công việc trong năm ấy. Cứ mỗi năm, vị thần cũ lại giao hết

(1) Chữ « Tết » chính do chữ « TIẾT » dịch hoặc đọc trại ra, như thời-tiết, tiết-lễ, tiết nhật, v.v . . . Thực ra, Tết là TIẾT-NHẬT (ngày tết) hay TIẾT-LỄ (lễ Tết) mới đúng.

Ngay chữ « bánh tết » cũng do chữ « TIẾT-BÍNH », dịch ra là bánh tết, lâu ngày nói trại ra là bánh tét.

(2) Còn gọi là « tết chính » hay « tết cả » nữa.

(3) Xin dành về sau một bài lược-thuật về những tết khác trong một năm.

(4) Định-nghĩa chữ « giao-thừa » trong « Hán-Việt từ-điền » của Đào-duy-Anh.

công việc cho vị thần mới, nên ta làm lễ giao-thừa, tâm-thành tiễn thần cũ, đón thần mới, trong lúc 2 vị bàn giao công việc quyền hành cho nhau. Lễ giao-thừa đượm vẻ thần-bí và trang-nghiêm, nên thi-sĩ Văn-Quân đã tả nó như sau :

- Giờ phút linh thiêng đã đến đây,
Đầu năm, đầu tháng lại đầu ngày.
Nhẹ-nhàng khổi tỏa hương nghi-ngút,
Tiếng pháo bắt đầu nổ đó đây . . .
- Giờ phút này đây năm cũ hết,
Giao-thừa đã đến để chia tay.
Một năm là mấy mà mau nhỉ ?
Ba trăm còn lễ sáu mươi ngày.
- Giờ phút này đây năm mới đến,
Mang về theo cả một xuân tươi,
Mừng xuân xin rót ba chung rượu,
Không uống, nhưng mà biết tặng ai ? . . .

Lễ « Tống-cựu nghênh-tân » này hàm một ý-nghĩa trọng-dại như thế ; nên nhân-dân làm lễ rất trịnh-trọng, nhất là mấy chục năm về trước. Ở thôn-quê, thời thì chuông trống đánh ran lên, pháo nổ ì ùng không ngớt, nên ta mới có câu ví « Trống đánh như giao-thừa » hay « Pháo nổ như đêm giao-thừa ». Thi-sĩ Nguyễn-công-Trứ cũng đã ghi nhận xét đó trong câu thơ bát-hủ :

*Trừ-tịch kêu vang ba tiếng pháo,
Nguyên-tiên cao giắt một cành nêu.*

2.— TẾT NGUYÊN-ĐÁN

Nguyên là bắt đầu ; đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên-đán là đầu năm, mở đầu cho một năm mới, mà cảnh-vật đã theo xuân về, thay đổi khắp nơi.

Theo Trung-quốc-sử, thời âm-lịch do nhà Hạ ấn-dịnh trước tiên, và lấy tên mỗi địa-chỉ đặt cho mỗi tháng trong 1 năm. Nhà Hạ lấy tháng dần (tức tháng giêng) làm tháng đầu năm, và ăn tết đầu năm, tức là tết Nguyên-Đán, cũng vào ngày đầu tháng ấy.

Đến nhà Ân, tháng đầu năm lại là tháng Sửu (tức tháng chạp âm-lịch ngày nay).— Nhà Chu sửa lịch, lại cho tháng Tý (tức là tháng 11 âm-lịch) là tháng đầu năm.— Tần-Thủy-Hoàng kế-nghiệp nhà Chu, lại cho tháng Hợi

Nhà Tần bạo-ngược quá, vì thế có cuộc Hán Sở tranh - hùng. Nhà Tần bị đò, nhà Hán làm vua và lúc đầu cũng theo lịch nhà Tần. Nhưng sau, tới đời Hán-Vũ-Đế, lại quay về theo lịch nhà Hạ. Bây giờ, ta vẫn theo tục đó ăn Tết Nguyên-Đán vào ngày mùng 1 tháng Dần, tức là tháng giêng bây giờ.

Xét ra, dân ta ăn Tết này một phần phỏng theo tục-lệ của Trung-Hoa, một phần theo thời-tiết thiên-nhiên, không có gì là lạ. Thực vậy, tiết đông lạnh-lẻo vừa qua, để cho một mùa xuân ấm-áp, kế-tiếp ngay. Hoa cỏ đua tươi, khiến cho con người cũng hầu như biến-dòi cả tâm-hồn, sau một năm làm ăn vất vả vì cuộc mưu-sinh.

Nhân-dân vui-vẻ đón một mùa xuân mới, lòng chứa-chan hy-vọng và tin tưởng rằng, mỗi lần xuân về, sẽ đem lại bao nhiêu sự may-mắn cho thế-nhân. Vì thế không ai bảo ai, gặp nhau là chúc nhau Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh, có khi chúc-tụng một cách quá đáng, khiến ít nhiều thi-sĩ đã trào-lộng bằng những vần thơ dí-dỏm mỉa mai :

- Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giầu,
Trăm nghìn vạn mớ để vào đầu ? .
Phen này ắt hẳn gà ứn bạc,
Đồng rưng đồng rơi lọ phải cầu ! . .
- Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm để bày được vương tròn.
Phố phường chật hẹp, người đông-đúc,
Bồng bề nhau lên nó ở non ! . .

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

Ăn Tết ngày đầu năm chưa đủ, thường còn kéo dài đến ba bảy ngày, có khi hơn nữa ; dù giầu nghèo, ai cũng cố lo được đầy đủ về sự ăn mặc, rượu chè . . . , nên nhà thơ đã viết :

*Khéo bảo nhau rằng mới với me,
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.*

TÚ-XƯƠNG

hoặc tự riếu mình :

*Chén men đến bữa nghiêng bầu rốc,
Chứ đại đầy năm sò nút ra . . .*

YÊN-ĐỒ

Tiếng pháo bắt đầu nổ đò đậy . . .

- Giờ phút này đây năm cũ hết,
Giao-thừa đã đến để chia tay.
Một năm là mấy mà mau nhỉ ?
Ba trăm còn lẻ sáu mươi ngày.
- Giờ phút này đây năm mới đến,
Mang về theo cả một xuân tươi,
Mừng xuân xin rót ba chung rượu,
Không uống, nhưng mà biết tặng ai ? . . .

Lễ « Tống-cựu nghênh-tân » này hàm một ý-nghĩa trọng-dại như thế ; nên nhân-dân làm lễ rất trịnh-trọng, nhất là mấy chục năm về trước. Ở thôn-quê, thổi thì chuông trống đánh ran lên, pháo nổ đi dưng không ngớt, nên ta mới có câu ví « Trống đánh như giao-thừa » hay « Pháo nổ như đêm giao-thừa ». Thi-sĩ Nguyễn-công-Trứ cũng đã ghi nhận xét đó trong câu thơ bất-hủ :

*Trừ-tịch kêu vang ba tiếng pháo,
Nguyên-tiên cao ngất một cành nêu.*

2.— TẾT NGUYÊN-ĐÁN

Nguyên là bắt đầu ; đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên-đán là đầu năm, mở đầu cho một năm mới, mà cảnh-vật đã theo xuân về, thay đổi khắp nơi.

Theo Trung-quốc-sử, thời âm-lịch do nhà Hạ ấn-định trước tiên, và lấy tên mỗi địa-chỉ đặt cho mỗi tháng trong 1 năm. Nhà Hạ lấy tháng dần (tức tháng giêng) làm tháng đầu năm, và ăn tết đầu năm, tức là tết Nguyên-Đán, cũng vào ngày đầu tháng ấy.

Đến nhà Ân, tháng đầu năm lại là tháng Sửu (tức tháng chạp âm-lịch ngày nay).— Nhà Chu sửa lịch, lại cho tháng Tý (tức là tháng 11 âm-lịch) là tháng đầu năm.— Tần-Thủy-Hoàng kế-nghiệp nhà Chu, lại cho tháng Hợi

cuộc mưu-sinh.

Nhân-dân vui-về đón một mùa xuân mới, lòng chứa-chan hy-vọng và tin tưởng rằng, mỗi lần xuân về, sẽ đem lại bao nhiêu sự may-mắn cho thế-nhân. Vì thế không ai bảo ai, gặp nhau là chúc nhau Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh, có khi chúc-tụng một cách quá đáng, khiến ít nhiều thi-sĩ đã trào-lộng bằng những vần thơ dí-dòm mỉa mai :

- Lãng lạng mà nghe nó chúc giàu,
Trăm nghìn vạn mở để vào đầu ? .
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc,
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu ! . .
- Lãng lạng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm để bày được vòng tròn.
Phở phường chật hẹp, người đông-dúc,
Bồng bề nhau lên nó ở non ! . .

TRẦN-TẾ-XƯƠNG

Ăn Tết ngày đầu năm chưa đủ, thường còn kéo dài đến ba bảy ngày, có khi hơn nữa ; dù giàu nghèo, ai cũng cố lo được đầy đủ về sự ăn mặc, rượu chè . . . , nên nhà thơ đã viết :

- Khéo bảo nhau rằng mới với me,
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.*

TỬ-XƯƠNG

hoặc tự riêu mình :

- Chén men đến bữa nghiêng bầu rốc,
Chữ đại đầy năm sỗ nút ra . . .*

YÊN-ĐỒ

công việc cho vị thần mới, nên ta làm lễ giao-thừa, tâm-thành tiến thần cũ, đón thần mới, trong lúc 2 vị bàn giao công việc quyền hành cho nhau. Lễ giao-thừa đượm vẻ thần-bí và trang-nghiêm, nên thi-sĩ Văn-Quần đã tả nó như sau :

- Giờ phút linh thiêng đã đến đây,
Đầu năm, đầu tháng lại đầu ngày.
Nhe-nhang khổi tỏa hương nghi-ngút,
Tiếng pháo bắt đầu nổ đò đây . . .
- Giờ phút này đây năm cũ hết,
Giao-thừa đã đến đề chia tay.
Một năm là mấy mà mau nhỉ ?
Ba trăm còn lễ sáu mươi ngày.
- Giờ phút này đây năm mới đến,
Mang về theo cả một xuân tươi.
Mừng xuân xin rót ba chung rượu,
Không uống, nhưng mà biết tặng ai ? . . .

Lễ « Tổng-cửu nghênh-tân » này hàm một ý-nghĩa trọng-dại như thế ; nên nhân-dân làm lễ rất trịnh-trọng, nhất là mấy chục năm về trước. Ở thôn-quê, thời thì chuông trống đánh ran lên, pháo nổ di dưng không ngớt, nên ta mới có câu ví « Trống đánh như giao-thừa » hay « Pháo nổ như đêm giao-thừa ». Thi-sĩ Nguyễn-công-Trứ cũng đã ghi nhận xét đó trong câu thơ bất-hủ :

*Trừ-tịch kêu vang ba tiếng pháo,
Nguyên-tiên cao ngất một canh nêu.*

2.— TẾT NGUYÊN-ĐÁN

Nguyên là bắt đầu ; đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên-đán là đầu năm, mở đầu cho một năm mới, mà cảnh-vật đã theo xuân về, thay đổi khắp nơi.

Theo Trung-quốc-sử, thời âm-lịch do nhà Hạ ấn-định trước tiên, và lấy tên mỗi địa-chỉ đặt cho mỗi tháng trong 1 năm. Nhà Hạ lấy tháng dần (tức tháng giêng) làm tháng đầu năm, và ăn tết đầu năm, tức là tết Nguyên-Đán, cũng vào ngày đầu tháng ấy.

Đến nhà Ân, tháng đầu năm lại là tháng Sửu (tức tháng chạp âm-lịch ngày nay). — Nhà Chu sửa lịch, lại cho tháng Tý (tức là tháng 11 âm-lịch) là tháng đầu năm. — Tần-Thủy-Hoàng kế-nghiệp nhà Chu, lại cho tháng Hợi

Nhà Tần bạo-ngược quá, vì thế có cuộc Hán Sở tranh - hùng. Nhà Tần bị đở, nhà Hán làm vua và lúc đầu cũng theo lịch nhà Tần. Nhưng sau, tới đời Hán-Vũ-Đế, lại quay về theo lịch nhà Hạ. Bây giờ, ta vẫn theo tục đó ăn Tết Nguyên-Đán vào ngày mùng 1 tháng Dần, tức là tháng giêng bây giờ.

Xét ra, dân ta ăn Tết này một phần phỏng theo tục-lệ của Trung-Hoa, một phần theo thời-tiết thiên-nhiên, không có gì là lạ. Thực vậy, tiết đông lạnh-léo vừa qua, để cho một mùa xuân ấm-áp, kế-tiếp ngay. Hoa cỏ đua tươi, khiến cho con người cũng hầu như biến-đổi cả tâm-hồn, sau một năm làm ăn vất-và vì cuộc mưu-sinh.

Nhân-dân vui-vẻ đón một mùa xuân mới, lòng chứa-chan hy-vọng và tin tưởng rằng, mỗi lần xuân về, sẽ đem lại bao nhiêu sự may-mắn cho thế-nhân. Vì thế không ai bảo ai, gặp nhau là chúc nhau Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh, có khi chúc-tụng một cách quá đáng, khiến ít nhiều thi-sĩ đã trào-lộng bằng những vần thơ dí-dỏm mỉa mai :

- Lãng lạng mà nghe nó chúc giầu,
Trăm nghìn vạn mở đề vào đầu ?.,
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc,
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu ! . .
- Lãng lạng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm đẻ bảy được vương tròn.
Phổ phường chật hẹp, người đông-đúc,
Bồng bế nhau lên nó ở non ! . .

TRẦN-TÉ-XƯƠNG

Ăn Tết ngày đầu năm chưa đủ, thường còn kéo dài đến ba bảy ngày, có khi hơn nữa ; dù giầu nghèo, ai cũng cố lo được đầy đủ về sự ăn mặc, rượu chè . . . , nên nhà thơ đã viết :

- Khéo bảo nhau rằng mới với me,
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.*

TÚ-XƯƠNG

hoặc tự riếu mình :

- Chén men đến bữa nghiêng bầu rốc,
Chữ đại đầy năm sỏ nút ra . . .*

YÊN-ĐỒ

3. — TẾT KHAI-HẠ

Khai-hạ tức là mở tiệc ăn mừng. Trong sách *Sơ-thư* có ghi chép :
« *Chỉnh-nguyệt, nhất nhật kê, nhị nhật cầu, tam nhật trư, tứ nhật dương, ngũ nhật ngư, lục nhật mã, thất nhật nhân, bát nhật cốc* ».

Nghĩa là : « Tháng giêng mồng một là ngày thuộc về giống gà, mồng hai giống chó, mồng ba giống lợn, mồng bốn giống dê, mồng năm giống trâu, mồng sáu giống ngựa, mồng bảy giống người, và mồng tám thuộc về giống lúa ».

Theo ý-nghĩa câu trên, trong tám ngày đầu của tháng giêng, lễ nhận thấy ngày nào trời đất trong sáng, thì giống nào thuộc ngày ấy nghiệm sẽ sinh sôi nảy nở tốt tươi trong năm đó.

Tới ngày mồng bảy, nếu gặp ngày trời quang mây tạnh thì người ta vui vẻ mở tiệc ăn mừng, hay nói một cách khác, ăn tết khai hạ cho ngày của « giống người ». Rồi đến bảy giờ, người ta quen lệ mở tiệc ăn mừng ; dù trời mưa hay nắng, xấu hay tốt, ý hẳn cho rằng ngày đó riêng cho giống người linh hơn vạn-vật, thời chúc mong cho ta « biết sống cho ra con người » cũng là phải. Có lẽ cũng vì vậy, mà một thi-sĩ cảm-hứng đã viết mấy câu thơ chúc năm mới như sau :

Bất chước ai, ta chúc mấy lời :

« Chúc cho khắp hết cả trong đời.

Vua quan sĩ-thứ người muôn nước,

Sao được cho ra cái giống người » (1)

và, gần đây, Ngô Tông-Thống khích-lệ đồng-bào bằng một câu đố ý-nghĩa :

« Trên hết mọi nghề, các bạn hãy luôn luôn chăm-chú tập « cái nghề làm người » của các bạn, một cái nghề đòi hỏi một khi phách hiên-ngang, một chỉ tiến-thủ không ngừng, một sức tranh-đấu bền-bì ».

4. — TẾT THƯỢNG-NGUYÊN HAY NGUYÊN-TIÊU

Tết Thượng-nguyên hay Nguyên-tiêu nhằm vào ngày rằm tháng giêng.

« Theo lịch-sử tôn-giáo, ngày tết này có tính-cách long-trọng hơn hết trong một năm. Theo Đạo-giáo (hay Lão-giáo), trong đời có ba vị Thần chủ việc giáng phúc xá tội cho thế-gian.

Tuần Thượng-nguyên, là dịp đức Tích-phúc Thiên-quan ban phúc lành cho người.

(1) Có sách chép mấy câu thơ này là của Tú-Xương.

Tuần Trung-nguyên là dịp đức Xá-tội Địa-quan giảm tha tội lỗi cho thiên-hạ.

Tuần Hạ-nguyên là dịp đức Giải-ách Thủy-quan tiêu sạch oan-khiên cho nhân-loại.

Bên Trung-quốc, từ đời Đường, người ta cúng đức Thiên-quan vào ngày rằm tháng giêng, gọi là lễ Thượng-nguyên ; cúng đức Địa-quan, vào ngày rằm tháng bảy, gọi là lễ Trung-nguyên ; cúng đức Thủy-quan vào ngày rằm tháng mười, gọi là lễ Hạ-nguyên.

Nhân-dân Trung-quốc thường coi lễ Thượng-nguyên là lớn nhất, nên cử hành long-trọng. Lễ này náo-nhiệt lắm, nhất là về ban đêm.

Đêm lễ Thượng-nguyên, người ta quen gọi là « *Nguyên-tịch* » hay « *Nguyên-tiêu* », nghĩa là tối đêm rằm đầu năm. Thi-sĩ Nguyễn-Du trong truyện Kiều đã có câu :

Cửa hàng buôn bán cho may,

Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên-tiêu.

để nhắc đến sự nhộn-nhip vui-vẻ trong tiết-lễ này.

Theo sách *Đường-thư*, có chép : « Đêm Nguyên-tiêu, vua Duệ-Tôn nhà Đường sai làm một cây đèn cao 200 trượng, khắp cảnh cây cho treo và thấp tới 5 vạn ngọn đèn, ánh sáng rực trời, gọi tên là « *Hỏa-thụ* », nghĩa là cây lửa. Dân trong nước nô-nức kéo nhau tới kinh-thành xem hội « Cây lửa » đông như kiến cỏ, vì thế đêm Nguyên-tiêu cũng gọi là « *Đăng-tiết* » nghĩa là « Tết đèn ».

Theo sách « *Đông-kinh hoa-mộng-lục* », có chép : « Đêm Nguyên-tiêu, trước cửa Đại-nội, có dựng rạp lớn, khách đi xem hội tập-lập đi lại ngoài đường ; trong kinh-thành, khắp nơi có tổ-chức những cuộc hát múa đủ trò, tiếng ca-nhạc vang xa hơn mười dặm. »

Theo văn-hóa Trung-quốc, dân ta cũng làm lễ Thượng-nguyên vào ngày rằm tháng giêng như đời Đường. Lễ này hồi xưa, ta cũng cử-hành long-trọng như các lễ chính trong năm. Có điều khác là đối với dân Trung-quốc, ngày lễ này là ngày vui đẹp, đầy ý-nghĩa nhất trong một năm, còn đối với dân Việt-Nam, ngày đó chỉ còn là ngày lễ-bái, ngày mà việc đi chùa lễ Phật gây được nhiều phúc-quả hơn cả sự khấn-cầu Phật Thánh trong suốt một năm, nên mới có câu :

« Lễ Phật quanh năm, không bằng ngày rằm tháng giêng »

Chânz rõ đi lễ hôm đó, có gây được nhiều thiện-căn phúc-quả không, vì thực ra :

« Thiện-căn ở tại lòng ta,
« Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài ».

NGUYỄN-DU

Hoặc đúng hoàn-cảnh hơn, ta có thể nói ;

« Chữ tâm kia mới bằng ba chữ cầu ».

Có điều chắc-chắn, là đi lễ ngày rằm tháng giêng xem ra vui-vẻ nhất, vì dân Việt-Nam vừa ăn tết Nguyên-Đán và Khai-hạ xong, công việc làm ăn buổi đầu xuân chưa lấy gì làm bận rộn, nên còn thư-tâm và rỗi thì giờ đi thăm viếng các nơi danh-lam thắng-cảnh như đình chùa, miếu-vũ, v... Lại gặp lúc trời xuân đầm-ấm, hoa cỏ đua tươi, vậy còn gì hơn nhận dịp này để vừa đi lễ Phật cầu phúc, vừa đi du-ngọa thưởng xuân.

Trên đây, đã lược-thuật nguyên-ủy và ý-nghĩa bốn tiết-lễ chính-trong tháng giêng do tục-lệ, thành-kiến hoặc tôn-giáo đã tạo-thành.

Ta nhận thấy mỗi tiết-lễ có một nguyên-ủy và ý-nghĩa khác nhau, song có một điểm nhận xét chung, thiết-tưởng ta nên nhấn mạnh : « Hễ gặp bất cứ tiết lễ nào, dân ta, nhất là đa-số dân quê, không quên bày ra những cuộc lễ-bái (hương hoa, cỗ bàn) trong gia-đình để tỏ lòng kính-niệm đối với tổ-tiên, chân thành kính mời tiên-nhân về chứng-giám tấc thành của con cháu, và đồng-thời cùng hưởng với người còn sống những thú vui chân-chính, do các tiết-lễ ấy đã gây trong lòng người. Ấu cũng là một tục-lệ đáng tôn-trọng, nhắc cho ta lúc vui lúc buồn, khi thịnh, khi suy, bao giờ cũng nhớ đến người đã khuất, đã đây công gây dựng hạnh-phúc cho quốc-gia xã-hội ; ấu cũng là một cách tỏ thành-ý của dân ta không bao giờ quên người xưa, vẫn biết « uống nước, nhớ nguồn ».

Lời đẹp ý hay.

— *Cư tất trạch lân, du tất trạch hữu.*

TUÂN - TỬ

— *Tìm chỗ ở, phải lựa nơi xóm giềng ; tìm chỗ out chơi, phải lựa bạn bè.*

H. V. DỊCH

KHẢO-CỨU VĂN-CHƯƠNG

Nhân dịp đầu xuân, bản báo đăng dưới đây, ba bài khảo cứu về ba thi-sĩ : một ở Nam-phần, một ở Trung-phần, và một ở Bắc-phần xưa.

L.T.S

SƯƠNG-NGUYỆT-ANH,

MỘT NỮ-SĨ MIỀN NAM.

của NGUYỄN-VĂN-KIỆT

○ I đến một văn-nhân, thi-sĩ, người ta hay nhắc nhở đến gia môn, huyết-tộc của vị ấy ; nhưng ít khi người ta tìm xem trong hàng miêu-duệ, đã có ai nối-nghiệp văn-chương làm cho tên tuổi bậc danh-nhân càng thêm rạng-rỡ. Đó có thể xem là một khuyết-diểm đối với khách bàng-quan, nhưng kỳ thật là một sự dè-dặt đối với nhà khảo-cứu. Nếu tổ phụ của Nguyễn-Du đều là bậc nho gia danh-vọng đời Lê, thì phần đông con cháu các thi-nhân đều có dịp than câu bất-hủ của Louis Racine, con nhà kịch-sĩ Pháp ở thế-kỷ thứ XVII :

« Je suis le fils indigne d'un père si glorieux ! »

(Tôi là đứa con không xứng đáng đối với một người cha danh-vọng biết-bao !).

Vì thế, tìm kê lại sự-nghiệp của con cháu các danh-nhân, nhiều khi vô tình người ta làm buồn tủi hơn là làm vinh-dự.

Nhưng đối với giòng-dõi của tác-giả Lục-vân-Tiên, có lẽ đây là một lệ ngoại đáng kể. Cụ Nguyễn-đình-Chiều, mặc dầu đã mang bệnh mù lòa, vẫn giữ một gia-phong cao-nhã, trong ấy đã sinh-xuất nhiều người đức-hạnh, thông-minh ; đặc-biệt nhất là bà Sương-nguyệt-Anh, con gái thứ năm của cụ Đờ.

Bà tên thật là Nguyễn-xuân-Khê, sanh vào khoảng 1862. Thuở nhỏ, bà theo cha học tập tại Ba-tri, và đã nổi tiếng là một tài-nữ. Chẳng những bà là một bậc thông-minh, mà còn là một trang-diễm-sắc, cùng người chị là Nguyễn-thị-Xuyến đã làm nhiều trai đồng-thời dè-ý, thường xưng tụng hai cô là Nhị-

Kiều. Bà vốn biết giá-trị của mình, nên cố ý kén chọn trong đám nho-sinh một người được nhiều tài-đức gồm đủ. Người ta kể chuyện rằng một hôm có hai chàng trai đến viếng cụ Đồ ; nhưng gặp lúc cụ vắng mặt, cô Nguyễn-xuân-Khuê ra tiếp khách. Hai chàng thừa dịp tỏ ý ước mong ; cô Khuê ngồi trầm ngâm rồi đáp lại bằng một câu đối :

« Đấng tiêu-quốc, sự Tề hồ ? Sự Sở hồ ? ».

Nghĩa là : Đấng là một nước nhỏ (ở giữa hai nước lớn là Tề và Sở) phải theo phò nước Tề, hay theo phò nước Sở ? Hai chàng trai bối rối, đưa mắt nhìn nhau ; một chập sau, một anh tươi cười đáp lại :

« Ngã đại-trượng, phạt Quách hy, phạt Sở hy ! ».

Nghĩa là : cây to của ta, đánh nước Quách, đánh nước Sở !

Câu đối nghe được, nhưng có nghĩa thô, cô Năm e-thẹn bỏ vào nhà trong, sai một đứa bé đem ra hai câu thơ môm viết trên mảnh giấy nhỏ :

*Chiêu-Quán nhan-sắc nghe ra ưỡng.
Táy-Tử phong-lưu nghĩ lại buồn !*

Hai câu ngân-ngũ mà chan-chứa bao nỗi hận lòng, lại cũng có ý trách hai chàng không phải là người lý-tưởng.

Đến ngoài hai mươi tuổi, bà kết duyên với ông cai tổng Tính ở Bến-tre. Bà sanh đặng một gái tốt tươi, nhưng chẳng bao lâu ông Tổng mất. Đương độ thanh-xuân, nửa đường gãy gánh, bà ôm mối sầu vô hạn. Nhờ chút con thơ và mượn thú văn-chương, bà khuấy-khỏa sống qua ngày tháng. Chính đây là lúc bà lấy hiệu là *Sương-nguyệt-Anh* để họa thơ với thi-nhân đã cảm vì nhan-sắc và hạnh-kiểm của bà mà buồn lòng trên ghẹo. Trước hết là thầy Bầy-Nguyễn ở Mô-cày (Bến-tre) :

*Ai về nhân với Nguyệt-Anh cô :
Chẳng biết lòng có tnh thê mô ?
Không phải vát chùa toan đóng cửa,
Đây hồng gấm-ghê bắc cầu ô.*

Bà họa lại :

*Chẳng phải tiên-cô cũng đạo cô,
Cuộc đời dẫu bề biết là mô.
Lọng sươn đầu rách còn kêu lọng,
Ô bịch vàng rông cũng tiếng ô !*

Họa họa :

*Phát thời cô-quả, chịu thời cô.
Chẳng biết tuồng đời tnh thê mô ?
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa.
Ngọc lành chi để thẹn danh ô.*

Kể đó ông Phủ-Học ở Bến-Tre gửi bài « ghẹo-Nguyệt » :

*Phát gần với Nguyệt lúc lưng voi,
Đặng hỏi Hằng-Nga nổi sự đời.
Ở hạ mây mưa còn kếm sác,
Về thu non nước tỏ cùng noi.
Hay trông Du, Lương, xây lâu rước,
Hoặc đợi Thanh-Liên, cất tiếng vơi.
Vóc ngọc há sồn cơn gió bụi,
Tài tình rõ mặt khá đua bơi... .*

Nhân đó, bà làm hai bài cảm-tác dưới đây :

I

*Đường xa vôi-vôi dặm chơi-vơi,
Nghĩ nổi mày xanh ngán sự đời !
Biển ái sóng ân còn lấm lúc,
Mây ngàn hạc nội biết là nơi ?
Một dây oan trái rồi vay t-ả,
Mấy cuộc tang thương để đời đời.
Chước qui mưu thần áu những kẻ,
Gặp cơn nguy hiểm khó đua bơi.*

II

*Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi.
Nên hư trong cuộc phải coi đời.
Ven mây bóng tỏ soi ngàn dặm,
Đáy nước cung-thiềm tỏ khắp noi.
Nột tri đũa gian hèm về rặng,
Vui lòng người triết thú đua bơi.
Khởi vòng Hối Thực vương ra mặt,
Đứng giữa trời xanh tiếc chẳng đời.*

Mấy vần kệ trên nghe có giọng khất-khe, khiến cho người đọc qua không

khỏi trách bà là tự-cao tự-phụ. Nhưng chúng ta nên hiểu bà không muốn dùng lời môi-mép để xướng-họa với khách làng thơ, mà bà cố nêu cao phẩm giá mình, và tỏ ra một thái-dộ cự tuyệt-đối với những ai đã ra giúp việc tân trào.

Tâm chí của bà Trương-nguyệt-Anh, cũng như văn-thư của bà đã làm cho nhiều sĩ-phu đồng-thời cảm-phục. Riêng các bạn nữ-lưu vẫn xem bà như tấm gương sáng chói cho các chị em noi theo. Họ đồng nhau yêu cầu bà ra viết báo, để có dịp tiếp-xúc với các nữ giới trong xứ.

Bà nề lời kêu gọi, đứng ra lập tờ « Nữ-giới chung » mà chính bà làm chủ bút. Đó là cơ-quan ngôn-luận đầu tiên của phụ-nữ Việt-Nam cách trên 40 năm về trước. Thời bấy giờ, nước Pháp đã đặt nền cai-trị vững-chắc trên xứ Nam-kỳ và đang lo khuyến-kích các nam-nữ thanh-niên theo học chữ quốc-ngữ và chữ Pháp. Tờ « Nữ-giới chung » cũng như nhiều tờ báo khác, chỉ phải hưởng-ứng theo chánh-phủ trong việc kêu gọi thanh-niên. Bà Trương-nguyệt-Anh, dẫu có tâm-chí thế nào, cũng chỉ được bàn những vấn-đề về giáo-dục phụ-nữ trước trào-lưu tân-học.

Tuy vậy, thỉnh-thoảng trong những bài bát-cú đăng trên « Nữ-giới chung » độc-giả đã được dịp nghe bà thổ-lộ nhiều câu thăm-thía :

Tiến ông Trần-khai-Sơ
(Thuyền bở Kinh-lịch Sađéc).

Ngàn xưa để mấy hội tao-phùng,
Sađéc nay thấy tách cốt-đông.
Phong cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung.
Quê người tạm gởi nhành dương liễu,
Đường hoạn xin tròn phận kiếm-cung.
Cái tác râu mày thì phải vậy :
Nặng bằng non Thái, nhẹ bằng lông.

Đó là một bài thơ tiễn bạn mà trong đó bà ngụ-ý vạch rõ phận-sự của một người trai đối với quê hương. Rõ-rệt nhứt và chua xót nhứt là bài sau đây bà làm ra trong lúc đi xem vua Thành-Thái đến dự yến ở Sài-gòn :

Ngàn thu may gặp hội Minh-lang,
Thiên hạ ngày nay trí mở-mang.
Tắc đất ngọn rau tròn dưới mắt,

Đạt cơm bầu nước chặt ven đàng.
Vui lòng thánh-đế trên xe ngựa,
Xót dạ thần dân chốn lửa than !
Nước mắt cô cùng trời đất biết !
Biền dẫu một cuộc nghĩ mà thương !

Đó là một bài cảm-đề, ngụ-ý trách ai ngắt-ngưỡng trên xe ngựa, mà không thấy nỗi lầm than của dân chúng và cuộc đau bề của nước nhà. Người ta truyền rằng bài thơ ấy đã đến tai vua Thành-Thái, và sau khi ngài đọc rồi lấy làm hổ thẹn, tìm cơ dời khỏi Sài-gòn.

Đến buổi văn niên, bà tỏ ý chán mùi tục lụy, muốn được như cây mai sống nơi hẻo lánh, để giữ mình thanh-khiết, mặc ai nhiều tiếng thị-phi. Xem bài thơ bà đáp lại ông Bái Liễu ở Mỹ-tho, thì đủ biết ý-chí của bà.

Bài của ông Bái Liễu

Trời đất ghen chi bực sắc tài !
Vườn xuân vọt úa bảy phần mai.
Gương loan sấn-sóc càng ngo-ngáo,
Phấn oế đời mài lại kềm phai.
Lặng-lẽ duyên hồng tơ-tóc vẫn,
Vấn-vương phận liễu tháng ngày dài.
Bông đào bao thuở thay đời lửa,
Nỡ để trăng thu xế bóng đời !

Bài bà họa lại

Tài không sắc, sắc không tài,
Lá úa nhành khô cũng tiếng mai.
Ngọc ánh chi nài son phấn lọt,
Vàng ròng há sợ sắc màu phai.
Ba giếng trước đã xe tơ vẫn,
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.
Dầu khiến duyên này ra đến thế,
Trăng thu bóng xế rạng non đời !

Đi viếng núi Điện-Bà ở Tây-ninh, trông thấy cây mai trắng đơm hoa nửa lụng, bà cảm mến thân hoa, xuống bút đề thơ tán thưởng :

Non linh đất phước trở hoa thần,
Riêng chiêm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết nhộm nỉ lành tiên in sắc trắng,
Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngân.
Mây lành, gió tạnh, nương hơi chánh,
Vóc ngọc, mình băng, bật khỏi trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến,
Non linh đất phước trở hoa thần.

Đi viếng một chùa nữ, trông thấy các ni-cô vui sống trong cảnh thanh-tịnh vô-tư, bà nghĩ đến mình, rồi cảm xúc đề thơ gửi tặng:

Tặng Ni-cô :

Vắng-vội xa gần tiếng pháp-chung,
Tĩnh đời ẩm lạnh đã nguôi lòng.
Âm-thanh thâm-thâm trần ai lặng,
Các-tĩnh lâu-lâu ngọc giá trong.
Cánh cửa từ-bi nương phận bạc,
Mảnh gương tế-độ nhuộm màu hồng.
Trời tây biển khổ trông ngao-ngán,
Tĩnh giác hoàng-lương nguyệt nửa vòng.

Hai bài thơ tả hai cảnh khác nhau, nhưng đều có hoài-bão một ý muốn thoát đời, sống cảnh an-nhàn, không đề nợ trần vương-viú. Tuy vậy, đối với người trong xã-hội, thì bà rất hiểu phận-sự thiêng liêng, nên không có ý gieo-rác tư-tưởng chán đời, và không hề khuyêa con người nên lánh xa trần-thế.

Bằng chứng là bài thơ bà gửi khuyên con rề nên tục-huyền, sau 8 năm vợ chết, chỉ sống với con thơ. (Rề bà là ông)Nhâm-Sanh Mai-văn-Ngọc, một nhà nho ở Mỹtho có phẩm-hạnh khác thường, Phạm-Quyên nghe danh đến viếng, đã phải khen là một bậc cao-sĩ).

Có lúc từng quyền, có lúc kính,
Làm trai nào ắt khỏi tiền-trần.
Bơ-thờ nắng gội hoa nghiêng nhụy,
Lấy-lất mưa qua bươm giữu hình.
Ngựa một dành cam con thất hiếu,
Nghiêng tai chịu tiếng quỉ vô tình.

Dưới đời ai dứt đường sanh hóa,
Trông cháu riêng người quạnh một mình.

Cuộc đời bà Sương-nguyệt-Anh đã trải qua nhiều cơn đau khổ ; nhưng bao nhiêu nỗi khổ hình như để thử-thách người thiếu-phụ kiên-trinh. Bà không vì cảnh hiu-quạnh gia-đình mà buông ra lời thơ thống-thiết như Ngọc-Hân Công-Chúa ; bà cố trấn-tĩnh cõi lòng để chống trả với bao nhiêu lời trêu cợt của khách văn-chương. Vì thế, các văn thơ của bà đọc lên nghe có giọng nghiêm-trang, giống như những câu đoan chính của Nguyệt-Nga, con gái tinh-thần của Đờ-Chiêu. Đó một phần lớn là nhờ giáo-dục gia-đình đã nhồi nắn ra con người có tư-cách và tính-tình cao-thượng.

Nhắc đến bà Sương-nguyệt-Anh, người ta còn thấy lại nơi bà một tấm gương hoạt-động cho phái nữ-lưu ; người ta không quên một cây bút dẫn-dõi, đã từng nêu trên tờ « Nữ giới chung », nhiều vấn-đề lý-thú về phận sự đàn bà đối với gia-đình, xã-hội. Trong buổi giao thời, phụ-nữ nước nhà mới vừa ra khỏi khuê-môn để tiếp-xúc với văn-hóa Âu-Tây, bà Sương-nguyệt-Anh rất đáng xem là một nữ-sĩ tiên-phong trên đất Việt.

Ngày nay, đọc lại văn thơ của bà, chúng ta còn ghi nhớ những lời khuyên bảo bọn nam-nhì ; chúng ta còn cảm kích mấy câu kêu gọi tấm lòng đối với quốc-gia, chúng-tộc :

Cát tác râu mày thì phải vậy :
Nặng bằng non thái, nhẹ bằng lông.

Đó là những câu nhắc-nhở thanh-niên đừng bỏ phí một thời, phải biết đem thân quí báu mà phụng-sự cho chánh-nghĩa.

Vui lòng thánh-đế trên xe ngựa,
Xót dạ thần dân chốn lửa than !
Nước mắt cô cùng trời đất biết.
Biền dầu một cuộc nghĩ mà thương !

Đây không phải là mối rung-động thoáng qua của bà huyện Thanh-Quan, một phu-nhân khuê-các, mà là nỗi đau đớn ngậm-ngùi của một trang tâm-huyết đã từng sống giữa dân-chúng lầm than, đã từng trông thấy bao cảnh đời trong xứ sở.

Giữa lúc ít nhiều thanh-niên đô-thị còn ham-mê những cuộc vui vật chất

nó làm chết mất chí quật-cường, mấy câu bắt-hủ trên đây, trải qua hơn bốn mươi năm, còn vang lại một dư-âm như một tiếng chuông cảnh-tinh. Bà Surong-nguyệt-Anh chẳng những là một nữ-sĩ tiên-phong trong buổi giao-thời, mà còn đáng xem là một sự mâu của các thanh-niên nam-nữ ngày nay.

NAM-CẦM KHÚC,

MỘT ÁNG VĂN-CHƯƠNG MIỀN TRUNG

của BÛU-CẦM

M ÛA thu năm Canh-tuất, Tự-Đức tam niên (1850), nhân dịp cụ Phương-đình Nguyễn-văn-Siêu về Bắc, Tùng-Thiện vương đặt tiệc tiễn đưa. Cũng như Bạch Lạc-Thiên xưa, già khách ở bến Tầm-dương, vương thiết tiệc trong một con thuyền, trên dòng Phân-giang tại phía đông-nam thôn Vĩ-dạ, giữa một đêm trăng huyền-ảo.

Dự tiệc, hầu có đủ các mặc-khách tao nhân trong Tùng-vân thi-xã. Lễ tất-nhiên, không thiếu Tuy-Lý vương, một nhân-vật trong Tùng-vân và là bạn tri-kỷ của Nguyễn-Phương-Đình.

Trước mấy hồ rượu nhạt, giữa cảnh trời nước bao la, chủ khách lặng lẽ nhìn nhau, tỏ vẻ ngậm ngùi vì con ly biệt.

Đương lúc bàng-khuàng, chủ-nhân bỗng nhớ đến tác giả «Tỳ-bà hành», trong đêm đưa khách, tuần rượu chưa tàn, đã tưởng tới ngón trúc, đường tơ. Tùng-Thiện-Vương liền cho người đi mời Đầu-nương, một nữ danh cầm ở An-cự, xuống thuyền gảy đàn nam-cầm cho khách nghe, vì khách văn chương thường yêu nghệ-thuật.

Cây đàn nam-cầm do Luân-quốc-Công Nguyễn-phúc-Tử sáng-chế. Công là con Định-quốc-Công Nguyễn-phúc-Trú, em Vô-vương Nguyễn-phúc-Khát và chú của Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần. Công rất tinh nhạc-lý, xét nghiệm âm-điệu tiết tấu chẳng bao giờ sai lầm. Thường hiềm vì điệu nam rất cao, đàn xưa nhấn nhịp không đúng, công mới chế ra cây đàn nam-cầm. Đàn này có bốn dây, thùng dầy và vuông, cần dài ba thước mộc, hợp đàn cầm, đàn sắt và đàn tỳ-bà làm một; tiếng thanh lẫn cả đàn tranh, đàn nguyệt. Công thân tự cho người thợ rất tinh-vi. Nàng truyền lại cho Đầu-nương. Lúc trẻ tuổi, Đầu-nương đã

từng nổi danh tài sắc. Sau nàng kết duyên với một viên Tham-tán. Chồng nàng cũng thích âm nhạc, cùng nàng nghiên-cứu kỹ-càng về nhạc-lý, đương thời những nghệ-sĩ thạo đàn nam-cầm không ai sánh kịp. Chẳng ngờ Tham-tán mất sớm, để cho nàng phải chịu duyên-số bẽ-bàng, đành ôm mối hận lòng sống nốt những ngày tàn tạ. Từ đó, nàng thề không gảy đàn. Nhưng nay vì kính nể Tùng-Thiện-vương, nàng đâu dám chối-từ.

Sau khi đã thường thức mấy điệu nam-cầm ai-oán, lại nghe lời tự-sự của Đầu-nương, kể đời cô-đơn góa-bụa của nàng, Tuy-Lý-vương nặng lòng cảm-khái tự ví mình như Giang-châu Tư-mã, lúc trở về làm một bài trường-thiên bằng chữ Hán, ngay đêm ấy, đề kỷ sự. Khi viết đến câu cuối, đêm thu tuy chưa sáng, nhưng tiếng chim đã nghe xao-xác đầu thành. Bài ấy vương lấy tên là « Nam-cầm khúc » (南琴曲) và liệt vào bộ « Vĩ-dạ hợp-tập » (1).

Mới xem qua, « Nam-cầm khúc » của Tuy-Lý vương, tuy không khác gì « Tỳ-bà hành » của Bạch Lạc-thiên, cũng trường hợp ấy, văn-thê ấy, nhưng xét kỹ, mỗi bên có mỗi đặc-tính.

Trước hết, chúng ta phải khảo-sát về thân-thể của hai tác-giả. Bạch Lạc-thiên là một kẻ phong trần luân-lạc, đã từng trải tình-trường, đến ngày bị biếm ra làm chức Tư-mã quận Cửu-giang, tiên sinh đã chịu nhiều tủi nhục. Cho nên, khi gặp kỹ-nữ tài-hoa phận bạc, có cái cảnh-ngộ truân-chuyên gian khổ giống mình, tiên sinh đã gạt lệ mà thốt ra câu :

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,

Tương phùng hà tất tằng tương thức (2).

Lời văn đậm-dà, khảng-khít, lại không kém vẻ lãng-mạn của một thi-sĩ đa tình, chứng tỏ mối cảm-thông thâm-thiết giữa tài-tử với giai-nhân, tuy mới buổi đầu tao-ngộ,

Còn Tuy-Lý vương, thì từ buổi hoa niên, chỉ ở trong vương-phủ thâm-nghiêm, gần gũi mẹ từ, bạn hiếu, lại cần phải giữ danh dự cho địa vị của mình, nên khi gặp Đầu-nương, vương tuy một dạ ái-ngại cho nàng, nhưng không dám là-loi, vồn-vã. Bởi vậy, lời văn trong « Nam-cầm khúc » đượm mùi cổ-kính, trang nghiêm,

- (1) « Nam-cầm-khúc » do Bửu-Cầm phiên âm và chú thích, in thành sách năm 1949, đã được Bộ Quốc-gia Giáo-dục liệt vào loại sách giáo-khoa bậc Trung-học.
- (2) Cũng một lứa bên trời lận-đận,
Gặp gỡ nhau lạ sắn quen nhau.
(Phan-huy-Vĩnh dịch)

Vả lại, cây đàn tỳ-bà trong truyện Bạch Lạc-thiên là cây đàn bát hủ; trái lại, cây nam-cầm của Luân-quốc-công chế ra chỉ truyền được một thời-gian ngắn-ngủi, từ đời Định-vương (1765-1777) đến Đầu-nương, chưa được trăm năm, đã mất tích.

Vang bóng của cây nam-cầm còn mãi đến ngày nay, cũng nhờ có tác-phẩm của Tuy-Lý vương.

Nhưng tiếc thay, một tác-phẩm có giá-trị như thế, lại viết bằng Hán-văn, mà nay nho học đã tàn, nên khó lưu truyền tới đời sau.

Ngày nay, các bạn tân-học còn biết được giá-trị bài « Nam-cầm khúc » của Tuy-Lý vương, cũng nhờ có Di-hiền tiên sinh đã dày công phiên-dịch tác-phẩm của phụ-thân ra chữ nôm. Lúc thiếu thời, tiên sinh được cha yêu-quí, không có cuộc hội-họp văn-chương nào mà chẳng đem theo. Tiên-sinh đã từng đoạt giải nhất trong một cuộc thi thơ chữ Hán, do Tùng-Thiện vương ra đề, nhân dịp mùa thu năm Nhâm-tuất (1862), khi các danh-sĩ trong Tùng-vân thị xã hội - kiến trên sông Hương đề kỷ niệm bài « Tiên Xích-bích phú » của Tô-Đông-pha (1).

Tiên-sinh đã áp-đạo trên ba chục thi-nhân dự cuộc thi này dù tiên-sinh là người trẻ tuổi hơn hết.

Chẳng ai không biết bài « tỳ bà hành diễn nôm » của Phan-huy-Vĩnh, nhưng có lẽ rất ít người biết tới bản « Nam-cầm-Khúc phiên-dịch quốc-âm-ca » của Di-hiền Hồng Sâm, — một áng văn-chương có giá-trị, mà trong một thế-kỷ nay vẫn còn tiềm-tàng trong bóng tối. Bản dịch của Di-hiền tiên sinh đã lột hết tinh-thần của nguyên-văn.

Ta hãy đọc đoạn nguyên-văn, tả nỗi cảm-khái ngậm-ngùi của người đi kẻ ở :

Thu giang thủy thâm, ịu nguyệt bạch,
Lan-dải Tống Ngọc bi thu khách.
Nhất tôn lâm thủy tổng tương qui,
Ngân chúc bằng song liệt dao tịch.
Thử tể tranh giao bất tận hoan,
Thử hậu tương tư liễu vô ích.
Ỗ duệ trùng canh Việt-khách ngậm,
Khẩu huyền khước ức Trương-nga sắt.

(1) Bài « Tiên Xích-bích phú » do Tô-Thức làm vào mùa thu năm Nhâm-Tuất, đời Tôn-Thần-Tông, niên hiệu Nguyên-Phong thứ tư (1082).

Mở đây là lời dịch của Di-Hiền :

Trăng thu tỏ, nước thu trong,

Đài Lan chàng Tống xót lòng vì thu.

Một ve tời bên đưa nhau,

Thuyền chong đèn rạng, tiệc đau người về.

Chẳng làm vui bữa hôm ni,

Nhớ nhau bữa khác ịch gì đã tan,

Ngậm câu Việt-Khách thở than,

Dừng chèo lại nhớ khúc đàn Trương-nga.

Ta nhận thấy cách phiên-dịch của tiên-sinh thực tài-tình, giữ đúng ý của nguyên-văn, mà vẫn dùng chữ rất tự-nhiên, không bị thức-phược.

Dưới đây, là đoạn nguyên-văn tả tiếng đàn của Đầu-Nương :

Tam diêm lưỡng diêm sơ vũ lai,

Đại huyện tiều huyện loạn châu thác.

Xuân tàn thực quốc oán đề quyền,

Hàn thậm Nghiêu niên ngữ lão hạc.

Thập nhị liên hồ lậu thủy đa,

Kim lò hương lãn trận yên tà.

Hiệu phong cách ngạn huyện thuyên yết,

Sương sắc tiền châu bạch vĩ hoa.

Lời dịch :

Bốn dây to nhỏ châu sa,

Thoát như trời đổ một và hạt mưa.

Lạnh nghe hạc nói năm xưa,

Thâm nghe Thục dễ khóc đưa xuân về.

Muống sen giọt nước đầy ve,

Thu vàng lửa đốt khói che hơi trà.

Gió mai bờ quanh ve ngậm,

Cồn phơi bóng trắng, lau dầm màu sương.

Di-hiền Tiên-sinh dụng ý dịch cho đúng ý của tác-giả, chứ không gò-gép theo từng chữ, từng câu. Như câu : « Tam diêm lưỡng diêm sơ vũ lai » đáng dịch trước mà Tiên-Sinh lại sắp năm sau là « Thoát như trời đổ một và hạt mưa », còn câu « Đại huyện tiều huyện loạn châu thác » lại được dịch đây ngược lên là « Bốn dây to nhỏ châu sa » ; hai câu tiếp theo sau đó, tiên-sinh cũng dịch theo cùng một thể-cách.

Có khi tiên-sinh không dịch đúng nguyên-văn, hoặc dùng những chữ mà trong nguyên-văn không có, song chẳng những không làm mất ý của tác-giả, lại còn giải-thích được cả những điển-tích khó trong lời thơ.

Xích tích qui lai hồn đoàn mấn,
Hoàng kim tán tận vị triều đầu.

Tiên-sinh dịch rằng :

*Mắc gièm từ đó về sau,
Tóc thương bạc vẫn, hát chầu vàng quàng.*

Hai chữ « Xích tích » (giày đỏ) của nguyên-văn mất hẳn ; ta thấy hiện ra hai chữ « mắc gièm ». Thiên Mân-phong trong kinh Thi có câu : « Xích tích kỳ kỳ » (赤鴛几几), tả Chu-công lúc bị gièm nhưng vẫn giữ được thái-độ an-nhiên của người quân-tử. Nguyên-văn bài « Nam-cầm khúc » tả Luân-quốc-Công khi bị gièm nên dùng điển ấy. Tiên-sinh đã bỏ hai chữ « xích tích » và thay vào hai chữ « mắc gièm »

Lại cũng như hai câu :

Kim lai do thuyết Nhữ-nam-vương,
Bất sở đương niên Vũ-y-khúc.

Tiên-sinh dịch ra quốc âm :

*Nghê thường chẳng kể là hay,
Mà thiên « Bích-Ngọc » đến rày còn ghi.*

Đoạn văn đã dùng hai chữ « Bích-Ngọc » để dịch ba chữ « Nhữ-nam-Vương ». Độc-giả chắc không khỏi ngạc-nhiên khi thấy tiên-sinh dám lấy tên một người để dịch một tên người, nhưng nếu ta biết rằng Bích-Ngọc và Nhữ-nam-Vương tuy « hai mà một », thì hẳn phải thần phục cái tài của dịch-giả. Dữ Tín có hai câu thơ : « Định tri Lưu Bích-Ngọc, du giá Nhữ-nam-Vương » (定知劉碧, 玉偷嫁汝南王) : Cho hay Lưu Bích-Ngọc, đem gả Nhữ-nam-Vương). Lưu Bích-Ngọc là vợ lẽ của Nhữ-nam-Vương. Vì quá sùng-ái nàng, Nhữ-nam-Vương đã làm bài « Bích-Ngọc ca » để tả mối tình đằm-thắm giữa hai người, hiện còn lưu-truyền trong « Nhạc-phủ thi-tập ».

Xem thế, dù biết học-vấn của Di-Hiến tiên-sinh thực là rộng-rãi và cách phiên-dịch của tiên-sinh thường có biến-đổi khiến cho người đọc thêm phần hứng-thú.

Đoạn tả tâm-sự Đầu-Nương, nguyên-văn như sau :

Yêm-ức tối-tàn biệt tứ sinh,
U sầu uyên-chuyên bất phân-minh.

Tiên-nhân lâu thương tha sinh quả,
Chức-nữ kiều biên dị đại tình.
Tha sinh dị đại tình hà hữ,
Nhất lữ xuân tâm bất nằng thồ.
Lục-thủy thanh-sơn tống lục Triều,
Tao-nhan phượng-thảo bi tam Sở.

Tiên-sinh dùng những lời dịch rất nhẹ-nhàng, lưu-loát :

*Dùng-dằng nổi tiếng biệt-ly,
Sầu riêng chẳng rõ việc gì gì đây ?
Lâu tiên đã lỡ kiếp này,
Câu ở đề nợ còn chầy về sau...
Trước sau lắm kiếp tình sầu,
Tơ tằm một mối buộc sầu không rời.
Lục triều, tam Sở đời đời,
Nước non hoa cỏ xót lời tao-nhân.*

Nước non hoa cỏ hãy còn, nhưng tao-nhân đã đi không trở lại ... Đọc lời văn thanh tao chải chuốt, rồi nghĩ đến đời tiên sinh bị kết liễu một cách vô cùng thảm khốc (1) thì dù người không quen biết tiên-sinh cũng ngậm-ngùi ứa lệ.

Đoạn nhắc tới Đầu-nương lúc góa chồng, và tả cảnh vườn nhà của Tham-tán khi vắng chủ, nguyên văn có mấy câu :

Đan tám bạch phát lưu thâm thệ,
Thức khúc tri-âm dãi lai thệ.
Thoa chiết, hoa phi, ngọc mạo tàn,
Huỳnh tối, nhạn lãnh, hoàng tuyền bẽ.
Thôi-cửu đường tiền sự dĩ phi,
Kỳ-vương trạch lý kiến vô kỳ.
Tiêu-tụy đường lê y xế lạc,
Năm-né yến tứ nhận lương qui.

Tiên-sinh dịch thành mấy câu tuyệt-diệu :

*Lông son, tóc bạc, thề sầu,
Tri-âm còn đợi kiếp sau cùng đàn.*

(1) Tiên-sinh bị Nguyễn văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết đày sát năm 1883, vì tiên-sinh đã phản đối sự chuyển quyền của hai vị Phụ chính ấy.

Tuyên-dài chỉ dứt, trực tan,
 Hoa bay, trâm gãy, hồng-nhan quá thi.
 Trước nhà Thối việc còn chi,
 Tòa Kỳ-vương đã không khi thấy rồi.
 Bông đường héo ử thêm vôi,
 Chất, chiu con én ngậm mỗi rường không.

Phải chăng mấy câu trên này là dự-cảm bất-tường của đời tiên sinh ?
 Dịch nôm bản « Nam cầm khúc », tiên-sinh đã khóc mướn, thương rày cho viên
 Tham-tán, ái ngại cho Đâu-nương, ngậm ngùi cho đầu-bà. Nhưng sau khi tiên
 sinh bị độc-sát, có ai khóc trộm thương thầm cho tiên-sinh và xót-xa ái-ngại cho
 bà vợ góa của tiên-sinh, đương nửa chừng xuân, phải ồm-duyên phận bẽ-bàng
 như Đâu-nương chẳng ?

Nếp vườn nhà cũ của tiên-sinh, gần từ đường Tuy-Lý-vương, sau khi
 vắng chủ, dành trải qua một thời-gian trong cảnh điêu-tàn, rồi ngày nay đã vào
 tay chủ mới.

Ái đã được đọc thơ vãn của tiên-sinh, nếu một ngày kia có dịp đi ngang
 qua thôn Vĩ-dạ, trông thấy cảnh vườn cũ của tiên-sinh bây giờ không còn giữ
 được một chút dấu vết của thời xưa, chắc không khỏi chạnh lòng liên-tưởng
 đến câu « Cầm khái hào hoa thành thệ thủy » trong bản « Nam-cầm khúc » mà
 tiên-sinh đã dịch là « Hào-hoa như ngọn thủy triều chảy xuôi ».

Tang thương hăng bày ra trước mắt, thế cuộc đầy rẫy những vật đổi
 sao dời, nhưng lời tao-nhân bất hủ vẫn còn phảng-phất với non sông.

Bản « Nam cầm khúc phiên-dịch quốc âm ca » của Di-hiền tiên-sinh là
 một hương-hỏa quý-báu của văn học Việt-nam, mà kẻ viết bài này tự nhận thấy có
 bổn phận phải đưa ra giới thiệu với tất cả những ai thường lưu tâm đến văn-đề
 quốc-học.

Xin xem Nguyên-văn và bản Dịch nghĩa bài « NAM-CẦM-KHÚC »
 ở phần PHỤ-LỤC (trang sau).

PHỤ - LỤC

NGUYÊN-VĂN

Thu giang thủy thâm, thu nguyệt bạch,
 Lan đài Tống Ngọc bi thu khách.
 Nhất tôn lâm thủy tống tương qđ,
 Ngán chúc bông song liệt dao tịch.

Thử tế tranh giao bất tận hoan,
 Thử hậu tương tư liễu vô ích.
 Ý duệ trùng canh Việt-khách ngậm,
 Khẩu huyền khước úc Tương-ngã sát.

Cự nhật Thu-nương tuyết mãn-xâm,
 Bế môn hoa hạ yêu trầm-trâm;
 Tương yêu địa chủ tình hà hậu,
 Vĩ tâu ai huyền ý tỵ thâm.

Tọa khách sạ đình kịm tạc-lạc,
 Mạn nhiên khinh lung tiệp tiệp tác,
 Tam điềm lưỡng điềm sơ vũ lai,
 Đại huyền tều huyền loạn châu thác,
 Xuân tàn Thục quốc oán đề quyền,
 Hàn thậm Nghiêu niên ngữ lão hạc.
 Thập nhị liên hồ lậu thủy đa,
 Kim lô hương lãn triện yên tà.
 Hiều phong cách ngạn huyền thuyền yết.
 Sương sắc tiền châu bạch vĩ hoa.

Đầu nhiên di cung phục hoán vũ,
 Thương bản, Hạ đỉnh, Chu thạch-cổ.

DỊCH NGHĨA

Trăng thu tỏ, nước thu trong,
 Đài Lan chàng Tống xót lòng vì thu.
 Một ve tới bến đưa nhau,
 Thuyền chong đèn rạng tiệp đầu người
 về.

Chẳng làm vui bữa hôm ni,
 Nhớ nhau bữa khác tịch gì đã tan.
 Ngậm câu Việt-khách thơ-than,
 Dừng chèo lại nhớ khúc đàn Tương-
 nga.

Thu-nương tiếng đã đồn xa,
 Bạc đầu đóng cửa dưới hoa một mình;
 Rước mời nhà chủ hậu tình,
 Nề lòng nàng phải lựa vành cung
 thương.

Đỡ say đừng chước chén vàng,
 Lặng ngồi khách hãy nghe nàng dạo qua.
 Bốn dây to nhỏ châu sa,
 Thoắt như trời đổ một vò hạt mưa.

Lạnh nghe hạc nói năm xưa,
 Thăm nghe Thục-đế khóc đưa xuân về.
 Muống (1) sen giọt nước đầy ve,
 Thú vàng lửa dối khói che hơi trầm.

Gió mai bờ quạnh ve ngâm,
 Cồn phơi bông trắng, lau đầm
 màu sương.
 Đồi cung đời ử khác thường,

Trống Tuyên, vạc Vó, chầu Thang
 giọng kỳ.

(1) Muống : thìa

Yêm ước tời àn biệt tứ sinh,
Ủ sấu uyên chuyên bất phân minh.
Tiên-nhân lâu thượng tha sinh quá,
Chức-nữ kiều biên dị đạt tình.
Tha sinh dị đạt tình hà hử,
Nhất lữ xuân tằm bất năng thối.
Lục thủy thanh sơn tổng lục Triều,
Tao-nhân phương thảo bi tam Sở.
Bích sa song hộ chiêm thùi-đương,
Nặc nặc thâm khê tương nhĩ nhĩ.
Nhĩ nhĩ tình thâm tự thán tức,
Thử nhạc do lai ọj dị thức.
Tùng thử tán thanh bất khả văn,
Chỉ kim cụ sự do năng thuật.
Phồn-hoa tế số thái-bình niên,
Thiểu tiều kham tư toàn thịnh nhật.
Hán đạt hiền phiến bản hảo âm,
Chế thành tán khí hiệu nam-cầm.
Phò tương Tử-Tấn Hầu-sơn ý,
Tả xuất Nha-sinh bích hải tâm.
Ý khí phiến phiến tuyệt trừ lữ,
Bội ngọc minh loan tự dung đự.
Nhất phiến tâm can phụng chí tôn,
Thập ọj yêu phúc phó ngôn ngữ.
Thê hào tấu phú thị Thừa-minh,
Tự trung giá lập số tiên trình.
Tây xa tán cấp kim-ngô ky,
Tứ đệ hoàn liên Tử-cám thành.
Vương-mẫu phong tư tăng thức diện,
Gia-nhân lễ số bất hồ danh.

Đa nghệ xuyên dương kiếm đoạt sáo,
Lưu tâm thực-phổ đáo trà kinh.
Lưu tâm đa nghệ hà tu số,
Đắc ý bình sinh duy nhạc-phủ.

Dùng-dàng nổi tiếng biệt-ly,
Sầu riêng chẳng rõ việc gì gì đây.
Lầu tiên đã lỡ kiếp này,
Cầu ô đề nợ còn chày về sau.
Trước sau lắm kiếp tình sầu,
Tơ tằm một mối buộc sầu không lơi.
Lục Triều tam Sở đời đời,
Nước non hoa cỏ xót lời tao-nhân.
Song the liễu rủ phòng xuân,
Thăm thăm như kẻ chuyện đàn tay hai.
Đàn rồi thử vẫn than dài,
Đàn này chưa để mấy ai biết mùi.
Tiếng nay chẳng đứng nghe rồi,
Việc nay xin kẻ đầu đuôi ngọn ngành.
Trẻ thơ kẻ lúc thái-bình,
Kề người toàn-thịnh, kẻ mình phần-hoa.
Này ông Quốc-thúc triều ta,
Đặt ra đàn ấy hiệu là « cầm nam ».
Tơ loan thay tiếng tơ lằm,
Đem niềm phú-quí đời làm thần-tiên.
Lấy-lãng ý khí ai phen,
Gan vàng một tấm rắp đèn ơn vua.
Thung-dung ruổi ngọc, đeo châu,
Mười vầng lung lớn lời so Đông-Bình.
Ngồi hoa châu chực Thừa-minh,
Sỹ Tương-Như sẵn bên mình dấng can.
Theo xe một cấp lính quan,
Trong thành lại lập tòa ban gần đền.
Lễ nhà trên chẳng kêu tên,
Dung-quang Vương-mẫu từng quen
thường ngày.

Ăn chơi mỗi việc mỗi hay,
Phát cung ngọn sáo cũng tay anh tài.
Kề chi những việc ăn chơi,
Một nghề ca nhạc nửa đời lưu tâm.

Tiêu-lĩnh đề dư Thuộc-độc-biên,
Trường thiên ngắm biển Bồ-đào-phổ.
Lục-ý đàn thành dẫn phương-hoàng,
Hồng tiên thư bất ngắm anh-vũ.

Du nhân tứ cốc động hương trần,
Vũ-nữ quỳnh diên hồi bạch trụ.
Ngán tranh tiêu đội án Lương-châu,
Tán thị Bình-đương cụ chủ ầu.

Đề-chi án phách truyền phòng-lão,
Đào-diệp phiến ca giáo Mạc-sầu.
Xích tích quí lai hồn đoán mấn,
Hoàng kim tán tận ọj triều đầu.

Lão niên tiến đạo chuyên ọj đức,
Lưu thử ty đồng áp trúc nhục.
Kim lai do thuyết Như-nam vương,
Bất số đương niên Vũ-y khúc.

Nhân sinh vạn sự diệc hà thường,
Phú quý công danh cánh khả thương.
Đại cung bảo ngọc Chu thân quí,
Đái lệ sơn hà Hán thế trường.
Nghị-tệp-hạ văn-chương thanh sử truyện,
Hoài-nam kẻ khuyến bạch văn hương.
Đằng-vương cao các không đàm ảnh,
Lương-uyên trường châu tự tịch dương.
Cầm khải hào hoa thành thế thủy,
Đệ-tử hà nhân truyền tuyệt kỹ ?
Giáng sa trưởng lý hữu nga mi,
Nhất khúc Quảng-lãng trùng ọj lý.
Lưu truyền vũ nội đảo kim ty,
Phu-tế phong-lưu thiên-hạ tri.

Đàn ra phương liệt theo cầm,
Viết rồi anh-vũ học ngắm tờ đào.
Thi Thuộc-độc, phổ Bồ-đào,
Khúc nào chẳng đợi, tuồng nào chẳng
hay.

Tiệc quỳnh ca-vũ liền ngày,
Xe thù người tới bụi bay lấp đường
Gây tranh bạn nhỏ hồng-trang,
Lựa con hát gái Bình-đương những
người.

Diễn thơ nhạc-phủ mấy bài,
Xếp nghề phòng-lão, dạy ọj Mạc-sầu.
Mặc gièm từ đó về sau,
Tóc thương bạc vẫn, hát chiều vàng
quảng,

Tuổi già nghề ọj quá chường,
Được mùi thanh lặng còn ưng đàn này.
Nghề-thương chẳng kẻ là hay,
Mà thiên « Bích-Ngọc » đến rày còn
ghí.

Người đời muốn việc chắc chí,
Công-danh phú-quí thấy thì thêm thương
Chu-thần lá ngọc cành vàng,
Sơn-hà thê đó, Hoài-vương chốn nào ?
Nọ làn mây trắng phao phao,
Người đà lên sử danh trao giữa đời.
Các Đàng vườn thỏ mấy nơi,
Lầu sa bóng nước, cây phôi nắng chiều
Thần ôi ! thâm-thiết ghe điều !
Hào-hoa như ngọn thủy-triều chảy xuôi
Ngón đàn truyền đó ọj ai ?
Quảng-lãng nổi bậc có người hầu yêu.
Vợ chồng một khúc học theo,
Truyền quanh trong cõi ai đều mảng
danh.

Nữ tử vô sầu phiến cựu phò,
 Nam nhi tác kiện đầu tán tỳ.
 Phần huyền cấp quản xuy đàn trực,
 Trách tự khinh ngoa kiệt thác trì.
 Kim khue thanh nhân nhân phi tích,
 Bạch phát đan tâm độc tự trì.
 Đan tâm bạch phát lưu thâm thế,
 Thúc khúc tri-âm đất lai thế.
 Xoa chiết họa phi ngọc mạo tàn,
 Huyền tối nhận lãnh hoàng tuyền bế.
 Thời Cửu đường tiền sự dĩ phi,
 Kỳ-ương trách lý kiến vô kỳ.
 Tiêu tụy đường lê y xế lạc,
 Năm nề yến tử nhận lương qui.
 Giao tiêu hữu hận triêu triêu lệ,
 Uyên thâm vô miên dạ dạ ti.
 Tuổi nguyệt tương thoi thành lão đạt,
 Giang sơn uyển tại bội thế kỳ.
 Quán bất kiến, mộ thượng tha niên ô-
 cựu thụ ?
 Kỳ thủ song chi liên lý xứ.
 Tình tri khúc lý hữu « Ly-loan »,
 Tâm thường bất khăng hướng nhân đàn.
 Hình quán vật tác « Nam-cầm-khúc »,
 Thành thượng ô đề dạ vj lan.

(1) Doanh : văn quanh

Tin tức năm châu . . .

CÁC BÀ NỘI TRỢ ĐƯỢC NGHỈ HÀNG NĂM.

Hàng năm tổ-chức Bảo-Trợ của Na-Uy tên gọi là NORSK FOLKEHJELP tặng cho một số các bà nội-trợ, mỗi bà 15 ngày nghỉ có lương. Riêng năm 1955 đã có 3.000 bà nội-trợ được hưởng chương-trình này. Chính-Phủ trả cho mỗi bà chừng 5.000 Phạt-lạng, còn thiếu bao nhiêu do tổ-chức NORSK FOLKEHJELP trả. Từ khi thành lập, hồi năm 1938, tới nay, tổ-chức này đã thưởng những vụ nghỉ hàng năm cho 18.000 bà nội-trợ to ra xứng đáng nhất.

NGHI BA

(Rút ở tài-liệu UNESCO)

MỘT THI-SĨ MIỀN BẮC:

Cụ Vân-Toàn DƯƠNG-TỰ-NHU

(1877 — 1930)

của TỬ-PHONG

Lần giờ thi ca của cụ Vân-Toàn Dương-tự-Nhu, chúng tôi nhận thấy lời văn bóng bẩy, thanh tao, thiết-tưởng nên đem ra giới thiệu cùng khách làng thơ, để góp phần vào tài liệu văn học sử nước nhà.

Vân-Toàn Dương-tự-Nhu là con cụ Nghệ Dương-Khue, mà trong văn học giới đều biết tiếng. Người làng Văn Đình, tổng Phương đình, huyện Sơn-Lãng (nay là phủ Ứng Hòa) tỉnh Hà-dông (Bắc-Phần), cụ sinh năm Đinh Sửu (1877), đỗ cử nhân khoa Canh Tý, và mất năm Canh Ngọ (1930). Bắt đầu vào hoạn trường, cụ giữ chức huấn đạo, thường nhậm chức ở mấy hạt trung-đại, như Phù-Ninh, Yên-Thế, Lục-Ngan. Hồi bấy giờ, Nho học đã suy, nên tại các trường huấn-giáo, số học trò đến tập văn-bài ít ỏi, các học-quan gần như ở một hư vị. Được nhân rồi, lại ở giữa nơi non xanh, nước biếc, thế n cảnh nghệ-túng, nên lẽ dĩ nhiên, cụ mượn thi-ca để tả cảnh, tả tình, khi trà dư tửu hậu; âu cũng là thú vui duy nhất của mặc-khách, tao-nhân, sống trong cảnh xa-xôi, hiu-quạnh.

Ta hãy nghe cụ tả tình cảnh, khi ngồi huấn-đạo tại huyện Phù-Ninh :

(1)

Canh rau nhạt nhẽo mùt quen nếm.
 Nhà lá lơ thơ khách vắng teo.
 Sớm vắng bên tường lò bẽ thời,
 Đêm nghe ngoài ngạn, nước ghềnh reo.

Mấy vần kê trên là cả một bức vẽ đầy thi vị, nhắc lại đời thanh đạm của một nhà nho. Ăn thì chỉ có canh rau, nên vị nhạt nhẽo; ở thì nhà lá lưa thưa lại nghèo túng, nên không mấy khi có khách đến chơi. Cảnh đấy, người đấy vì nên cảm xúc, ít ngủ, mới bình minh đã tỉnh giấc, thì bên hàng xóm đã nghe thấy tiếng lò rèn thời bẽ; tháng hoặc thao thức tới khuya vẫn chưa ngủ, nên nghe rõ tiếng nước ghềnh từ phía ngoài sông vọng lại.

(1) Thiếu 2 câu trên và 2 câu cuối, khi nào sao lục được sẽ đăng sau

Và đây là cảnh Yên-Thế (Bắc Giang) :

Yên-Thế phong-lưu biết thế nào ?

Phong-lưu mà cảnh cũng thanh-tào.

Nước lên khe đá đưa ngườì tục,

Hoa rả rừng cây đón khách hào.

Riu-riú chim kêu trên ngọn núi,

Véo-von vượn hót dưới chân đèo.

Quanh đờn, chợ họp thương-di khách,

Học xá trông lên mấy bước trèo.

Cái phong-lưu của thi-sĩ chỉ là cái phong-lưu tinh thần : phong-lưu vì đây rẫy những non cùng nước, những suối cùng rừng, những hoa cùng cỏ, thêm lẫn tiếng chim kêu, vượn hót, và tiếng khách thương lao-xao họp chợ ở dưới chân đèo, mà bên trên là nhà học. Thiếu-thốn mà vẫn tự cho mình là phong-lưu — cái phong lưu giả-tạo để tự mình an ủi mình — ấy khí tiết, thi vị của nhà nho là ở chỗ đó, chẳng có gì làm cho ta phải ngạc-nhiên.

Đi từ thôn quê ra Hà-nội, vào một ngày thu, cụ đã viết :

Cỏ hương ngành lại đã xa xa,

Mảnh gió lẩn thu tiếng nhạn qua.

Róc-rách chân dê dòng nước chảy,

Đầm-đìa ngọn cỏ giọt sương sa.

Khua trâu ngoài ruộng, Ồi con trẻ,

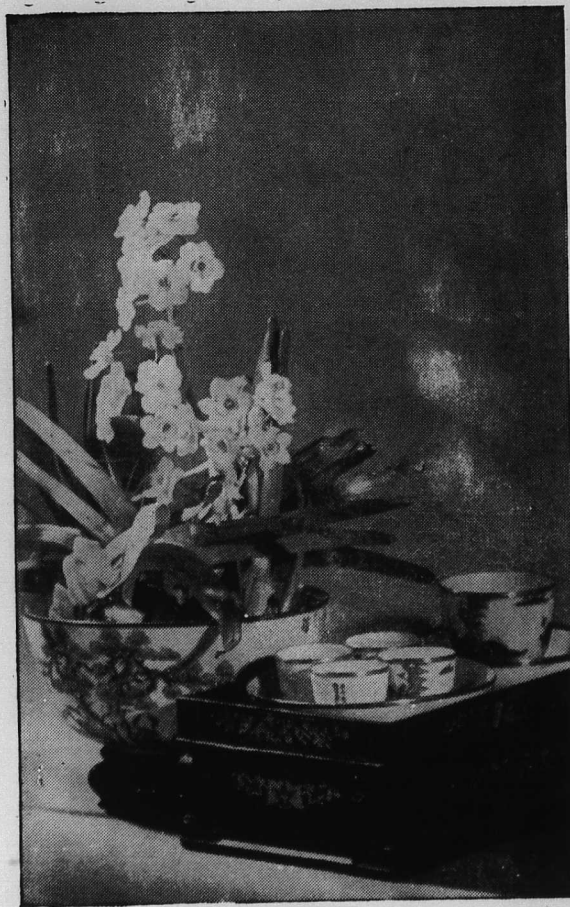
Bán nước bên cây, một cụ già.

Đường xá đi về, nào những kẻ ?

Lại đây ta nói chuyện nôm-na.

Mấy nét đơn-sơ phác-họa cảnh đồng quê, lại mô tả cả nỗi niềm tâm-sự của kẻ lữ-hành. Lời thơ nhẹ nhàng, thanh - tao, giản-dị, ít dùng chữ Hán, ai xem cũng dễ hiểu...

Khi làm tri-huyện Cầm-Khê, cụ đã giúp đỡ và xếp đặt đề ông bạn đồng song là cụ cử người Nghệ-An biệt hiệu Thương-Sơn ngồi dạy học gần cụ. Nhưng chẳng bao lâu, ít người thụ-giáo, cụ cử Nghệ phải ra về, cụ Nhu không



CHÉN TRÀ ĐẦU XUÂN

Kính ảnh Phạm-vân-Múi



VÙNG - TÀU MỘT ĐÊM TRĂNG
(Cảnh Xuân miền bắc)

khỏi ngậm ngùi, song cũng làm mấy vần bốn cột :

*Cố đầu trẻ cũng khó kia a ?
Ngán nỗi nhà nhỏ ,bác Nghệ ta !
Giờ lối bè, sê (b, c,) thây mĩi đợc,
Còn nghề thợ thân, tở ngám nga.
Nước non buổi mới nhiều tay trẻ,
Giăng gió vút chơi đờ tuổi già.
Nơi ấy chằng xong, nơi khác vậ,
Thôi thôi xin bác tạm về nhà !*

Năm 1914, nhân hội đèn Hùng-, thuộc tỉnh Phú-Thọ, cụ Văn-Toàn soạn bài thơ Đường-luật ghi công-đức vị vua thủy-tổ nước nhà, và một bài lục bát tả cảnh ngày lễ tung-bùng rộn-rịp.

Đây là bài đường luật :

*Miền tây cao ngất núi vua Hùng.
Đất ấy xưa là đất Lạc-Long.
Mười tám đời vua gây mĩi giếng,
Bốn ngàn năm cháu chứa quên ông.
Xây lăng sửa miếu, khen ai khéo,
Ăn quả trèo cây, nhớ kẻ giồng.
Đất tổ dẫu thơm còn mĩi đó,
Làm bia ghi tạc vớ non sông.*

Lời thơ thanh tao, mà ước-tình lại tha thiết, kính cần biết bao nhiêu...

Bài lục bát cũng đời-đào ý-trưởng :

*Mông mười ngày hội tháng ba,
Hội là kỷ-niệm vua cha nước nhà.
Sông kia một giải Hồng-hà,
Núi kia cao ngất gọi là Hùng-San.
Phong-Châu nền cũ thác bàn, (1)
Lạc-Long cùng họ Hồng-Bàng gây ra.
Hơn hai mươi triệu dân ta,
Bốn nghìn năm, nước thực là bền lâu.
Nắng mưa trải biết bao thẫu,*

(1) Ở chữ "bàn" còn thác tiết ". Ý nói công việc gây dựng nền móng lúc bấy giờ cũng khổ
hăn, như chặt phái đầu mẩu, rễ cây.

Nước non, non nước, một màu thanh-cao.

Đường đi (tinh chẳng là bao,

Tiên-Cương ga ấy thẳng vào thong-dong.

Hy-Cương cò-tích bên trong,

Đất này là đất vua Hùng ở đây.

Có lăng, có miếu mới xây,

Có chùa, có tháp, có cây cò-lòng.

Có giếng đá, có nước trong,

Hai bà thần nữ linh tung vẫn còn.

Dấu thơm từ trước chẳng mòn,

Tiên-Rồng lại nở ra con Tiên-Rồng.

At ơi, tót hội mà trông,

Nơi tung diều sáo, nơi giồng đu tiên.

Nào cờ, nào trống, nào đèn,

Nào xe, nào ngựa, như len chặt đường.

Leo đây, múa rối đủ phường,

Đánh cờ treo giải, lạ nhưng vui thay !

Khen ai khéo mở hội này,

Phải chăng tinh-hiến là người chủ-trương ?

Kìa hội-ngộ, nọ trình-chương,

Công cao, đức cả, làm gương đó mà.

Muôn ngàn cháu, chất gần xa,

Rủ nhau thăm lễ ngày là hôm nay.

Văn-minh kết-quả sau này,

Hỏi ai ăn quả, nhớ cây ai giồng ?

Sinh ra Nam quốc giống dòng,

Độc Nam-ca khúc đề đồng-bào nghe.

Viết bài tức sự như trên đề kỷ-niệm một ngày hội, tả những điều tai nghe mắt thấy, lại pha thêm ít nhiều tình-cảm và bình-luận, thiết-tượng ngọn bút đã tự-nhiên, linh-hoạt...

Đề thêm tài liệu về lối văn lục bát, xin chép thêm bản dịch bài « Khuê oán » bằng chữ Hán của Tuy-Lý vương ra quốc-văn, mà tác-giả cũng là cụ Văn-Toàn.

Xưa đã có câu « Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán, thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường ». Khỏi phải nói, ai cũng thừa biết giá-trị của những thi-văn chữ Hán do Tùng-Thiện Vương và Tuy-Lý-Vương làm ra. Tiếc rằng ở đây, không sao được nguyên-văn bản chữ Hán để đối chiếu với bản dịch, âu cũng là một khuyết-diểm xin chur vị miễn thứ.

Đây là bài dịch:

Nhà em cách mấy dặm dài,

Lênh-đênh một mái tân hoài bên tề.

Chiều hôm đi hái sen về,

Gặp anh ở chốn đường đê bên cầu.

Tình anh như nước sông sâu,

Lòng em như bóng giăng thâu giữa dòng.

Mười lăm liễu yếu xuân dung,

Năm em mười sáu tơ hồng xe đi.

Giăng đêm hoa sớm cùng khi,

Mãi vui cười cợt, nghĩ gì xa xôi.

Ao kìa sen nở đôi chồi,

Bãi sông chim lượn từng đôi đó mà.

Từ ngày duyên lạc cách xa,

Bức thư ngàn dặm, những là vắng tanh.

Giàng san lừng-lẫy thanh danh,

Thanh nhân tuổi trẻ, vui anh bán hàng.

Anh vui được lợi muôn ngàn,

Phòng sáu riêng thiệp, chứa-chan mạch sấu.

Kìa đôi chim yến bay đâu ?

Yến bay, bay tót lên lầu, lầu cao !

Thơ ca của tác giả chúng tôi sưu-tầm được, kê cũng khá nhiều ; nhưng trong phạm-vi một bài giới-thiệu, không thể nào biên hết ra được, chỉ xin trích đăng thêm vài bài hát nói :

I — Tặng Đào Cúc

MƯỜI

Dáng thu xem cũng lạ nhưng,

Sắc hương thanh đậm lại càng thêm ưa.

Tìm hoa khách những ngàn-ngờ,

Đông ly lại có bấy giờ thấy đây.

NÓI :

Bình sinh tri - kỷ duy hoàng cúc,
Đã yêu hoa dâm đẽ nhục hoàng hoa.
Hữu tình thay, hoa lại gặp ta,
Càng say tình, ngắm-nga càng thú vị.
Ngã diệp ái hoa như Mã-thị,
Hoa ưng ái ngã tự hoàng oanh.

Về thu xem nhường cũng gầy thanh,
Mà cao khách cũng phong tình lắm nhĩ !
Xin hoa chớ sượng-sùng, e-lệ,
Tươi hoa thơm có nhẽ nước càn đương.
Vị hoa nên phải tỏ đường.

II - Tặng đào Nghĩ:

MƯỜU

Giữa đường gặp-gỡ may sao!
Thế mà nghe tiếng má đào bấy lâu.
Tình sâu lái-làng nghĩa sâu,
Khi thân chẳng lọ là cẩu một thân.

NÓI :

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,
Cứ gì ai nghĩa cũ, mới là thân?
Buổi tán-tri ta hãy ăn cần,
Người tài-lữ, khách giai-nhân duyên nợ mãi.
Hồng phần tiền quân ưng tuyệt đại,
Thanh chiến tiểu ngã diệp vọng hàn.
Thôi cũng liều chịu tiếng đa-mang,
Góp phong nguyệt với giang san làm một tiệc.
Nhất phiến tình thâm do vị tiết,
Tay cầm tay từ biệt chốn la-ga.
Tương tri nghĩa ấy mới là!

Phải chăng thi ca của Văn-Toàn, cũng đáng ghi chép trong văn học sử nước nhà ?

HIỆU-ĐOÀN HỌC-SINH

với tâm-lý học.

của AN-KHÊ

Tại các nước Á-đông, nền học xưa hầu như lãng quên vấn-đề tâm-lý. Mới khai-tâm ít lâu, Âu-sinh đã học Tam-tự kinh, một giáo-khoa-thư bắt đầu bằng những chữ: « Nhân chi sơ, tính bản thiện ». Không những câu văn-tất này lạ cả một lời phê-bình trừu-tượng, khó-khẩn, về triết-lý, trẻ em không thể sao lĩnh hội; mà nó còn chứa đựng một ý-nghĩa sai-lầm, ngày nay không ai là không rõ. J.J. Rousseau cũng mắc phải ngộ-nhận như vậy, khi đã viết: « Ở tay tạo-hóa ra, con người vốn có tính tốt; chính xã hội đã làm cho thể-nhân hư-hồng ». (1)

Thực ra, tâm-lý học đã cho ta biết chắc-chắn rằng: tâm-hồn trẻ sơ-sinh, không thể giống như tờ giấy trắng, ta muốn viết gì lên cũng được. Không; vì luật di-truyền. chúng đã có những căn xấu, mầm hay, do tiền-nhân, do ông cha lưu-truyền lại, với huyết-thống của giống nòi. Bởi vậy, triết-gia đã nghiệm-thấy một vài con trẻ, mà sau này, dù có chịu ảnh-hưởng giáo-huấn tới chừng nào, cũng sẽ trở thành những phạm-nhân trọng tội. (2) Như thế, con người, lúc sơ-sinh, không thể sao được coi là bản-thiện.

Ở các nước Âu-Tây, mãi tới thế-kỷ thứ XVIII, các nhà giáo-dục, cũng chưa nhận-thức rõ-ràng sự quan-hệ của tâm-lý học, đối với công-việc dạy dỗ thanh-thiếu niên.

Chính J.J. Rousseau (1712-1778) đã viết: « Người ta không hiểu trẻ; người ta có những ý-tưởng sai-lầm, nên càng cố gắng bao nhiêu, lại càng lầm. Nhà giáo sành-sỏi nhất cũng chỉ tìm xem trẻ có những tính-tình gì là tính-tình người lớn, chớ không hề xem-xét tâm-trạng của trẻ, trước khi chúng trưởng-thành. Chính đó mới là công việc tôi theo đuổi, để rồi ra, dù phương-pháp của tôi có là một ảo-tưởng hay một ngộ-nhận, thì các điều nhận-xét của tôi vẫn hữu-ích. Tôi có thể hiểu lầm những điều phải làm; nhưng tôi đã nhận rõ tư-chất của bầy trẻ mà người ta phải giáo-huấn. Vậy, các ông hãy khắc-sát tâm-tính của học-sinh hơn nữa; vì chắc rằng các ông không biết chúng. Cho nên, nếu các ông

(1) L'homme est bon, sorti des mains du Créateur; c'est la société qui le déprave.

(2) criminels-nés

đọc sách này với ý-nghĩa như thế, thì thiết tưởng sách của tôi chẳng phải là vô ích ». (1)

Rousseau là một bậc thiên-tài, nên chỉ dùng trực-giác mà đã hiểu rõ sự quan-trọng của tâm-lý học ; nhưng, thực ra, cũng như các giáo-chức và phụ-huynh học-sinh về thế-kỷ ông, tức là thế-kỷ thứ XVIII, ông không hề nghiên-cứu tâm-lý học, và không rõ tâm-lý của thanh-thiếu-niên. Đã không bao giờ dạy học, ông lại trao cả 5 đứa con đẻ, cho một đấng-đường trẻ em vô thành-nhận ! Sang thế-kỷ thứ XIX và XX, các nước tiên-tiến Âu Mỹ, mới thi đua khảo-cứu tâm-lý học, thí-nghiệm về tâm-lý, tìm hiểu tâm-lý ở mỗi tuổi của thể-nhân, nhận xét tâm-lý giữa sự thực-tế hàng ngày... Riêng thế-kỷ XX đã được gọi là thế-kỷ của trẻ em (2), vì các triết-nhân và thức-giả đều lưu-tâm, chú-ý đến sự giáo-huấn thanh-thiếu-nhi, và hiểu rằng: Không căn-cứ vào tâm-lý, thì sự dạy-đỗ con em chẳng khác gì công-sức của già-tràng xe cát. Nền giáo-dục mới, còn gọi là học-đường linh-hoạt, hay học-đường mới, cũng lấy tâm-lý làm căn-bản.

Hiệu-đoàn là một phương-sách giáo-huấn, một thể-thức linh-động của nền giáo-dục mới, một công-cuộc cần-thiết để bổ-túc học-đường, thì không thể không dựa vào tâm-lý, hòa nhịp theo tâm-lý, phù-hợp với tâm-lý của tuổi xanh.

Nay, ta thử xét xem Hiệu-đoàn nên áp-dụng tâm-lý ra sao.

— trong mục-dịch theo đuổi,

— và trong sự hoạt-động hàng ngày.

A — MỤC - ĐÍCH

Các triết-nhân thường phân-tách tâm-lý cá-nhân ra làm ba loại trạng-thái: trạng-thái trí-tuệ, trạng-thái cảm-năng và trạng-thái hoạt-năng.

Thiết-tưởng ta nên theo đây, để lược-khả xem mục-dịch của Hiệu-đoàn cần sử-dụng tâm-lý của con trẻ ra sao.

(1) « On ne connaît point l'enfance ; sur les fausses idées qu'on en a, plus on va, plus on s'égare. Les plus sages cherchent toujours l'homme dans l'enfant, sans penser à ce qu'il est avant d'être homme. Voilà l'étude à laquelle, je me suis le plus souvent appliqué afin que, quand toute ma méthode serait chimérique et fautive, on pût toujours profiter de mes observations. Je puis avoir très mal vu ce qu'il faut faire ; mais je crois avoir bien vu le sujet sur lequel on doit opérer.

Commencez donc par mieux étudier vos élèves ; car très assurément, vous ne les connaissez pas ; or si vous lisez ce livre dans cette vue, je ne le crois pas sans utilité pour vous. »

(2) Siècle de l'enfant.

I. — Về tri-tuệ : Trước hết, Hiệu-đoàn có thể rèn-luyện các trí-năng của mỗi trẻ. Thật vậy, ta nên hiểu rằng các môn học ở nhà trường đều nhằm hai mục-tiêu khác nhau: không những nó công-hiến thanh-thiếu-nhi những kiến-thức cần thiết, mà còn trau-giồi các khả-năng của chúng, như tập cho chúng chú-ý, xem xét, suy-nghĩ, lý-luận, hiểu-biết, phê-bình, nhìn rõ đầu là chính-đạo, nhận-thức hoàn-cảnh để tùy cơ ứng biến. Tỉ-dụ, bài luận quốc-vấn dạy trẻ lối dùng chữ, đặt câu, hành văn, lập luận, nhưng đồng-thời, cũng tập cho chúng khảo sát, suy-xét, nhận rõ các góc cạnh một vấn-đề, để rồi ra, chúng sẽ biết phân-đoán trong mọi trường hợp, mà noi theo chính-đạo, không lầm đường, lạc lối. Đối-tượng thứ hai ấy, tức là tính-cách giáo-hóa, huấn-luyện, của mỗi môn học, có lẽ còn quan-hệ hơn là các kiến-thức do học-sinh thâm-nạp được. Ít nhiều gia-đình, không hiểu như vậy, nên phân-nàn : « không biết con trẻ tồn công-sức và thời-giờ để theo đuổi bao nhiêu môn học để làm gì ? Nào vật-lý-hóa, nào số-học, hình-học, nào sử-dịa, học-sinh khi tốt nghiệp ở trường ra, liệu có còn ghi trong ký-ức, các kiến-thức phức-tạp ấy chẳng ? Mà nếu còn nhớ chẳng nữa, thì liệu đã có dịp mang ra áp-dụng trong các công-việc hàng ngày không ? » Chê-trách như vậy, là chỉ vì không rõ tính-cách giáo-dục của các môn học, tức là mục-dịch chính của học-đường. Hơn nữa, tâm-lý-học chứng-miah rằng : những điều chúng ta đã lĩnh-hội được, vẫn lưu lại trong tâm-trí ta, chứ không hề tan-rã, tiêu-tán như người ta thường lầm-tưởng. Điều nào còn giữ lại trong ý-thức-trường, thì có thể nhận được phân-minh ; những điều đã rơi vào tiềm-thức, ta chỉ có thể nhớ về đại-cương, tỷ-dụ lắm khi, ta biết là câu chuyện đã xảy ra, nhưng không nhớ nó đã diễn ra trong không-gian và thời-gian nào ; sau hết, các điều đã lặn vào vô-ý-thức, thì ta quên hẳn, hầu như chưa biết bao giờ. Nhưng lãng quên đi, không phải là mất hẳn. Các kiến-thức ấy, thực ra, vẫn ẩn-náu trong chốn cùng-tận của tâm-hồn như các kiến-thức khác, rồi càng ngày càng thâm-nhiếp vào phần ý-trí cố-hữu, mà hợp thành bản-tính riêng-biệt của mỗi cá-nhân. Chỉ một tỉ-dụ cụ-thể cũng đủ chứng-minh hiện-trạng kia. Trong một bài trước, tôi đã nhắc tới một nghiệm-xét của nhà văn-hào Taine. Hippolyte Taine nuôi một nữ-tỳ đã cao-niên. Một hôm, người hầu gái ấy bị sốt như nung như nấu, và trong khi mê-sảng, nàng nói ra một thứ ngôn-ngữ, xưa nay, nàng chưa biết, mà cũng chưa học qua bao giờ. Xét ra, nhà văn hào mới rõ đó là tiếng nói hy-bá-lai. Nguyên trước kia, người nữ-tỳ đã giúp việc một vị mục-sư, một bậc đại-đức ngày ngày thường đọc kinh bằng tiếng hy-bá-lai. Nàng đã nhiều lần nghe qua, trong khi trông nom bếp nước. Thế là các lời cầu-nguyện đã lọt vào tai nàng, đến ẩn-náu trong khu-vực vô-ý-thức của tâm-hồn, mà nàng

không rõ. Lúc mê-sảng, tâm-trí bị đảo-lộn, những câu còn tiềm-tàng, mới rơi vào ý-thức trường, mà phát xuất ra lời. . . Vậy, các điều học hỏi trên ghế nhà trường có thể trở nên vô-ích về phương-diện kiến-thức, vì học-sinh có khi lãng quên hẳn, hoặc không có dịp áp-dụng trong thực-tế. Nhưng, trái lại, về phương-diện giáo-dục, trong việc huấn-luyện con người, thì nó không bao giờ mai-một hay trở thành vô-dụng; nó vẫn tiềm-ẩn trong tâm-trí học-sinh, gây cho chúng một lối nghị-luận, một cách khảo-sát, một bản-lĩnh và một tâm-hồn mới. Chỉ cần tự hỏi từ lúc nhập học, đến lúc tốt nghiệp ở trường ra, tính-tình mỗi trẻ có khác trước không, có hơn trước không, là đủ hiểu không có môn học nào là vô-ích, trong việc giáo-hóa con người. Herriot đã nói được rằng: « Văn-hóa là cái gì còn lại, khi người ta đã quên hết những điều học tập » (1).

Xem như vậy, về phương-diện huấn-luyện, các môn học thường phải dựa vào các kiến-thức, để gián-tiếp trau-giồi trí-năng. Trái lại, trong Hiệu-đoàn, học-sinh được chung sống cùng nhau để tập-luyện khảo-sát, suy-xét, phê-bình, được tự-do phán-đoán, thì qui-hóa là chừng nào! Hiệu-đoàn thực là một phương-tiện hữu-ích, để tổ-túc các giờ học chính-thức ghi chép trong chương-trình. Những hoạt-động của Hiệu-đoàn, như các cuộc nhóm-hợp, cắm-tại, viễn-du, làm bích-báo... thường có tính-cách rời-rạc, tản-mác, không đều-dặn, liên-tiếp, như các môn học đã xếp đặt trong thời-khóa biểu. Song, các cử-chỉ và hành-động kia đã gây những kỷ-niệm êm-dềm, đầy hứng-thú, ăn sâu vào tâm-hồn và ăn-nấu tại vô-ý-thức; như thế, nó tất sẽ có ảnh-hưởng sâu-xa tới sự hun-đúc trí-năng. Hiệu-đoàn là nơi áp-dụng một cách dễ-dàng, nguyên-tắc sư-phạm: « chơi mà học. »

Nhưng lẽ tự-nhiên, là nó phải hoạt-động, thực-sự hoạt-động. Nếu chỉ là một hình-ảnh ghi trên giấy tờ, có cũng như không, thì hiệu-đoàn không phải là hiệu-đoàn, còn nói chi tới những kết-quả mong-chờ.

2.— Về *cảm-năng*. Hiệu-đoàn còn có một mục-dịch chính thứ hai, là gây tình đoàn-kết giữa chúng học-sinh.

— Trong các giờ học chính-thức, các trẻ, thực ra, vẫn hoạt-động một cách lẻ-lai, riêng-biệt, không có những dây liên-lạc chặt-chẽ, thân-yêu. Trong một lớp, các trẻ cùng theo một bài, cùng áp-dụng một thời-khóa biểu, dưới quyền cùng một giáo-sư, nhưng ai nấy vẫn làm công-việc riêng của mình. Chúng đồng-thời gắng sức, chứ ít khi cộng-tác với nhau, ít khi nhận mỗi người một phần việc, để ăn nhip với nhau mà tạo nên một công-cuộc chung, trong đó, mỗi phần-tử đã để lại một chút ít tâm-hồn. Trái lại, trong Hiệu-đoàn, trẻ em luôn luôn cộng-tác

(1) La culture est ce qui reste, quand on a tout oublié.

mật-thiết với bạn, chung sống với bạn, hòa nhip với bạn, bắt buộc tránh xa lòng ích-kỷ, để nghĩ đến công-việc chung, nghĩ đến tình đoàn-kết.

— Lại nữa, nhà sư-phạm Hợp-chúng-quốc Peter Petersen đã tố-cáo rằng: uy-quyền của giáo-chức thường không phù-hợp với tính-tình con trẻ. Thật vậy, trước mặt giáo-sư, học-sinh, vì kính-nể, vì nhút-nhát, không thể thảo-luận hay hành-động một cách tự-nhiên, đầy-dủ, như khi chung đưng với những kẻ ngang hàng. Ấy là chưa kể cái hại ần-ức mà bác-sĩ Freud đã trình bày, sự bắt-buộc phải đè-nén tính-tình, sữ-dục, khiến trẻ sinh ra mỗi-một hay khó-tính, hoặc có khi, mắc bệnh thần-kinh.

Dù sao, sự nhận-xét của Petersen cũng rất đúng đối với các trẻ em Á-Đông, những thanh-thiếu-nhi hay có tính dục-dè, e-lẹ...

Bởi vậy, Hiệu-đoàn, nơi học-sinh được tự-do phát biểu ý-kiến, bộc-bạch nỗi lòng, tỏ tình thân-thiện với bằng-hữu, tha-thiết với các bạn đồng song, mới là một hoàn-cảnh thuận-tiện.

Tuy nhiên, muốn phát-huy tình đoàn-kết giữa chúng học-sinh, ta nên căn-cứ vào những khuynh-hướng vị-tọa, mà chúng đều có, dù ít hay nhiều.

Trước hết, là bản-năng quẩn-cư, một bản-năng, xui-khiến các động-vật cũng muốn chung sống với nhau. Vì nó, ong, kiến mới tu-tập làm tổ; hươu vượn biết tương thân, tương trợ... Cao hơn một tầng, con người cũng vì nó, mà ít khi chịu đứng lẻ-lai, tro-trọi; rồi tình đoàn-thề đã nảy-nở giữa các bạn đồng-môn, đồng-nghịệp, đồng-cấp, đồng-chí, đồng-tâm, đồng-quận, đồng-hương, đồng-chủng... Dương-bá-Trạc đã nghĩ đến ý-nghĩa hợp-quần trong câu:

Đã sinh cùng giống cùng nơi,

Cùng trong đất nước, là người đồng thân...

Lẽ tự nhiên là các bạn Hiệu-đoàn trường, Liên-đội-trường, và Tiêu-đội-trường, sẽ khích-lệ bản-năng này, để các học-sinh hân-hoan vượt khỏi lòng vị-kỷ, mà bước sang đời sống tập-đàn.

Song, triết-gia nhân-nhũ rằng: chỉ khi đã quá mười tuổi, trẻ mới có thể đi từ chỗ cùng chơi, đến chỗ cùng nhóm-hợp để khảo-sát. Phải chăng vì thế, mà các hiệu-đoàn ở cấp trung-học, có phần dễ linh-động hơn là ở các trường tiểu-học, nơi mà giáo-chức cần cho thiếu-nhi nò-đùa, rồi chúng mới dần dần tìm hiểu.

Xu-hướng thứ hai đáng được chú-ý, là tính mô-phỏng, một bản-năng để gây nên sự thuần-nhất trong đoàn-thề. Theo nhà xã-hội học Tarde, thói bắt-chước có ba đặc-tính thiên-nhiên.

— Nó biểu-lộ từ dưới lên trên. (1) Trong nhà, con thường bắt-chước cha ; ở trường, trò thường bắt chước thầy ; ngoài xã-hội, quần-chúng thường bắt chước kẻ thượng-lưu. Các triết-gia tin rằng : trong một nước, hạng người nào được nhân-dân mô-phỏng, mới thực là hạng cao-đẳng, có ảnh-hưởng tới kẻ xung-quanh.

(Xem tiếp trang 51)

(1) tức là người dưới bắt chước người trên. Nhưng sự trên, dưới ở đây, căn-cứ vào tâm-lý, chứ không vào địa-vị xã-hội, hay vào niên-ký. Vì vậy, có khi trong nhà, cả cha mẹ anh em đều chịu ảnh-hưởng, và bắt chước một người con giỏi-giang, đặc-sắc. Trong xã-hội, thì xưa kia, về thế-ký thứ II và thứ I trước Tây-nguyên, người La-mã xâm-chiếm Hy-Lạp, nhưng vẫn cho người Hy-Lạp là văn-minh hơn mình, coi họ là hơn, và bắt chước họ ; cũng bởi thế, sử-gia đã có câu : Những người thua trận đã chinh-phục được những kẻ chiến-thắng hung-hãn. — (Les vaincus ont conquis leurs farouches vainqueurs) Vậy, người Hy-Lạp thời đó là người trên, về phương-diện tâm-lý...

Thơ Xuân

XUÂN - HỨNG

Mỗi năm ăn Tết một lần,
 Mỗi lần ăn Tết, cái xuân một già.
 Ngày xuân dân kính, xem hoa,
 Hỏi hoa : « Đã thấy ta già hay chưa ? »
 Hoa cười trước gió xuân, thưa :
 « Nhà thơ từ xưa, từ xưa, đầu già !
 « Nèn thơ, đàn trẻ như hoa,
 « Người ta ai cũng gọi là trẻ thơ !
 « Chữ « THƠ » có tự nghìn xưa,
 « Nhà Thơ vốn với Trẻ Thơ điệp vần ! »
 Nghe hoa, người thấy thêm xuân,
 Ngày xuân, lại viết mấy vần vịnh hoa !
 Ngày thơ, này trẻ, này ta !

Đông - Xuyên
 NGUYỄN.GIA-TRỤ

CHU - VĂN - AN

hay gương tiết-tháo (+ 1370)

NAM HUNG

PHÊ-BÌNH Chu-văn-An, một nhà Nho, — ông Nguyễn-công-Thái, đỗ tiến-sĩ đời Lê-dụ-Tôn (1706 - 1729) — đã viết : « Kẻ các bậc nho - sĩ nước ta, tiên-sinh là người đáng trọng hơn cả... Than ôi ! đời thánh-hiền đã xa, không có tiên-sinh làm gương, thì kẻ học-giả lấy ai làm Thái-Sơn ? Thối liêm-sĩ đã tệ, không có người cao-thượng như tiên-sinh, thì kẻ sĩ-phu lấy ai làm gương cột ? »

Vậy, Chu-văn-An là người thế nào, mà có lời nghị-luận như kia ? Thiết tưởng đó là một câu ta nên tự hỏi, trong khi đồng-bào đương cần tái vô-trang tinh-thần, và chấn-hưng đạo-đức để giúp việc canh-tân xứ-sở...

o°

I.— **Tiểu-sử**— Chu-văn-An, tự là Linh-Triệt, hiệu là Tiều-Ẩn, vốn người làng Quang-liệt, huyện Thanh-Đàm, nay là xã Thanh-liệt, huyện Thanh-Tri, tỉnh Hà-Đông, Bắc-phần.

Tinh tình tự-do, phóng-khoáng, ông sống một cuộc đời giản-dị, thanh-cao, không màng công-danh, phú-quí. Ông vốn ưa đọc sách, nên gọi nơi ông ở là Văn-thôn, và cho dựng một ngôi nhà ở sườn đồi, trên bờ đầm, để vừa làm thư-viện, vừa mở trường dạy học. Các sĩ-tử, nghe tiếng ông, đến thụ giáo rất đông.

Đời Trần-Minh-Tôn (1314-1329), nhà vua biết ông là người tài đức, nên đã triệu ông vào kinh làm Quốc-tử giám tư-nghiệp, kiêm việc dạy dỗ Thái-tử. Ông bèn soạn sách « Tứ-thư thuyết-ước » để ghi chép những quan-niệm về văn-học của ông. Tương truyền ông còn viết ra hai tập thơ : « Tiều-Ẩn thi tập » và « Quốc-ngữ thi tập ».

Nhưng sau này, nhà Minh, lấy cớ là trừng phạt Hồ - quí - Ly, để bảo vệ họ Trần, sang chiếm đóng nước ta, trong suốt 13 năm trời, từ 1414 đến 1427. Trương - Phụ và Mộ:-Thạch, trước khi về Tàu, đã để bọn Hoàng-Phúc ở lại, với mục-dịch đồng hóa người bản xứ. Nhân đó, vua nhà Minh xuống chỉ lấy Ngũ-Kinh, Tứ-Thư và bộ Tinh-lý đại-toàn đưa sang nước Nam, và đồng thời, phải thu thập tất cả các sách vở của người Nam từ nhà Trần về trước, để đem về Kim-lăng. Vì vậy, các tác-phẩm của Chu-văn-An, cũng như

bao nhiêu văn-phẩm khác, đã bị trưng-thu, đến nỗi ngày nay, ta chỉ còn mấy bài thơ Hán-tự của ông di-truyền lại. Thật là một cuộc phá-hoại đáng cảm - giận là chừng nào, vì Chu-văn-An không những là một bậc túc-nho, mà còn là một nhà tư-tưởng có những ý-niệm thiết-thực và tân-kỳ, — những ý-niệm ta không thể phân-tích một cách đầy-đủ, chính vì thiếu tài-liệu kể trên. Trong cuốn « Lịch-triều hiem-chương văn-tịch-chí, » Phan-huy-Chú đã liệt-kê những tác-phẩm của nước nhà bị người Tàu lấy mất, trong đó có ghi rõ bộ « Tứ-thư thuyết-ước » của Chu-Văn-Trình, — Văn-Trình tức là tên thụy của ông.

Hơn nữa, ông đã biết ưa chuộng tiếng ta, dùng tiếng ta làm thơ phú, ngâm-nga bằng tiếng ta trong những lúc trà dư tửu hậu, giữa thời-kỳ mà đại đa số các bậc trí-thức còn coi rẻ tiếng nước nhà (1).

Sử còn chép rằng : dưới đời Trần-Dụ-Tôn (1341 — 1369), ông dâng sớ xin chém bảy người nịnh-thần. Vua không nghe, ông bèn từ chức, lui về nghỉ ở huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương bây giờ. Từ đó, ông không chịu nhận một chức-trách gì, chỉ ngao-du sơn-thủy, bạn cùng thi-thư, hay giảng dạy đệ-tử, mà nhiều người đã hiền-dạt, như Phạm-sur-Mạnh, hay Lê-Bá-Quát... Năm 1370, khi ông mất, vua Nghệ-Tôn sai quan đến dự tể, ban tên thụy là Văn-Trình công, và hiệu là Khang-Tiết tiên-sinh, cho tùng tự ở Văn-miếu, ngang hàng với các bậc tiên-nho.

II. — Một nhà hiền-triết : Chu-văn-An không những là một nhà văn, ông còn sáng-lập ra cả một học-thuyết, rất phù-hợp với nền văn-hóa và văn-học nước ta.

Nguyên từ đời Trần, nho-học bắt đầu thịnh. Trong nước có bốn học-hiệu được quốc-dân chú ý : học-hiệu Trần-Ích-Tắc, trước khi tên này theo giặc sang Tàu ; học-hiệu phủ Thiên-trường ; thư-viện Lan-kha trong núi Phật-tích, thuộc huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh ngày nay, do triều-đình lập ra và Trần-Hoạch làm sư - trường ; và quan-hệ hơn cả, là Cung-hoàng học - hiệu của Chu - văn - An.

Chu-văn-An nhận thấy hai tệ-tục : một là Phật-giáo, — lan-trần trong khắp hang cùng ngõ hẻm từ đời nhà Lý, — đã bị xuyên-tạc ở nhiều nơi, gây ra biết bao mê-tín, có hại cho nhân-dân ; hai là Nho-học càng ngày càng bị hiểu lầm, khiến cho thế-nhân nệ-cổ, và chìm đắm trong nạn từ-chương rỗng nghĩa. Xúc-động trước tình-trạng ấy, ông khởi-xướng lên phong-trào « Sùng chính tịch tà » tức là tôn trọng điều hợp lẽ, xua đuổi các sai lầm, không ngay thẳng, đề bài-trừ các dị-đoan, ăn-nấu dưới bóng Phật-đài. Đồng thời, ông muốn cho ai mấy áp dụng Khổng-học, một cách sáng-suốt, tinh - vi, đề chống lại cái nạn cử-nghiệp,

(1) « Nôm-na là cha mách quế »

coi thường cả thực-tế ; ông nêu lên một học-thuyết xác-đáng, mà chính ông đã tóm tắt bằng những khẩu-hiệu rất hay : « cùng lý, chính tâm, trừ tà, cự bễ » tức là « cùng lý, chính lòng, trừ tà, cự dỡ ». Nếu ai cũng chịu suy-xét cho hết lý, để tránh sự ngộ-nhận, và một lòng ngay thẳng, không mù-quáng thiên-tư (1), thì về sau này, người ta có đâu chỉ biết lân-bang Trung-hoa, nhất-thiết bề quan tòa cang, không muốn nhận đón các tân-trào khoa-học ! Và như thế, thì các thức-giả như Nguyễn-trường-Tộ và Đinh-văn-Điện, có đâu phải ôm hận, ncn sông có đâu làm-than, cơ-cực trong bấy nhiêu lâu !

III. — Một nhà ái-quốc : Được vua Trần-Minh-Tôn trọng-dụng, Chu-văn-An mang hết tài trí để giúp dân, giúp nước. Ông là bạn đồng liêu của những bậc lỗi-lạc như Đoàn-như-Hải, Phạm-ngũ-Lão, Trương-hán-Siêu, Mạc-dĩnh-Chi, và là một trong những người được quốc-dân trọng-vọng. Sử sách chỉ ghi chép những công-việc chung của Triều-đình thời đó, chứ không phân-tích công-sức của mỗi cá nhân. Nhưng ta thấy rằng : buổi bấy giờ, ngoài việc giao-hiệu với Tàu, và chinh-phục Chiêm - Thành, trong nước còn có nhiều cải-cách đáng kể, như năm Ất-mão (1315) lập lệ cấm người trong họ thừa kế nhau, năm Bình-thân (1316) duyệt-định các cấp văn võ, năm quí-hợi (1323) mở khoa thi Thái học - sinh, và bãi bỏ hẳn tục về minh, mà quân-sĩ, từ trước, vẫn theo... Tất Chu-văn-An cũng đã dự một phần trong các việc canh-tân vừa kể.

Đến đời Trần-Dụ-Tôn, trong mười mấy năm đầu, Minh-Tôn Thượng hoàng tự quyết-đoan mọi việc, nên giang sơn còn thịnh-dạt. Song, từ ngày Thượng-hoàng mất đi, tức từ năm Đại-trị nguyên-niên (1353), sự tồ-chức trong nước ngày một suy-vi. Kẻ gian-thần lộng-quyền, làm những điều phi-pháp. Chu-văn-An hết lời can-ngăn, song chỉ là công dã-tràng, vì phần đông, do lòng tham mù-quáng, chẳng chịu nghe theo chính-nghĩa ; ông bèn dâng « Thất trăm sáu » xin chém bảy kẻ nịnh-thần, — toàn là những người quyền-thế hách-dịch. Vua làm nger ; ông liền cởi mũ áo, từ chức, ra khỏi nơi quyền-quí, một là để cảnh tỉnh nhân-tâm, hai là không muốn trông thấy sự thối-nát của triều-đình. Quả nhiên, chẳng bao lâu, Dụ-Tôn say-mê tửu-sắc, chỉ tìm cách ăn chơi, đến nỗi sai gọi những phú gia vào cung-diện để cùng cờ bạc mua vui, bắt đình-thần thi nhau uống rượu, ai uống hết một trăm thăng, thì được thưởng hai trật... Chu-văn-An không được nghe theo, nhưng tấm gương trong sáng của ông đã chói lợi ngàn thu.

(1) Cùng lý đi với trừ tà, vì cùng lý thì tất là trừ tà. — Chính tâm đi với cự bễ, vì chính tâm thì tất là cự bễ. Hai nguyên-tắc « cùng lý, chính tâm » có tính-cách xây dựng, còn hai nguyên tắc « trừ tà, cự bễ » thì có tính-cách phá.

Về sau, sử-gia Lê - Tung đời Lê-Tương-Dực (1510-1516), phê bình rằng : « Thất trăm chi số, nghĩa động càn khôn », tức là : « Ý-nghĩa của bản số thất trăm, làm rung-động cả trời đất ».

Và chăng, cứ mỗi kỳ có hội - hè quan - hệ, Chu - văn - An lại đến ngo - môn bá - yết, như đề gián - tiếp và kín - đáo nhắc - nhớ nhà vua nghĩ tới những điều lễ-nghĩa. Tương-truyền có lần, Dụ - Tôn muốn vời ông trở lại việc triều-chính, song ông nhất-thiết chối-từ, vì hiểu rằng : khi người ta không nghe lời phải trái, thì đâu có tận-tâm, sự cố-gắng cũng chẳng ích gì cho dân cho nước... Dù sao, Thái-hoàng Thái-hậu đã phải than rằng : « Người ấy là bậc cao-sĩ, Thiên-tử không có thể bắt làm tôi được. Giao thế nào được chính sự cho người ta. » Dụ-Tôn ban y-phục cho ông ; ông phải nhận, nhưng lại đem cho người khác...

Sau khi Dụ-Tôn thăng hà, ông nghe tin quân-thần đón lập Nghệ-Tôn, thì mừng rằng giang-sơn có cơ hơn trước, liền chống gậy lên triều-kiến, rồi lại cáo lui, không nhận một chức-vị gì. Vua tỏ lòng kính-nể, sai quan tiễn ông về tận nhà.

IV. — Một vị sư-biêu : Ông có chí-khí thanh cao, suốt đời chỉ muốn mang tài chí ra giúp non-sông, xã-hội. Vì vậy, khi đời bỏ chính quyền, ông lại trở về dạy học, để rèn luyện thanh-niên.

Chỉ đọc mấy văn thơ của ông còn lại, ta cũng đủ rõ ông có những tính tình cương-ngạnh, thanh-cao. Đây là bài vịnh đầu mùa hạ, mà nguyên-văn viết bằng Hán - tự :

Sơ hạ

Sơn vũ liêu liêu trú mộng hồi,
Nộn lương nhất quyết khởi đình mai.
Yến tằm cố-lúy tương-trương khứ,
Thiền yết tân thanh lục-tục lai.
Điền thủy khe liên vô tục thái,
Xuất ly trúc duẩn bất phạm tài.
Cứ ngô tĩnh cực hoàn thành lân,
Ấn thượng tàn thư phong tự khai.

Bài dịch

Đầu mùa hạ.

Trại non chợt tỉnh giấc mùa hè,
Hơi mát đưa qua chiếc bóng mai,

Tìm lối lữ hoang xao-xác yến,
Đầy tường tiếng mới nào nùng ve.
Nhấp-nhò sen nước xa mùi tục,
Ngay thẳng mắng đồng át giậu tre.
Lặng dựa cành ngô người tựa biển,
Gió đầu giờ sách ý khôn đề.

— Lời dịch của Đinh-văn-Chấp. (1)

Về trí-sĩ ở Chí-linh, ông thường lặng ngắm cảnh non sông. Ông nhìn núi Linh-Sơn ở góc chân trời, hay theo rõi dòng Thanh-Lương, uốn khúc trước cửa nhà.

Vịnh Linh-sơn

Vạn điệp thanh sơn thốc họa bình,
Tà dương đảo quái bán khê minh.
Thúy la kinh lý vô nhân đảo,
Sơn thước đề yên thời nhất thanh.

— Nguyên-văn —

Bài dịch.

Bức họa lô-nhò cảnh núi đời,
Bóng chiều nghiêng-ngả nửa khe soi.
Um-tùm lối quanh không người tới,
Bóng mặt chim kêu khoáng mịt trời.

— Lời dịch của Vũ-huy-Chân —

Vịnh sông Thanh-Lương

Sơn yêu nhất mặc tịch dương hoành,
Lương lương ngư chu bạn ngạn hành.
Độc-lập Thanh-hương giang thượng vọng,
Hàn-phong tấp tấp ồn triều sinh,

— Nguyên-văn —

Bài dịch.

Một vật sườn non bóng xế gieo,
Thuyền câu dật chiếc dọc bờ theo.

(1) Nam-phong tạp-chí số 114, 115, 116. Dịch thơ đời Lý và Trần.

*Mình ai (1) trên giải Thanh-Lương ngắm,
Gió lạnh đưa ngắm ngọn nước triều.*

— *Lời dịch của Vũ-huy-Chân* —

Ông đã viết :

*Thân dử cô vân thường luyến tụ,
Tâm đồng cô tinh bất sinh lan.*

tạm dịch là :

*Tâm với giếng xưa, êm sóng gió,
Tâm cùng mây lẻ, hợp trư chiều.*

Đối với học-sinh, Chu-văn-An là một bậc phu-tử gương-mẫu, thân-ái mà nghiêm-ngộ. Phạm-sur-Mạnh, Lê-bá-Quát làm quan đến chức Hành-khiển, ngang với chức Thượng-thư sau này, mà đối với ông, vẫn giữ lễ thầy trò, khi tới thăm thường đứng hầu dưới đất, khi làm-lẫn thì bị quở-trách, khi được cùng bàn-luận thì lấy làm vinh-hạnh.

Người đời sau, vì khâm-phục, đã thần-thánh hóa tư-cách của ông, mà kể truyện rằng : trong hàng đệ-tử của ông, có một người thanh-niên tuần-tú, hàng ngày đến thụ-giáo, nhưng không ai rõ quê-quán và nhà-cửa ở nơi đâu. Các bạn đồng-song, vì trí tò-mò, bèn theo rồi mỗi khi tan học, thì thấy chàng kia đi về phía một con sông, rồi khi gần tới bờ, lại bỗng nhiên biến mất. Ai nấy đều nghi chàng là một vị thần-nhân. Ít lâu sau, có nạn hạn-hán, dân-tình lâm-than, cơ-cực. Động mối từ-tâm, ông Chu-văn-An, sau giờ dạy học, bèn giữ chàng lại mà rằng : « Đồng-bào ngày đêm rên-ri... Nếu con thực có phép lạ, thì còn chờ gì mà chẳng ra tay cứu giúp. Lòng thầy lưỡng những chờ mong... »

Chàng thanh-niên, vì tình sư-đệ, chẳng dám chối-từ, liền lấy nghìn, mài mực, rồi thổi vào đó mà làm phép, biến thành một trận mưa như chút nước, đem lại sự vui-mừng sung-sướng cho nhân dân... Đêm hôm ấy, sấm chớp nổi dậy ầm ầm trên dòng sông, như trời long đất lở ; và sáng hôm sau, người ta thấy trên làn sóng đục-ngầu, xác chết một con thường-luồng trôi rạt vào ven bờ... Đồng thời, Chu-văn-An nằm mơ thấy chàng thư-sinh nọ đến cáo-biệt mà thưa rằng : « Con vốn là thủy-thần ở nơi đây. Vì đã làm mưa gió trái mệnh Trời, nên con phải hóa kiếp, đi xứ khác ; vậy, xin đến bái-biệt thầy, chúc thầy vinh-an vạn phúc

(1) Theo thiên-y chúng tôi, dịch là : *Hiên - ngang trên giải Thanh - Lương ngắm.* thì có lẽ hơn, vì hai chữ hiên-ngang mới lột được hết nghĩa tự-de, độc-lập trong nguyên-văn mà vẫn ngụ ý chỉ có một mình, vì Hiên-từ có câu : *Ngang-tăng nhất trượng-phu.*

đề diu-dắt thanh-niên, và giúp đỡ non - sông, xứ-sở... » Nói xong, thư-sinh vái tôn-sư, rồi bóng chàng bỗng tiêu-tán trong làn mây bạc, như một cơn gió thoảng.

Đó chỉ là một câu truyện hoang-dường, nhuộm màu dị-đoan, mê-tin, trái với thuyết « tịch tà », mà chính Chu-văn-An đã nêu lên. Tuy nhiên, sự thù-dệt này cũng chứng-tỏ được hai điều :

— nhân-dân cảm-phục Chu-văn-An tới mức nào, mới tưởng-tượng rằng : thần-linh cũng đến thụ-giáo ông, mà được ông cảm-hóa, đến nỗi dù phải chết, cũng chẳng cưỡng lời.

— học-hiệu của ông có một tinh-thần rất cao. Thầy trò bao giờ cũng tha-thiết với các kẻ xung quanh, dầu phải hy - sinh, cũng không ngại cứu - giúp người hoạn-nạn, nâng-dỡ đồng-bào...

Hơn nữa, các tài-liệu lịch-sử đều tỏ rằng Chu-văn-An được nhân-dân tôn sùng, kính nể. Người đồng thời, thì có Trần-nguyên-Đán làm thơ tặng :

*Học hải hồi lan tục tái thuần,
Thượng trường sơn-đầu đặc tư nhân.
Cùng kính bác sử công phu đại,
Kính lão sùng nho chính hóa tân.*

Chúng tôi tạm dịch :

*Sóng tràn bề học tít mù khơi,
Sơn-đầu trông lên sáng tuyệt vời.
Hiệu rộng sử-kinh công-nghị lớn,
Nền nho thêm mới giúp muôn đời.*

Dưới triều Lê Thánh-Tôn (1460 — 1497), sử-gia Ngô-sĩ-Liên phê-bình rằng : « Thờ vua dăm phạm nét mặt mà không nịnh, xử thần chỉ lấy đạo chính mà không tà. Gây dựng nhân-tài thì có cả công-khanh là học-trò ; cao-thượng phong tiết thì Thiên-tử chẳng hề khinh như tòi tở. Thề-mạo chứng-chạc, đạo thầy đáng tôn, thanh-khí oai-nghiêm khiến kẻ nịnh khiếp-sợ. Kể sau ngàn năm, khi nghe tiếng, dầu người ngoan-ngu cũng thành liêm-chính, kẻ uơ-nhèn cũng muốn lập-công. »

Thời Lê Dụ-Tôn, như trên đã nói, Nguyễn-công-Thái cũng nhiệt-thành khen ngợi ; nay chỉ ghi thêm mấy lời của Thái : « ... Khi ở nhà, chăm giảng kinh-điển, học thật là chính ; lại đáng kính-phục nữa, là đạo thầy rất mực tôn-nghiêm, học-trò nhiều người thành-đạt. Cái ơn tiên-sinh đào-tạo nên người, thật là vô-cùng vậy... Khi giận kẻ quyền-thần, dăng sớ chém bầy đầu, làm rùng mình cả kẻ gian-nịnh, trung-nghĩa thực là chói lọi »... (lời dịch của Phan-văn-Sách).

Làng Quang-Liệt, — nơi sinh-quán của ông, — đã dựng đền thờ, trong có câu đối nôm :

*Thất trăm số còn thom, gương sử thẹn cho từng mặt-quốc,
Lục kinh do chưa nguột, biển huỳnh treo mắt chốn danh-hương.*

Nhân-dân trong vùng gọi ông là Đức thánh Chu, có khác gì Khổng phu-tử của Việt-Nam.

o°o

Học-vấn uyên-thâm, tinh-thần sáng-suốt, chí-khí hiên-ngang, tính-tình cương-trực, Chu-văn-An là một bậc hiền-tài, biết nhìn rộng trông xa, mà không lãng quên thực-tế. Khi giữ một nhiệm-vụ cao-quí, cũng như khi trước-tác hay rèn-luyện thanh-niên, ông lúc nào cũng mang tài đức của mình ra giúp ích quốc-gia, xã-hội. Và trên cả các công-việc làm, gương tiết-thảo của ông đã chói-lọi ngàn-thu, tỏa ra những tia sáng trong-trẻo để hướng-dẫn người sau...

Tin tức năm châu . . .

NƯỚC ANH VÀ VIỆC GIÁO-DỤC CÁC THỦY-THỦ

Nước Anh là một trong những cường-quốc có một nền hàng hàng-hải rất mạnh. Con dân đất nước ngày tháng lệnh đèn trên mặt bể, không phải là ít, nên chính phủ Anh phải nghĩ đến phương sách giáo dục những kẻ kém phương-tiền học hỏi này.

Năm 1955, Sĩ " Giáo Huấn các Thủy Thủ và trường Trung Học trên mặt biển " của Anh đã gửi 288.709 cuốn sách đến tay các nhân viên đội thương thuyền.

Những sách được cơ quan kê trên gửi đi như vậy, gồm cả mọi loại sách đọc, sách học và sách kỹ thuật nữa.

Sách có thể đòi được tại khắp mọi hải cảng lớn, nhờ có sự cộng tác của " Hội Các Thủy Thủ " tại ngoại quốc.

NGHI-BA

(Rút ở tài-liệu UNESCO)

HIỆU - ĐOÀN HỌC - SINH. . .

(Tiếp theo trang 42)

— Tính mô-phỏng còn đi từ trong ra ngoài. Vì cảm-phục tự thâm-tâm, ta mới bắt chước cử-chỉ và dáng-điệu của một vĩ-nhân. Sĩ-gia còn chép rằng: A-lich-son Đại-đế, xứ Macédoine bên Hy-lạp (358-323 trước tây-nguyên) (1), có lần duyệt binh, thấy tất cả các quân lính đều ngả đầu về bên tả, bèn lấy làm ngạc-nhiên; sau ông mới hiểu rằng: chính ông, lúc đi đứng, thường để đầu nghiêng về phía trái, và bởi vậy, quân-đội, lòng quá ư hâm-mộ, đã tự-nhiên bắt chước một cách không-ngờ.....

— Sau hết, sự mô-phỏng có tính-cách truyền-nhiễm mau-lẹ. Có khi, chỉ một người đứng dậy, cũng đủ làm cho toàn-thê một hội-nghị đứng lén theo... Đồng-thời, các nhà tâm-lý học nghiệm rằng: một đoàn-thê, như lớp học, liên-đội hay hiệu-đoàn, bao giờ cũng có một tâm-hồa chung (2), tức là một trạng-thái tinh-thần chung, khác hẳn tinh-tinh của các phần-tử hợp thành đoàn-thê. Ti-dụ, một nhóm có thể hăng-hái hay thờ-ơ, khêu-ngoan hay khờ-dại, nhân-tử, lễ-độ hay nghiêm-khắc, độc-tài... Sĩ-gia đã ghi rằng: trong cuộc cách-mạng 1789 bên Pháp, có những vị trưởng-giã, lúc đứng riêng-biệt một mình, trong cửa hàng, hay giữa chốn gia-môn, thì tỏ ra rất nhu-mì, hiền-hậu; thế mà, khi trà-trạ với đồng-chí, thì bỗng trở nên tàn-ác và hăng-hái khác thường, hẳn như bị say-sưa lời cuốn trong một luồng cảm-súc cộng-đồng... Trong sách "Tâm-lý quần-chúng" (3), Gustave Lebon coi đó là một động-lực mãnh-liệt, một hiệu-tượng vô-cùng quan-hệ...

Xem như vậy, ta phải hết sức thận-trọng với tính mô-phỏng của thanh-niên, và nên áp-dụng mấy nguyên-tắc như sau:

— Giữ-dìu cử-chỉ, lời nói và việc làm, khi đứng trước trẻ em, để tránh những sự lầm-lỗi chúng có thể dễ-dàng bắt chước. Nhà sư-phạm Hợp-Chúng Quốc Channing đã viết : « Ta phải hết lòng kính - trọng nhân-cách trẻ em » (4).

— Trong hiệu-đoàn cũng như ở bất cứ nơi đâu, người chỉ-huy, muốn được vâng theo triệt-đề, phải gây lòng cảm-phục giữa những kẻ xung-quanh. Song, ta nên hiểu rằng, bí-quyết của sự thành-công trong địa-hạt này, vẫn là sự công-minh chính-trực. Sách Luận-Ngữ đã có câu : « Kỳ chính dã, bất lệnh nhi tòng; kỳ bất chính dã, tuy lệnh bất tòng », tức là người chầu-chính thì không ra lệnh, kẻ khác cũng theo; trái lại, kẻ bất-chính có ra lệnh, cũng chẳng ai nghe.

(1) — Alexandre le Grand.

(2) — âme collective

(3) — psychologie de la foule.

(4) — Le plus grand respect est dû à l'enfant.

— Riêng ở hiệu-đoàn, ta cần trông nom sao cho các trường-đoàn, trường-đội đều là những người xứng-đáng, nhiệt-thành mà sáng-suốt, can-đảm mà khôn-ngoan, có tinh-thần kỷ-luật và trách-nhiệm, biết coi công-tâm hơn tư-lợi, để mỗi tiểu-đội, mỗi liên-đội, cũng như tất cả hiệu-đoàn, đều có một tâm-hồn chung, đáng quý, đáng yêu.

Xu-hướng vị-tha đáng kể nữa, là tình bằng-hữu. Dù là tình yêu hay tình bạn, sự thân-mến cũng biểu-lộ bằng cử-chỉ tương-tự như nhau : hoan-hỉ khi gặp-gỡ, vui-mừng khi cùng nhau hội-hợp... Trái lại, đối với kẻ mình chẳng ưa, thì chỉ mong được tránh xa, không muốn nhìn thấy mặt... Hiệu-đoàn nên trù-liệu sao, để gây tình hữu-nghị và diệt-trừ hết thảy các mầm chia rẽ. Ta nên biết thể-nhân thường cho rằng: con người có những tính-nết giống nhau, mới có thể cùng nhau thân-mến. Phương-ngôn Âu Tây cũng có câu: «Hãy cho tôi biết những kẻ anh hay thăm hỏi, tôi sẽ nói anh là người thể nào.» Nhưng, quan-niệm này có khi lầm-lẫn. Trong nhiều trường-hợp, hai người có những tâm-tính khác nhau hay trái ngược, mà vẫn luôn luôn sát cánh, như bóng và hình. Ti-dụ, một thi-nhân tao-nhã làm bạn với một thương-gia thiết-thực; một học-giả ôn-ấp những lý-tưởng cao-xa, kết-duyên với một thiếu-nữ chỉ mơ-ước những chuyện làm ăn. Đó là những sự mâu thuẫn, bổ-túc lẫn nhau. Vì vậy, những kẻ cao-thượng, các văn-nhân thi-sĩ luôn luôn «mơ theo trăng, và vơ-vẩn cùng mây», thường cần có những bằng-hữu giúp-đỡ trên trường thực-tế...

3. — VỀ Ý-CHÍ :

Đó là về cảm-năng, còn về trạng-thái hoạt-động, về ý-chí, thì hiệu-đoàn có mục-đích dùng việc đời để sửa-soạn cho trẻ ra đời (1), theo nguyên-tắc Decroly, hiện nay, được nghiên-cứu và áp-dụng trong hầu hết các nước tiên-tiến Âu Mỹ.

Nhiều nhà sư-phạm đã nghiệm rằng : nền học cũ thường có những kết-quả lạ lùng, đáng tiếc. Thật vậy, có những thanh-niên, khi ngồi trên ghế nhà trường chỉ được xếp vào những hạng tầm-thường hay kém-cỏi, thế mà khi ra đời, lại tỏ ra sáng-suốt, lanh-lẹ, rắn được phần ưu-thắng. Trái lại, có những học-sinh ưu-tú, đã đỗ cao trong kỳ thi tốt-nghiệp, thế mà khi ra hoạt-động ngoài xã-hội, thì e-dè, bỡ-ngỡ, như chim chích vào rừng, dễ đi đến chỗ thất-bại chua cay. Các tâm tính kém linh-lợi này, là nạn-nhân của nền giáo-dục sai-lầm, chỉ ra chuông từ-chương, chỉ cố cho trẻ thấm- nạp những kiến-thức trừu-tượng, viển-vông, bắt chúng ngày đêm, cặm-cui sách đèn, giữa bốn bức tường, không biết đâu là thực-tế, là hoàn-cảnh địa-phương.

(1) — L'école pour la vie, par la vie.

Chỉ có số ít con em, hoặc vì tư-chất thông-minh, hoặc vì sớm có dịp chung-đụng với thể-nhân, mới có thể thoát-ly ảnh-hưởng tai-hại này. Hơn nữa, nữ bác-sĩ Montessori (1870-1952) thấy rằng trong xã-hội hiện-thời, các thanh-thiếu nhi là những phần-tử hầu như bị lãng-quên, không được săn-sóc đến nơi đến chốn. Trong các phố-xá, làng-xóm, tất cả các cơ-quan đều được tổ-chức cho người lớn ; làm gì có những con đường, những xe cộ, những khách-sạn, những hí-viện, những hãng điện-ảnh dành riêng cho tuổi hoa-niên. Trong nhà, buồng khách, phòng ăn, cũng đều được xếp-đặt cho kẻ trưởng-thành. Không những người ta chẳng nghĩ gì đến thanh-thiếu nhi, mà còn coi chúng là những trường-ngại vật, chỉ sợ chúng làm hư-hỏng, đổ vỡ những bảo-vật trưng bày cho người đứng tuổi. . . Đầu xanh đã tội tình gì, mà bị gạt bỏ như vậy, ra ngoài rìa xã-hội, không được trông nom chu-đáo ?

Dù sao, sang đầu thế-kỷ thứ XX, các nhà giáo-dục Âu Mỹ, động-tâm trước tình-trạng kể trên, đã nghĩ cách bỏ-khuyết và canh-tân khoa sư-phạm, đặt ra những phương-pháp mới, mà ngày nay, người ta gọi chung là : học - đường linh-hoạt, học-đường mới, hay nền giáo-dục mới (1). Những thể-thức mới này, chống lại tính-cách thụ-động của nền học cũ-truyền ; nó muốn cho thanh-thiếu niên tự-động, có hứng-thú và có sáng-kiến, để luôn luôn tự tìm hiểu, ngó hầu thành những con người xứng-đáng, có thể giúp mình và giúp người, có thể lanh-lẹn hoạt-động khi ra đời, cũng như khi đứng riêng lẻ một mình. Nhân đó, nó phân-tích ra hai phương-diện khác nhau : cá-nhân hóa và xã-hội hóa nền học, tức là không những rèn cho trẻ thành người, mà còn luyện cho chúng ra chung sống với các kẻ xung-quanh, với quốc-gia xã-hội, ăn nhip với hoàn-cảnh, hòa mình với quần-chúng, với nhân-dân. Vậy, ngay trên ghế nhà trường, học-sinh đã phải sửa-soạn ra đời, đã phải tập sống như ở ngoài xã-hội. Thậm chí, ít nhiều nhà giáo, như Helen Parkhurst, — nhà nữ sư-phạm sáng lập ra đồn-án Dalton (2) — đã để trẻ được tự-do đi lại ngay trong giờ học, được tự-do trò chuyện miễn là nói sẽ, viện lẽ rằng : sĩ, nông, công, thương, đều vừa làm việc, vừa được tự-do như vậy, thế thì học-sinh sửa-soạn ra đời để rồi ra sẽ như họ, sao lại có thể làm khác được ?

Hiệu-đoàn, rập đúng khuôn-khò tổ-chức của nền giáo-dục hướng-đạo, chính là một trong các phương-sách xã-hội hóa nền học. Nó rất phù-hợp với hoàn-cảnh địa-phương, vì nó chỉ là một công-cuộc bổ-túc học-đường, trong đó,

(1) — École active, école nouvelle, éducation nouvelle.

(2) — Plan Dalton, phương pháp được Helen Parkhurst áp-dụng tại thành Dalton, từ 1911 đến 1913.

ta có thể dễ-dàng áp-dụng cả: phư-ong-sách mới, không động-chạm đến các học-qui chính-thức; vì vì sửa-đổi một thể-lệ đã có, là một điều phức-tạp, tế-nhị, khó-khăn, cần phải có nhiều kinh-nghiệm sống, và sau khi đã cân nhắc đầy-đủ trong thực-tế.

B. — HOẠT-ĐỘNG CỦA HIỆU-ĐOÀN

Mục-dịch của hiệu-đoàn có tính-cách tốt-đẹp như vậy, thế mà sự hoạt-động của hiệu-đoàn, có khi, đã vấp phải những sự hiểu-làm tai-hại. Một vài phụ-huynh học-sinh phân-nhân rằng: nhà trường mang các trò em ra phơi nắng giữa trời, thật là vừa hại cho sức khỏe vừa làm cho chúng mất cả thì giờ học - tập.

Thực ra, sự-phạm là một vấn-đề chuyên-môn, cần được áp-dụng một cách vô cùng tế-nhị, tinh-vi. Săn-sóc sức khỏe của thanh-niên cũng như mở-mang tâm-trí, đã hẳn là sự-mệnh của học-đường; nhưng vì thế, mà không muốn cho chúng tập-rượt giữa trời, chịu khó-nhọc, và coi thường nâng gió, thì hỏi còn cách nào để rèn cho chúng dần-dồi, cứng-cáp, không xanh-xao, yếu-đuối, êo-lả, như những cây non mọc trong bóng tối âm-u? Chỉ các nhà-giáo mới có đủ phư-ong-tiện để cân-nhắc, dẫn-đạo, nghiệm-xét, không thể quá ư khắc-nghiệt, bắt con em dầm sương, dãi nắng, chịu sự đánh-đập tàn-nhẫn, để trở thành những chiến-sĩ dũng-mãnh, như các học sinh Spartiates về thời Thượng-Cổ, nhưng cũng không thể nương chiều, để chúng sống trên tơ lụa. . .

Còn về trí-đức, ta nên hiểu rằng: ngày đêm mài-miết văn-bài thì chỉ đưa đến nạn tử - chươag rỗng nghĩa; con trẻ còn phải ngắm trông tạo-vật, xem xét hoàn - cảnh, hoạt-động ở ngoài trời, mới có thể mở - mang tâm-trí. Khảo-sát một cánh hoa, một kẽ lá, nhận rõ một tia sáng, một làn mây, tìm hiểu một luật thiên-nhiên, nghĩ ra một kế-hoạch làm tròn nhiệm-vụ, đều là các dịp học-hỏi vô cùng quý giá. Hơn nữa, chỉ nhĩa qua các tiêu-ban trong một hiệu-đoàn, tiêu-ban văn-hóa, xã-hội, thể-dục, du-lich, khánh-tiết... là đủ hiểu học-sinh chẳng có đâu phung phí thì giờ. Nếu bảo thế là mất cả thời-khắc học - tập, thì là một sự sai lầm, đáng tiếc biết bao!

Tuy nhiên, ta không nên thấy sự ngộ-nhận kia mà đã vội sorn chí, nản lòng. Ngay ở các nước tân tiến, những cuộc canh-tân, những phư-ong-pháp giáo-dục mới, thường buổi đầu, cũng gặp phải nhiều nỗi hoài-nghi như vậy. Nếu chúng ta cố gắng noi gương chính-đạo, dư-luận sai-lầm kia sẽ tiêu tan như mây khói, để nhường chỗ cho sự tấn-đồng...

Nay, ta hãy nghiệm xem sự hoạt-động của hiệu-đoàn có thể và nên áp-dụng tâm-lý học về cả ba phư-ong-diện trí-tuệ, cảm-năng và ý-chí ra sao.

1. — Về trí-tuệ: Các trí-năng đã có nhiều, lại phức-tạp, chúng tôi chỉ mạn pháp lược kê ra đây mấy loại chính, mà hiệu-đoàn thường huy-động tới luôn.

Một trong những điều cần nhất, là sự chú-ý, tức là sự tập-trung tâm trí vào cả một đối-tượng, ở nội-giới hay ngoại-giới. Có lưu-tâm như vậy, con người mới có thể mỗi ngày một học hỏi thêm.

Ta không cần bàn đến những sự chú-ý về cảm-giác, vì đó là những trường, hợp đặc-biệt mà giác-quan bị kích-thích quá mạnh, nên tự nhiên phải lưu tâm, dù không cố gắng hay suy nghĩ, như ánh sáng của chất mý làm trẻ quáng mắt, hay một tiếng trái-phá khiến chúng phải giật mình. Trái lại, thường nhật, ta phải tập cho chúng để ý khá lâu và có phư-ong-pháp, vào một sự-vật, hay một chi-tiết không có gì là đột-ngột, để cố tìm hiểu ra sao, đó tức là sự chú-ý về tri-giác, mà ta cần rèn luyện.

Trong khi chú ý, nhất là, khi phải gắng sức quá nhiều, thì khí-huyết xung lên đầu óc. Nhân đây, có lúc, người ta tự thấy choáng-váng và hầu như hấp-sốt. Chú-ý còn có ảnh-hưởng đến cử-chỉ của cá - nhân. Khi chăm - chú, trẻ thường ngồi im không nói nửa lời, và tùy trường-hợp sẽ đóng tai để nghe, cúi mắt để nhìn, châu đầu về phía trước để xem. . . Vì vậy, các nhà sư-phạm mới đã chỉ-trích lối học cũ, bắt các trò em ai nấy phải nhất mực khoanh tay và giữ thẳng người, để nghe lời giảng-dạy, vì họ cho rằng: ngồi như vậy, thời khó lòng mà chú ý được. Họ cũng khuyên ta không nên bắt chúng chuyên-chú quá lâu, e có hại cho sức khỏe.

Lại nữa, con người ta ai cũng có trí tò-mò, nên hay ưa thích những việc tân-kỳ; nhưng xét ra, tâm-hồn không thể mền-chuộng những sự hoàn-toàn mới lạ. Xem như trẻ chẳng hạn, chúng thường e-dè, lánh-đạm, đối với những sự-vật khác hẳn các điều chúng đã từng mắt thấy, tai nghe. Nhà triết-học James đã nói: « Việc cũ trong một chuyện mới, việc cũ có một hình-dáng hơi mới, đó mới là cái gì làm cho con người ta chú ý» (1).

Bởi thế, trước khi đưa các trò em đi du-lich một nơi nào, ta nên cho chúng biết những tài-liệu về địa-phư-ong ấy, để chúng để chú ý, mà so-sánh các điều đã lĩnh-hội với thực-tế, rồi tiện đó, sẽ khảo-sát rộng thêm.

(1). — «L'ancien dans le nouveau, l'ancien prenant une tournure légèrement nouvelle, voilà ce qui fixe l'attention».

Ta nên nhớ rằng: sức chú ý là một trong những bí-quyết của sự thành công, vì kẻ lơ - đãng hay thờ-ơ, khó mà làm nổi những công-tác nặng - nề, quan-trọng. Phải chăng vì vậy, mà các bậc vĩ-nhân đều là các người có thể chú-trọng một cách khác thường vào nhiệm-vụ của mình? Rœderer nói đến Nã-Phá-Luân đã viết : « Cái đặc-sắc của ông là mãnh-lực và sự kiên-cố của chú ý. Ông có thể chăm chú trong mười tám giờ liền, để làm một công-việc hay nhiều công-việc khác nhau... Xưa nay, chưa có ai để hết tâm trí vào việc làm, và cất đặt thì giờ hơn ông được » (1). Ngay ở nước ta, Phạm-Ngũ-Lão cũng có một sức chú-ý ít ai sánh kịp. Lúc còn hàn-vi, ông ngồi ở vệ đường, ngắm-ngĩ về binh-pháp, quên cả ngoại-giới, đến nỗi đoàn quân của Trần-Hưng-Đạo chảy qua, ông cũng không biết, sau binh-sĩ thấy ông ngang-nhiên không chịu tránh, liền xua-duổi, và lấy dao đâm ông bị thương, ông mới sợ tỉnh ra...

Về đại-cương, để trau dồi khả-năng chú ý của đoàn-viên, ta nên gây cho chúng tính tò-mò khoa-học, lòng ham-chuộng hiểu biết, trí khảo-sát vô-tư, để chúng say-sưa, chăm-chú nhận xét sự thực, một cách sáng-suốt, tinh-tường.

Khả-năng thứ hai, mà thanh-niên nên rèn-luyện là trí tưởng-tượng. Đó là một năng-lực làm sống lại một cách mạnh-mẽ, những trạng-thái đã qua, hay dùng những tài-liệu đã có sẵn, để tạo-tác ra những trạng-thái mới. Vậy, có hai thứ tưởng-tượng : tưởng-tượng tái-diễn và tưởng-tượng sáng-tạo.

Tưởng-tượng sáng-tạo mới thực đáng được trau-giồi, vì nó làm cho trẻ có trí sáng-kiến, — một năng-lực cần-thiết trong cuộc nhân-thế, là nơi người ta phải tùy cơ ứng biến, để đối-phó với bao nỗi éo-le, phức-tạp... Thực ra, con người không thể đi tù chỗ trống không, mà theo dết ra một điều gì. Những cảnh-vật bày đặt, đều được cấu-tạo nên, nhờ có những chi-tiết mà chúng ta, đã mắt thấy tai nghe, rồi chọn-lọc lấy mà gom-góp lại. Ti-dụ, người Á-Đông đã phân-tách khò mặt sư-tử, răng nanh mãnh-thú, vây cá, mình rắn, vuốt hùm, mà nghĩ ra loài rồng. Các nhà bác-học Âu Tây bắt chước hình-thê loài chim, động-cơ xe hơi, bánh lái tàu thủy mà chế ra phi-cơ. Vậy, muốn phát-minh, hay sáng-chế, người ta phải phân-tích tức là trừu-tượng hóa, rồi phối hợp lại.

(1). — «Ce qui le caractérise entre tous, c'est la force et la constance de son attention. Il peut passer dix-huit heures de suite au travail, à un même travail, à des travaux divers... Jamais homme ne fut plus entier à ce qu'il faisait, et ne distribua mieux son temps entre les choses qu'il avait à faire.»

Lẽ tự nhiên là càng có nhiều tài-liệu, càng hiểu biết nhiều, học-sinh, càng dễ sáng-tác và càng giàu tưởng-tượng. Song, đó chỉ là một nhận-xét đại-cương, áp-dụng vào các trường-hợp thông-thường. Thực ra, trong công-việc sáng-tạo, trí tưởng-tượng còn có một phần vi-diệu, hiện nay, khoa-học cũng chưa thể phân-tích một cách rõ-ràng. Phần vi-diệu luôn luôn thay đổi tùy tư-chất thông-minh hay tầm-thường của mỗi thể-nhân ; tâm-lý học đã gọi nó là cá-nhân ngộ-sai. Cũng vì đặc-điểm này mà trong những điều-kiện sinh-lý, tâm-lý, học-thức và xã-hội giống nhau, ta thấy có kẻ lỗi-lạc khác thường, với một trí tưởng-tượng phong-phú, dồi-dào, ngay bên những người rất ít khả-năng...

Đồng thời, ta nên nhớ rằng : các triết-nhân đã tỏ ra rất nghiêm-khắc đối với trí tưởng-tượng. Pascal coi nó là « thủ-phạm của ngộ-nhận và giả-ngụy » (1) một « năng-lực kiêu-hãnh, kẻ thù của lý-trí » (2)

Xem ra, trí tưởng-tượng rất có hại, khi nó phù-phiếm, viên-vông, làm cho người ta lãng-quên thực-tế. Trái lại, nó là nguồn-gốc của các sự phát-minh, tiến-bộ, khi nó dựa theo lý-trí.

Hiệu như thế, ta cần mở-mang kiến-thức của thanh-niên, để họ có nhiều tài-liệu mà chế-tạo, nhưng rèn cho họ đi sát thực-tế, và hoàn-cảnh, để quan-niệm và sáng-tác những thứ hữu-ích cho gia-đình, xã-hội...

Sau nữa, giữa một cuộc nhân-thế, còn đầy-rẫy những sự éo-le, giả-dối, các nhà giáo-dục và các nhà triết-nhân đều khuyên nên rèn-tập trí phán-đoán của học-sinh, để khi ra đời, chúng sẽ phân-biệt vàng thau, không bị cám-dỗ bởi ngoại-cảnh, mà noi theo chính-đạo...

Về phương-diện này, hiệu-đoàn đóng một vai trò quan-trọng, vì nó thường tổ-chức những cuộc nhóm-hợp, trong đó, đoàn-viên được tự-do phát-biểu ý-kiến, tự-kiểm-thảo lẫn nhau, tự-do lý-luận và phê-bình, để cùng nhau tìm hiểu đâu là chân-lý.

Vấn biết, một vài nhà sư-phạm đã phản-đối phương-pháp tập-đoàn, vì cho rằng khi trẻ thảo-luận với nhau, tất có điều thiếu-sót, sao bằng khi được thầy hướng-dẫn. Song, khuyết-điểm này không đáng cho ta lo ngại.

Mục-dích của cuộc hội-hợp ở đây, là tập cho thanh-thiếu niên biết suy-xét, biết cảm cái hay, chê cái dở, biết xếp-đặt ý-tưởng và phê-diễn nên lời. Đó mới là những tập-quán vô cùng quý-giá. Và chẳng, nếu lý-luận của tuổi xanh còn có khuyết-điểm, thì các triết-gia đã nghiệm rằng: ngay khi thầy dạy, các kết-quả thu

(1) — Maitresse d'erreur et de fausseté

(2) — Superbe puissance, ennemie de la raison

được cũng chẳng hơn gì. Vì dầu chăm-chú đến đâu, trẻ cũng không sao lĩnh-hội được tất cả những lời giảng-giải của giáo-sư. Ở cả hai đấng, cũng như ở hầu hết các công-việc của thế-nhân, sự toàn thiện đều không thể có.

2. — Về cảm-năng. Về cảm-năng, triết-gia đã phân-tách các khuynh-hướng ra làm ba loại: khuynh-hướng vị-ngã, khiến người ta tha-thiết với chính mình, khuynh-hướng vị-tha, thúc-giục ta thân-yêu kẻ khác, và khuynh-hướng vô-ngã, làm ta nghĩ đến những ý-tượng vô-hình, như chân, thiện, mỹ...

Theo nguyên-tắc, ta nên tập cho các trẻ em đặt những tính-tình vị-ngã dưới những xu-hướng vị-tha, và những mối vị-tha dưới những hướng-tâm vô-ngã.

Liên đới với lòng tự-ái, các nhà tâm-lý đã thảo-luận rất nhiều về sự ganh-đua giữa đoàn-thể học-sinh. Người ta nhận thấy nó có những điều bất-tiện như làm chúng đố-ky, oán-hờn đối với những kẻ có năng-lực hơn, và khiếu-hành đối với những ai thua kém. Vì vậy các nhà sư-phạm mới đều khuyên nên đề chúng áp-dụng phương-sách « tự ganh-đua » (1) tức là mỗi trẻ phải tự mình so-sánh với mình, đề mỗi ngày một tiến bước, không cứ gì hơn hay kém các bạn cùng lớp hay cùng đoàn...

Về các khuynh-hướng vị-tha hay vô-ngã, ta nên rèn-luyện tuổi hoa-niên, bằng cách căn-cứ vào các luật di-chuyên cảm-súc, di-chuyên vị tiếp-cận hay vị tương-tự. Khi hai hay nhiều hiện-tượng liên-tiếp nhau, cảm-tình của ta đối với một hiện-tượng, có thể chuyển sang các hiện-tượng khác. Tỉ dụ, tôi thân-mến một người bạn, tự nhiên tôi coi các phong thư, các bức ảnh, hay các kỷ-niệm khác của bạn gửi tới là các bảo-vật... Vì thương tiếc Elvire, Lamartine nhắc nhở đến tảng đá, chỗ nàng đã ngồi, và mặt hồ, chỗ nàng đã thường nguyệt cùng ai... Tự-Đức, vì tưởng nhớ giai-nhân, đã tìm bóng-dáng hay hơi thừa của người đã khuất, trong mảnh gương, nếp áo:

« Đập cò-kính ra, tìm lấy bóng, »

« Xếp tàn-y lại, đề dành hơi. »

Spencer cho rằng: nếu tiếng quạ khiến ta mơ-tưởng đến một cuộc du-lich êm-dềm, thì nó cũng dễ nghe... Một mặt khác, khi hai hiện-tượng giống nhau, cảm-tình của ta đối với một, cũng sẽ lan-trần ra cả hai. Người bạn lòng đầu tiên của Descartes là một người lè; vì thế, về sau, ông có thiện-cảm đối với hầu hết các phụ-nữ cùng một tật...

Ta có thể áp-dụng hai luật tâm-lý này, một cách rất dễ-dàng:

(1) — Emulation avec soi-même

— Trẻ đã thân-mến các bạn đồng-song, thì ta, nhân đó, nên khuyên chúng tha-thiết với đồng-bào, tức là các người cũng giống như bằng-hữu chúng, « cùng xương, cùng thịt, cùng da, cùng hồn máu đỏ con nhà Lạc-Long ».

— Phải chăng chúng rung-động trước những phong-cảnh viêng thắm, trước những đồng ruộng bao la, hay những tia vàng ven bờ suối? Ta sẽ gọi cho chúng có cảm-súc tiếp-cận đối với giang-sơn gấm vóc, đối với cơ-nghiệp của ông, cha... Ribot đã viết: « Sự di-chuyên rộng-rãi đã là kẻ môi-giới đặc-lực đưa từ cá-thể đến đại-đồng » (1).

3. — Về ý-chí Trong khi tổ-chức các hoạt-động, ta không nên quên rằng: nên học cũ thường chỉ rèn cho các thanh-thiếu niên có những đức tính tiêu-cực như: lẽ-độ, hiền-hậu, thủy-chung, nhân-từ, nhẫn-nại, khiêm-tốn, siêng-năng, cần-thận, tận-tâm, ôn-hòa, đê-dặt, nhún-nhường, vâng lời, chịu-dựng... Những nét hay ấy cần phải có; nó rất đáng quý, đáng yêu; nhưng nó chưa thể đầy-đủ, đề con người sống trong xã-hội, nhất là xã-hội hiện thời, mà sự sinh-hoạt là một cuộc tranh-đấu không ngừng. Tuổi xanh còn phải luyện-tập, ráo-riết luyện-tập đề có những đức-tính tích-cực, những đức-tính có lẽ thiếu về thanh-cao, nhưng biết bao cần-thiết cho sự tiến-bộ của cá-nhân hay đoàn-thể. Đó là óc sáng-kiến, tài tháo-vát, chí-khí quật-cường, tinh-thần tranh-đấu và ư mạo-hiêm, sự can-dảm, tính kiên-ngang, lòng cương-quyết phụng-sự non sông, chính-nghĩa, trí công-minh kiên-nhẫn, nhất-định, phải thành-công, không kiêu-căng khi thắng-lợi, không sồn lòng giữa cơn giông-tổ, sự tin-tưởng, không bờ-bển, ở tương-lai xú-sử, ở số phận của giống nòi...

Trong khi đặt tên cho một tỉnh mới ở miền Nam là Tam-cần, phải chăng Ngô-Tông-Thống đã muốn nêu cao ba đặc-tính: cần-học, tức là cố học-hỏi để làm tròn nhiệm-vụ, cần-đức, tức là trau-giồi nhân-cách, và cần-chính, tức là tập sắp-đặt, tổ-chức, sửa-trị trong mọi trường-hợp? Đệ tam thứ ba này rất đáng cho ta chú-ý. Trong hơn 80 năm đô-hộ, người ta chỉ tập cho học-sinh thành những viên-chức thừa-hành, những nhân-viên thụ-động, với những đức-tính tiêu-cực vừa kể, không muốn chúng trở nên những phần-tử chỉ-huy, tự-chủ, tự-cường, có thể lôi cuốn kẻ xung-quanh... Thế mà, các triết-gia đều tin rằng: dù ở địa-vị nhỏ bé đến đâu, con người cũng phải có tinh-thần thủ-lĩnh, đề tự điều-khien mình, điều-khien gia-đình, điều-khien công-việc hàng ngày, với tất cả trí sáng-suốt và cảm-quan trách-nhiệm. Bởi vậy, một nhà văn Âu Tây đã làm cả một cuốn sách, nhan đề là: Hãy trở nên thủ-lĩnh (2).

(1) — « Le transfert large a été le grand agent de passage du particularisme à l'universalisme »

(2) — Deviens un chef.

Hiệu-đoàn trẻ em được tự-động tổ-chức, xếp-đặt, và chỉ-huy tiêu-đội của mình, thì rất phù-hợp với nguyên-tắc cần-chính trên đây...

Ta nên thêm rằng : tất cả các phương - pháp giáo - dục mới tại các nước tiên-tiến Âu-Tây, đều có thể tóm-tắt bằng các chữ « linh-động, hoạt-động ». Các nhà sư-phạm đã nghiệm rằng : có tự nhúng tay vào việc, có hành-động, thì thanh-niên mới có dịp và có hứng-thú tìm hiểu, mà tiến-tu. Và chẳng, tâm-lý học cho ta biết rằng : có lý-tưởng hay, tính-tình tốt, mà không biểu-lộ bằng việc làm, thì không những là vô-ích, mà tính-tình lý-tưởng kia, hầu như thiếu thức ăn, cũng sẽ dần dần lạnh-nhạt, rồi tiêu-tan như mây khói. Trái lại, các cử-chỉ, các hành-động, khiến cho tính-tình, quan-niệm mạnh-mẽ thêm, và hơn nữa, có thể làm nảy nở trong tâm-hồn một tình-cảm chưa hề có. Người ta đã thử đề một họa-sĩ tự dựng đập khung vẽ, vớt các màu thuốc, cau mày nghiền răng, như có vẻ giận-dữ, bấn-khoăn ; quả nhiên, nhà nghệ-sĩ, dù không có duyên-cớ, cũng tự thấy trong lòng xao-xuyến, như cảm-tức, như oán-hờn... Trong cuốn luận - đề tiêu - thuyết « Người đệ tử » (1), nhà văn Paul Bourget cũng kể chuyện một trang thanh-niên tuấn-tú, muốn thí-nghiệm về ái-tình, đã giả như say-đắm một thiếu-nữ ; sau lộng giả thành chân, chàng đã sa-ngã lưới tình, một cách bất ngờ... Pascal đã viết : « Anh hãy đi nhà thờ, rồi anh sẽ thành mộ-đạo » (2)

Trong hiệu-đoàn, nhân-viên hàng ngày hoạt-động về văn-hóa và xã-hội. Nào chào cờ, nào lập bàn thờ Tổ-Quốc, nào ca-tụng cảnh non sông bằng bích-báo, thi-văn, nhạc-kịch, nào thăm hỏi người xung-quanh, nào giúp đỡ kẻ bần hàn... biết bao cử-chỉ có thể kêu-gọi hay phát-huy giữa chúng thanh-niên, tình ái-quốc và lòng yêu giống, thương nòi...

Riêng về việc sửa-soạn cho học-sinh ra đời, thiết-tưởng không có tổ-chức nào hữu-ích hơn là hiệu-đoàn. Trong lớp, chúng phải theo những khuôn-khò nhất-định ; về nhà, chúng lại gần-gũi những kẻ thân-yêu, nhờ-a-nhờ riu-rít như chim non ấp tổ, có đầu được đụng-chạm với người hay kẻ dờ, như trong tấn tồng đời. Trái lại, hiệu-đoàn phần-ảnh cả đời sống xã-hội ; ở đó, trẻ em có dịp tiếp-xúc với đủ các màu sắc cá-nhân ; trong chúng bạn, có con nhà phú-quí hay bình-dân, có những tâm-hồn dướng-cảm hay bực-như ực, vị-tha hay ích-kỷ, thâm-trầm hay phù - phiếm... Trong khi chung sống, dù muốn hay không, mỗi đoàn-viên đều phải hiểu-biết, khôn-ngoa, tháo-vát, đề nhả-nhận tranh-đấu trong vòng trật-tự. Kinh-nghiệm đã cho ta thấy rằng : sau khi đã ở trong một ký-túc-xá hay một hiệu-đoàn chừng

(1) — Le disciple

(2) — « Allez à l'église, et vous deviendrez dévot ». Câu này chỉ có nghĩa là : nếu cứ tâm niệm niệm tới dự lễ, thì dễ sinh ra tín-ngưỡng..

ba, bốn năm trời, thì con trẻ không còn thế sao khô-khạo, bở-ngỡ hay dụt-dè ; chúng đã được « xã-hội hóa », chúng đã có đủ những đức-tính để ra tiếp-xúc với đời...

Tóm lại, về thể-dục, hiệu-đoàn rèn cho trẻ hoạt-động giữa trời, không quá u e-dè nâng gió ; về trí-dục, nó mở-mang những kiến-thức thực-tế, cụ-thể hóa thêm những bài học hỏi ở nhà trường, và giúp ích rất nhiều trong việc chống nạn tâm-chương trích-cứ ; về đức-dục, nó sửa-soạn cho học-sinh ra đời...

Nó là một tổ-chức cần-thiết, để áp-dụng các phương-pháp giáo-dục mới, mà bồi-túc học-đường.

Nhưng muốn đi tới những mục-dích rộng-rãi như kia, muốn thu được những kết-quả phong-phú, dồi-dào, nó phải hiểu biết tâm-lý học, căn-cứ vào tâm-lý học, phù-hợp với tâm-lý của toàn-thể và của mỗi học-sinh.

PHỤ - LỤC

Đề bạn đọc hiểu rõ sự quan-hệ của Hiệu-đoàn học sinh, thiết-tưởng nên lục đăng dưới đây, bản Hiệu-triệu của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục Nguyễn-dương-Đôn, gửi nam nữ giáo-chức toàn quốc, ngày 2 tháng giêng dương-lịch mới rồi :

Các bạn,

Cuối tháng 8 vừa qua, khi chủ-tọa lễ bế-mạc khóa Tu-nghiệp Hiệu-đoàn Trường toàn quốc, tôi đã nhấn mạnh đến tầm quan-trọng của tổ-chức Hiệu-đoàn trong việc bồi-túc giáo-dục học-đường và hướng-dẫn học-sinh theo chnh-nghĩa quốc-gia, trong khuôn-khò nền Cộng-Hòa Việt-Nam vừa được thành-lập.

Thật vậy, lúc này hơn bao giờ hết, cán-bộ giáo-dục cần phải chú-trọng đến vấn-đề Hiệu-đoàn, để làm tròn sứ-mệnh giáo-hóa của mình. Sau bao nhiêu biến-thiên của thời-cục, bao nhiêu tranh-đấu, hy-sinh, nước nhà mới thiết-lập được nền tự-do dân-chủ. Để phù-hợp với hoàn-cảnh mới, thanh thiếu-niên học-sinh cần phải có một tinh-thần mới, học hỏi để mở mang kiến-thức, rèn luyện về ba phương diện đức, trí, thể-dục, để thành những công-nhân xứng-đáng.

Về đức-dục, cán-bộ giáo-dục phải chú-trọng đào-luyện cho học-sinh các đức thành, tin, lòng hy-sinh, tinh-thần đoàn-kết, chí-khí quật-cường, lòng cương-quyết phụng-sự non sông chính-nghĩa.

Về thể-dục, con em chúng ta phải có một thân-thể tráng-khỏe, lanh-lẹ, quen tháo-vát, quen chịu đựng gian-khổ, không quá u e-đề, nhu-nhược.

Về trí-dục, con em chúng ta phải trở nên những bộ óc sáng suốt, không nô-lệ sách vở, có sáng-kiến dồi-dào và mới-mẻ, giàu kiến-thức thực-tế. Nền giáo-dục trau-tuốt, quá thiên về tư-chương lý-thuyết, xa thực-tế, xa hoàn-cảnh, không còn thể tồn-tại trên đất nước nhà.

Bởi vậy, các giờ học chính-thức ở trong lớp, tuy không quên các mục-tiêu kẻ trên, nhưng muốn có hiệu quả đầy-đủ mau chóng, thì cần phải bổ-túc bằng những hoạt-động của Hiệu-đoàn, — những hoạt-động thiế-t- thực, tế-nhị mà niềm giêo, khiến con em có thể phát-huy mọi năng-khĩu, đề thích-nghĩ với hoàn-cảnh, áp-dụng trong thực-tế những điều học hỏi trên ghế nhà trường. Tóm lại, đề bổ-túc giáo-dục ở học-đường, Hiệu-đoàn phải sửa-soạn đầy-đủ, cho học-sinh một khi ra đời khỏi bỡ-ngỡ.

Và, trên hết mọi sự, học-sinh phải được hướng-dẫn theo chính-nghĩa quốc-gia, phải có một lập-trường dứt-khoát. Giáo-sư phải vạch cho học-sinh thấy đâu là chính-nghĩa, đâu là tà-ngụy, phải cảnh-giác cho chúng khỏi bị những lý-thuyết viển-vông đầu-độc, và thấy rõ con đường duy-nhất trong giai-đoạn này: là củng-cố và bảo-vệ nền Cộng-Hòa Việt-Nam.

Không phải chỉ các Hiệu-trưởng, Hiệu-đoàn-trưởng hay các Đội-trưởng mới có nhiệm-vụ săn-sóc Hiệu-đoàn. Tất cả giáo-chức, không phân biệt nam nữ hay các môn dạy, có nhiệt-liệt hưởng-ứng tham-gia, thì mới mong thấu được những kết-quả tốt-đẹp, sáu-xa và chắc-chắn.

Tổng-Thống đã tỏ lòng ưu ái săn-sóc đến giới sinh-viên bằng cách cho thành lập tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, một sở Thanh-Niên và Xã-Hội Học-Đường, đề thống-nhất hoạt-động của các Hiệu-đoàn về mọi phương-diện.

Tin tưởng ở sự hiểu biết, ở thiện-chí của các bạn, tôi sẽ lưu-tâm theo dõi công-việc của toàn-thể và của mỗi người.

Thân-ái chúc các bạn thành-công.



Chuyện ngắn.

I CẢM-HÓA

CỦA ĐÀO - VIÊN

Ngày 7 tháng 5 năm 195..., trịnh-trọng đóng khung đen giữa trang nhất, báo « Chính-nghĩa » đăng ảnh của Trung-Úy NGUYỄN-THIỆT-CƯƠNG, với bài ai-tín sau đây :

« CÁI CHẾT OANH-LIỆT CỦA TRUNG - ÚY CƯƠNG. — Trung-Úy NGUYỄN-THIỆT-CƯƠNG đã thành người thiên-cổ.

« Chỉ-huy Trung-Đội Lê-Lai, đi tuần tiểu vùng Long-Mỹ (Rạch-Giá), đêm 5 rạng ngày 6 tháng năm vừa qua, một đêm mưa gió đầy đe-dọa, Trung-Úy bắt gặp một toán V.C. vào đầu canh ba. Trường ác-chiến diễn ra, mỗi chiến-sĩ quốc-gia là một vị anh-hùng, một cự với mười. Mỗi lần chớp, chiến-sĩ ta lại mục-kịch vị Chỉ-huy can-đảm phi-thường trở tài thiện-xạ. Không những mỗi V.C. xấp đến chàng là lãnh ngay viên đạn, mà chàng còn khinh-miệt tử-thần, tìm quán-địch mà hạ sát.

« Tài mạng tương đố, đúng vào lúc V.C. hoàn-toàn bại-trận, thì Trung-úy bị tử thương.

Trung-úy NGUYỄN-THIỆT-CƯƠNG sanh trưởng trong một gia-đình công-chức. Thông-minh hiếu-học, hai mươi tuổi đỗ Tú-Tài, CƯƠNG tiếp-tục học-hành nơi Trường Y-Khoa Đại-Học tại thủ-đô.

Năm 23 tuổi, hưởng ứng tiếng gọi của san-hà, Cương nhập học trường liên-quan Đalat. Sau khi tốt-nghịệp ở trường ra, Thiếu-úy Cương dẫn thân vào vòng tên đạn. Trí dũng song toàn, luôn luôn thị tử như quí, Thiếu-úy Cương hành quân nơi nào, thì quán-địch e sợ nơi đó. Sau nhiều phen Thượng-cấp biểu-dương công-trạng đáng-niên-thiếu anh-hùng, Cương được ân-tử Anh-đứng biệt-tinh với hành dương-liễu, và không quá một năm, đặc-cách thăng Trung-úy.

« Hôm nay, đề-tướng-lệ lần chót một! đấng anh-tài, Chánh-Phủ truy-thăng Trung-úy Cương chức Đại-úy và truy-tặng chàng « Đề-ngũ-đẳng Bảo-quốc huân-chương ».

Chúng tôi kính-cần nghiêng mình trước anh-linh Đại-úy. »

Đọc xong, bài báo, Thanh-Liên úp mặt vào tay nức-nở khóc, không để ý đến chõng là VĂN-NHU tiến bước lại gần.

Văn-Nhu ngạc nhiên, nhìn Thanh-Liên một chút, rồi ténh háo-kỳ thúc giục chàng cầm tờ báo lại ghế, ngồi xem...

o°o

Cách đây ba năm. Một đêm khò sờ nhứt trong đời của Thanh-Liên, Thanh-Liên thức suốt đêm, tâm trí quay cuồng, quan-sát bài toán đồ đủ mọi phương, song chưa tìm ra câu giải.

Bình-minh ngoài cửa sổ trông vào, thấy Thanh-Liên đã già đi mất vài năm.

Có lý nào Thanh-Liên, một nữ sinh-viên trường luật, gồm đủ đức tài, đã hứa hẹn kết duyên cầm-sắt với Thiệt-Cương, một sinh-viên Y-Học, rày phải phụ lời thề, đề gởi phận trao thân cho Văn-Nhu, tục danh « Tư-Xảo », một tay khét tiếng buôn lậu đồng quan tại Sài-Thành, chỉ vì Thanh-Đức, thân-phụ của Liên, buôn thua bán lỗ, thiếu nợ Văn-Nhu một số bạc là năm trăm ngàn đồng !

Đêm nay thân mẫu Thanh-Liên dùng đủ lý-lẽ thuyết phục nàng, hết khuyến-dỗ ní-nơn, lại giận-dữ hăm-dọa, chỉ cho Liên xem viễn-cảnh của một gia-đình vỡ nợ, sự-nghiệp tiêu-tan, nếu Liên chặt dạ bền gan, lãng quên hiểu đạo để vẹn giữ chung-tình.

Tiếng chìm lán lú bên hè, báo cho Liên một tin kinh-khủng : Ông Thanh-Đức uống thuốc ngủ, định quyên sinh.

May sao, khoa-học đánh lui tử-thần, cướp lại được sinh-mạng của ông.

Trước tình-cảnh ấy, Liên không còn dạ nào mà cái lịnh song đường.

Và từ ấy, nơi Y-Khoa Đại Học-Đường, vắng bóng một thanh-niên trắng-kiện, mặt mũi khôi ngô, đầy vẻ cương-quyết.

Bật tin Cương suốt ba năm, ngày hôm nay, tình cờ một bài báo cho Liên hay rằng Cương đã nêu cao gương anh-dũng cho đoàn hậu-tiến, chốn sa-trường.

Cương đền nợ nước, Liên đáp ơn nhà.

Liên thừa hiểu Cương vì ai mà hy-sinh kiếp sống !

Rồi trưa hôm ấy, Văn-Nhu về đến nhà, thì « tuyệt vời nào thấy bóng hồng vào ra », mà trên chiếc mâm đồng, giữa bộ xa lông, có một phong thơ, trong đấy Thanh-Liên ngỏ lời tâm huyết...

o°o

Một năm sau, giữa đêm Giao-thừa, kẻ thù đến đột-kích quân ta, những m ng binh-sĩ quốc-gia, dương say-sưa đón Xuân về, chênh - mắng, mà kém phần tranh-đấu. Họ đã làm. Quân-dội ta, càng thường xuân, càng tự thấy tha-thiết với cảnh giang-sơn gấm vóc, nên lòng càng hăng-hái. Dưới sự chỉ-huy dũng-cảm của Thiếu-úy Văn-Nhu, tiểu-đội « Hùng-Vương » đã có phần đàn áp đối-phương ; song địch quân cũng chiến-đấu mãnh liệt, đòi sanh mạng bằng một giá thật cao, đôi bên tranh nhau từ tấc đất.

Bỗng đâu, một viên đạn vô tình trúng nhâm Thiếu-Úy ; vị anh-hùng can-rang tiếp tục cầm quân cho đến khi kẻ thù phơi thây trên chiến địa...

Trong đồn, giữa mồng một Tết, Thiếu-úy Văn-Nhu tỉnh lại. Một thiếu-phụ mặc y-phục nữ cứu-thương ngồi bên chiến-sĩ dương lấy tay vuốt má tóc cho chàng... Thiếu-Úy âu-yếm nhìn ai...

Nữ cứu-thương là người nào vậy ? Chính là Thanh-Liên người đã rời bỏ chàng, mà đi biệt từ một năm qua...

o°o

II

TÍCH CHIM BÌM - BỊP

VŨ-VĂN-LỄ lược thuật

Cách đây đã lâu lắm, ở nước nhà, trong một gia-đình thôn quê, có một cô con gái xinh-đẹp, hiền vì nổi cha mẹ ép duyên, nên thế phát đi tu. Sau ba năm khổ-hạnh, cô được trư Phật đem lòng lân-tuất, muốn cho về cực-lạc thế-giới. Nhưng tấm lòng thành của cô, trư Phật còn hoài-nghi ; các ngài nhất định thử-thách một lần sau chót. Vì vậy, đáng lẽ sai Thiên-thần xuống đón linh-hồn cô về đưa thẳng lên Thiên-đình, thì các ngài lại cố ý bắt cô phải đi bộ từ quê nhà đến Tây-phương.

Hành-trình ấy phải lâu ngày, vất-và và nguy-hiêm lắm. Tuy nhiên, cô không thối chí, mạo hiểm lên đường, chẳng nề lao-khổ. Đi bộ cực-nhọc nhiều tháng, một chiều tối, cô đã kiệt-lực mới tới một túp lều tranh, tiêu-diêu, chơ-vơ giữa rừng hoang bát-ngát.

Cô gõ cửa, một bà già ra mở công. Cô xin vào ngủ nhờ. Bà tìm hết cách ngăn cản, khuyên cô nên kiếm nơi khác để trú chân. Nhưng cô cứ vật-nài, xin ngủ đở một đêm. Cô nói rõ cho bà hay rằng trong vòng mười dặm xung quanh đây, cô không thể nào tìm được một nơi trú ẩn khác, và trời đã tối, các thú dữ bắt đầu ở sào-huyệt ra kiếm mồi. Trước những lý-do miên-xác-khia, bà phải thú thật với cô rằng cô đã sa vào hang yêu tinh. Bà cũng thành-thực thêm rằng bà là nữ yêu tinh, trông thấy cô, cũng muốn xơi thịt lắm, nhưng đành nhĩa miệng, vì bà hãy còn nhất điêm lương tâm!

Nghe nói, cô kinh hồn táng đăm, muốn chạy trốn. Nhưng bà lưu lại, và khần-khoan mời cô ăn vào trong một cái chum, để bà đập nắp lại. Cô bán-khoan lo-ngại, hỏi bà vì lẽ gì mà hành-dộng như vậy? Bà đáp rằng vì bà đã cho cô ở đậu, nên muốn cho ai nấy đều tôn-trọng cái luật « trú-ngụ bất khả xâm-phạm », vì mẹ nào con nấy: bà có thằng con cũng yêu tinh như bà; nó tham ăn vô độ; lúc nó đói thì dù là Đức Phật Di-Đà, nó cũng dám ăn sống nuốt tươi! Thằng quí tử bất thân thế nào cũng sắp trở về, vậy không nên trì-hoãn một phút nào! Cô tin lời, vội-vả chui vào chum.

Một lát sau, quả nhiên thằng yêu tinh con trở về nhà. Nó vừa thủng-thình đi bách bộ, vừa kể cho mẹ nghe những sự sây đến cho mình trong ngày hôm ấy. Thế rồi, bỗng chốc, nó ngạc nhiên đứng dừng lại, cau mày nhăn mặt: thì ra, chẳng khác gì con chó săn đánh hơi rất tài, nó vừa ngửi thấy mùi gì hơi giống mùi thịt tươi. Nó liền chất vấn mẹ. Bà mẹ vốn có lòng thương ni cô, vội chối là không có vật gì lạ cả. Tức thì thằng con kêu gào:

— Hôm nay, con chỉ mới ăn thịt một gã qua đường, và còn đói lắm! Chắc mẹ đã sẵn được nhiều mồi ngon, nhưng mẹ là một mẹ ích-kỷ và thâm-thực, một người mẹ hư-hông, nên đã giấu đi một món để làm thức ăn đêm, không nghĩ gì đến con cả. Mũi con ngửi thính lắm, không làm bao giờ!

Nói dứt lời, nó hăm hăm tiến đến gần mẹ nó. Bà yêu tinh thất kinh, bèn thú thật:

— Con ơi, con hãy người giận! Cái mùi mà con thính mũi ngửi thấy đó, không phải là mùi thịt người phạm tục, nó là mùi hương của một vị Bồ-tát nhân từ đấy, con ạ.

Nếu con động chạm đến người, thì con phải đền tội ngay, trư Phật sẽ hành phạt con.

Rồi, tiến lại gần cái chum, bà mở nắp lên, và trở ni cô cho thằng yêu-tinh thấy mặt. Nhưng, trong khi nghe lờm những câu đối đáp kỳ quái giữa hai mẹ con nhà yêu-tinh, ni cô sợ hãi quá đã chết ngất đi mấy lần, bây giờ thì

bất tỉnh nhân sự. Trông thấy bộ quần áo nâu sồng, thằng yêu tinh lùi lại, có vẻ suy nghĩ. Một lát sau, ni cô hồi tỉnh hẳn. Thấy thái độ ôn hòa và dịu dàng của thằng yêu tinh, ni cô mới hoàn hồn thực sự.

Ni cô lấy làm lạ, khi thằng yêu tinh tiến lại, cúi rạp xuống, tay dè trước ngực, nơi trái tim, và khần-khoan nói:

Lạy Đức Bồ-tát, xin người cứ yên tâm. Con thì không dám xúc phạm đến người một chút nào. Trái lại, con thành tâm sám hối, và xin người mở lòng từ bi giúp con một việc; ân đức ấy, con coi bằng biển rộng trời cao. Người đã được trư Phật thu nhận, con kính cần xin người kêu gọi con với trư Phật để các ngài soi xét tình con mà sinh phúc xá tội cho con. — Lương-tâm con bị cắn rứt. Con đã ăn thịt biết bao nhiêu sinh-linh. Sáng mai, Bồ-tát cứ trông đồng xương người chắt ở sau nhà, thì người sẽ ước đoán được phần nào. Bây giờ chắc hẳn những kẻ vô tội chết oan đã xuống Âm-phủ tố giác những tội ác của con trước điện Diêm-Vương. Vậy, con lo sợ lắm, vì chính đó là tội của con, cái tội tày đình nay con muốn chuộc lại. Con chỉ cần biết, muốn được xá tội lỗi, con phải làm điều gì thì trư Phật cho là có công đức hơn hết?

Ni cô trả lời:

— Chỉ cần có « Tâm » thôi.

Thốt ra câu ấy, ni cô chỉ có ý nói về phương diện luân lý. Nhưng thằng yêu tinh tức thì lấy móng tay nhọn rạch lòng ngực mình, lôi quả tim ra, đưa cho ni cô mà nói:

— Đức Bồ-tát đem trái tim của con về cho trư Phật!

Rồi nó ngã lăn ra, chết tức khắc. Trước di hài nó, ni cô thề sẽ làm theo nguyện-vọng cuối-cùng của nó.

o°o

Sáng hôm sau, ni cô lại tiếp tục khởi hành. Người cảm ơn bà yêu tinh đã cứu thoát nạn, liếc mắt nhìn trộm đồng xương người — cao như quả núi — chong chắt ở sau nhà. Ni cô buộc trái tim yêu tinh vào đầu đòn gánh đeo trên vai, và từ giã tấp lều tranh.

Vài hôm sau, quả tim kia dần dần tan rã, và sau chót ngửi nặng mùi quá, đến nỗi ni cô đành quăng vào bụi rậm. Trèo non lội suối, qua bao ngày trên quãng đường trường, ni cô mới đến Thiên-đình. Ni cô rần sức bước tới một cánh cửa

đồ sộ, là cửa đi vào Phật-thành. Người giơ tay đập mạnh. Một vị Thần-minh xuất hiện, nghiêm-nghị bảo cho người hay rằng chỉ khi nào người xuất trình trư Phật cái phẩm vật, mà người đã cam đoan đem về dâng các ngài, thì công thành mới mở cửa rước người vào cõi Phật.

Nghe lời Thần dạy tỏ tường, ni cô hồi hận khóc òa lên, phàn-nàn rằng không thể quay trở lại, vì sức lực đã hao mòn, kiệt quệ đến cực độ rồi.

— Nếu quả như vậy — lời Thần đáp — thì Thần sẽ cho đôi cánh, để có thể bay về chốn cũ rất mau lẹ, và khỏi mệt nhọc.

Ấy vì thế, ni cô được biến thành con chim, mà người ngoại-quốc đặt biệt-danh là « Gà trống nhà Chùa » (Le Coq des Pagodes) và người Việt-Nam gọi là con Bim-bip. Đầu nó đen vì bấy giờ, thiếu-nữ đội cái mũ ni-cô màu đen. Lông nó hung-hung, vì đó là màu quần áo nâu sồng đặc-biệt của những người xuất gia đầu Phật.

Từ đấy, muốn tìm kiếm quả tim của kẻ đã sấm-hối, con Gà trống nhà Chùa suốt đời lẩn mò trong rừng-rậm, bay hết cành cây này sang cành cây khác, hết bụi rậm nọ đến bụi rậm kia. (1)

Thình-thoảng, nó kêu lên những tiếng rên-rỉ đau-thương: « Tội nghiệp ! Tội nghiệp ! » mà dân quê nói chạnh ra là Bim-bip. Và cũng vì lẽ đó, người Việt-Nam mạnh-danh cho nó là con Bim-bip.

(1) Bim-bip bắt những loài bò sát để ăn thịt.

Tin-tức năm châu . . .

CĂN-CỨ KHÍ-TƯỢNG TỰ ĐIỀU-KHIỂN

Phòng Tiêu-Chuẩn (Bureau of standards) của nước Mỹ vừa mới hoàn thành một chiếc phi-tiểu (ballie), có thể tự ghi lấy và truyền đi những nhận xét về khí-tượng. Phi-tiểu này được làm bằng nhôm và những kim-khí không chịu ảnh-hưởng của từ trường. Nó dài 7 mét, rộng 3 mét và ngập xuống nước chừng 1 mét. Bốn căn hoàn-toàn kín, và được bảo vệ khỏi mọi sự va chạm, được lắp dưới mặt phi-tiểu, và chứa những máy độn-từ cùng bộ-phần cần-thiết khác để ghi lấy và truyền đi những tin tức về khí tượng. Nó có thể bố neo tại những nơi biển sâu tới 1.200 mét và những máy-móc của nó chỉ sáu tháng mới phải xem-xét lại một lần.

Trong những cuộc thí-nghiệm đầu tiên, người ta nhận thấy nó có thể phát tin ra bằng vô-tuyến điện trong một khu vực tròn, đường bán kính tới 1.300 cây số ngàn. Phi-tiểu này đặt tại nhiều nơi, có thể báo trước được những cơn bão đang phát-động.

NGHI-BA

(Rút ở tài-liệu UNESCO)

THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

— Đề tiếp-lục công-việc mà Hội-nghị Thống-nhất Ngôn-ngữ, họp ở Thủ-đô từ 5-11 đến 2-12-56, đã nêu ra, bản-báo lục đăng dần trong mục này, những tài-liệu về từ-ngữ do độc-giả gửi tới, đề rộng đường dư - luận.

L.T.S.

QUI - TẮC CHÍNH - TẢ

của VŨ-XUÂN-TUẬT

Căn-cứ vào cội-gốc của một số tiếng thường dùng và cách viết của một số nhà văn đứng-dẫn, cùng những bài khảo-cứu về Chính-tả đăng trong các tạp-chí, chúng tôi xin trình, ra đây, một vài nhận-xét và đề - nghị về mấy lỗi chính-tả thông-thường.

I. — Phân-biệt văn ch với văn tr

Đề viết đúng, mỗi khi nói và đọc những văn « tr », ta phải uốn lưỡi, phải cong đầu lưỡi cho quen về phía đ-gà, rồi bật lưỡi xuống cho thành âm.

Còn đọc văn ch thì phải đem lưỡi ra gần răng cửa, rồi co mau lưỡi vào cho thành âm.

Hiện nay, chưa có một định-luật nào giúp ta phân-biệt cách viết hai văn đó, song ta có thể dựa vào một vài nhận-xét :

Những tiếng Hán-Việt (tức là những tiếng « tàu » đọc theo giọng Việt-Nam), văn « tr », nếu dùng trong tiếng ta mà vẫn giữ nguyên cách đọc, thì lẽ tất nhiên vẫn viết với văn tr.

Từ dụ : Triều-đình, trăm-luân, tường-trình, trà-thất, trai-giới. Nếu những tiếng ấy đọc trạnh đi thành tiếng Việt, cùng nghĩa, hoặc gần giống nghĩa, thì những tiếng mới này lại viết với văn ch.

— Chè Trà

— Chén Trán v.v...

Lệ Ngoại : Chữ « *truyện* » và chữ *truyền* đã đời ra hai chữ *văn ch* là *chuyện* và *chuyền*, nhưng nghĩa khác nhau :

Chuyện : Những sự trong khi bàn-bạc cùng nhau, chỉ nói miệng chứ không viết lên trên giấy như : nói chuyện, câu chuyện, chuyện-trò.

Truyện : Sự-tích cổ hay sách chép những sự-tích cổ như chuyện cổ-tích, truyện Kiều.

Chuyền : Cũng như trong chữ *chuyên*, nhưng có nghĩa luân-chuyền nhiều lần như : chuyền tay cho nhau, chim bay chuyền cành nọ sang cành kia, (ngụ ý cụ-thể)

Truyền : Trao lại, đưa đi xa : truyền ngôi, truyền nghiệp, truyền lệnh, truyền đạo, truyền-tin, truyền khẩu, truyền-tranh, truyền-thần (ngụ ý trừu-tượng hay dùng trong những tiếng-đời Hán-Việt).

II. — Phân-biệt văn « gi » với « d ».

Cách phiên-âm tiếng ngoại-quốc ra tiếng Việt,

Đề viết đúng, mỗi khi nói và đọc đến những chữ văn *gi* thì phải uốn lưỡi và phải làm cho rõ âm *i* đi theo như gia-đình, gia-vị. Còn đọc chữ văn *d* thì phải dứt đầu lưỡi với hai hàm răng mà phát ra âm.

Về hai văn này, ta có thể căn-cứ vào nhận-xét như sau :

Nhưng chữ văn *y* trong tiếng Tàu thì đổi sang tiếng ta thành *d*, còn những chữ văn *ki* trong tiếng Tàu thì đọc sang tiếng ta thành *gi*.

Ti dụ : Gia-đình thì chữ *gia* người Tàu đọc là *kia*. Da-tô thì chữ *Da* người Tàu đọc là « *Ya* ». — Chữ *giao* trong giao-thiệp thì đọc là *kiao*, còn chữ *dao* trong dao-động thì đọc là *yao*. Có điều đáng chú ý, là những chữ Việt do chữ « *Tàu* » đọc trạnh đi, thì cũng theo cái luật ấy. Như : chữ « *để* » (khó *để* theo chữ « *dị* » : *yj*, chữ « *dùng* » theo chữ « *dụng* » : *yung*, chữ « *dáng* » theo chữ « *dạng* » : *yang*...

Một số tiếng người Bắc dùng theo phụ-âm *gi* thì những đồng-bào trong *Trung* và *Nam* lại đọc và viết theo phụ-âm « *tr* » như :

Con gái	==	Con trai
Giải chiếu	==	Trái chiếu v.v...

Một số tiếng ở Bắc bắt đầu bằng *d* hoặc *r*, ở trong *Nam* lại bắt đầu bằng *nh*, như :

Day	==	Nhay
Dãn	==	Nhãn
Ráp	==	Nháp
Rát	==	Nhất v.v...

Khi phiên-âm những tiếng Pháp ra tiếng Việt-Nam, những tiếng Pháp có phụ-âm « *Z* » phải viết bằng phụ-âm « *d* », như :

Zéro	==	Đé-rô
Bazooka	==	Ba-đô-ka

Còn những tiếng Pháp có phụ-âm *j* thì phiên-âm bằng phụ-âm *gi* :

Ti dụ :

Jambon	==	giăm-bông
Jésus	==	Giê-su

Và những tiếng Pháp có phụ-âm *r* thì cũng phiên-âm ra phụ-âm *r*, như :

Rhum	==	rư-ư-rôm
------	----	----------

III. — Phân biệt văn *s* với văn *x*

Cách phiên-âm những tiếng Pháp có phụ-âm *s* và phụ-âm *c*

Đề viết đúng, mỗi khi nói và đọc đến những chữ văn *s*, thì phải để hở môi ra, rồi đưa đầu lưỡi lên gần hàm răng trên, mà phỉ hơi trong miệng ra để thành âm. Còn chữ văn *x* đọc phải để hở môi ra, rồi đưa đầu lưỡi ra giữa hai hàm răng mà phỉ hơi trong miệng ra, cho thành âm. Văn *s* của tiếng ta cũng đọc gần như văn *ch* của tiếng Pháp, và văn *x* của tiếng ta cũng đọc như là văn *s* của tiếng Pháp.

Theo cách đọc trên này, ta phiên-âm tiếng Pháp hay tiếng Anh ra tiếng Việt-Nam như sau :

Chemise	==	Sơ-mi
Caoutchouc	==	Cao-su

Nhưng :

Savon	xà-bông
Essence	ét-xăng
Cire	xi
Ciment	xi-măng

Có ít nhiều tiếng phát-âm vừa « th », s, x, d và h, tr. như :

Đen thắm	==	đen sẫm
Thì - thào	==	xì-xào
Thấp nước	==	đắp nước == xấp nước
Thộc	==	sộc (chạy sộc vào nhà).
Nhờn-nhor	==	xờn-xơ
Nhộn-nhạo	==	xộn-xạo
Trống	==	sống (gà trống)
Thoán-đoạt	==	soán-đoạt.

IV. — Cách viết những danh-tự ghép

Theo một vài nhà văn, thì những danh-tự ghép phải viết với vạch-nối; vì bỏ vạch-nối đi nhiều tiếng sẽ tối nghĩa và mất chính-xác.

Ti-dụ : « Nội-các quyền-hạn lớn..... »

Nếu bỏ vạch-nối đi/câu ấy có thể có nghĩa là : « Trong các thứ quyền-hạn lớn..... »

Qui-tắc phải dùng vạch-nối như thế đã được thừa-nhận rồi, thì cần phải phân-biệt thế nào là danh-tự ghép để dùng vạch-nối.

Những từ-ngữ gồm hai hoặc ba tiếng Việt đồng nghĩa đặt liền nhau cho mạnh nghĩa lên, hoặc những từ-ngữ gồm hai tiếng Việt khác nghĩa nhau, hoặc những từ-ngữ gồm hai tiếng mà tiếng nọ là túc-từ của tiếng kia đều không phải là danh-tự ghép thì không cần phải viết có vạch-nối.

Ti-dụ : những tiếng « chơi đùa », chạy nhảy, gào thét, làm việc, hộp trầu, cột nhà không phải là những danh-tự ghép vì chơi và đùa là hai động-tự gần đồng nghĩa đặt gần nhau cho mạnh nghĩa hơn, chạy nhảy, gào thét là hai động-tự chỉ hai việc làm khác nhau ; làm việc, việc là túc-từ của động-tự làm ; hộp trầu, trầu là túc-từ của danh-tự hộp v. v . . .

Thế nào là danh-tự ghép ?

1') — Những danh-tự mượn của Tàu, gồm có những chữ Hán đặt liền nhau, theo cú-pháp tiếng Tàu, dù chữ nọ là túc-từ của chữ kia, như : lịch-sử, vật-dụng, vô-tuyến-điện, đạo-đức, nhân-nghĩa . . .

2') — Những danh-tự do tiếng ngoại-quốc phiên-âm ra hoặc gồm những âm ngoại-quốc kết-hợp lại như : xà-lông, ten-nít.

3') — Những danh-tự gồm hai âm mà một âm không có nghĩa gì hoặc đã mất hẳn nghĩa cũ đi như : cửa-cài, nhà-cửa, chim-chóc, (sự) ăn-mặc, (sự) mờ-mang . . .

4') — Những danh-tự gồm những âm không có nghĩa riêng như : tù-và, bờ nhìn . . .

5') — Những danh-tự gồm hai hoặc ba âm có nghĩa, nhưng hợp lại với nhau đã thành một nghĩa mới, hoặc một nghĩa so-sánh, như : lồng-bàn, cửa-võng, con cuốn - chiếu.

6') — Những danh-tự gồm một động-tự và một danh-tự : Học-trò, tập-sự . . .

7') — Những danh-tự gồm một danh-tự và một tiếng đệm : Đất-đai, nết-na, giặc-giã, nước-nói.

8') — Những danh-tự gồm một danh-tự và một tính-tự : Đường-cái, sông-cái, mướp-đắng,

Kết-luận. — Những danh-tự nào là danh-tự ghép theo đúng những điều-kiện trên thì phải viết có vạch-nối,

V. — Cách viết tên đất.

1') Tên đất gồm hai tiếng trở lên, thì chỉ tiếng đầu viết chữ hoa với vạch-nối.

Ti-dụ : Sài-gòn, Hà-nội, Gia-định, Mỹ-tho, Đông-nai, Tân-viên, Nhĩ-hà, Bắc-ninh.

Nhưng viết ; tỉnh Bắc, sông Nhĩ, núi Tân (không bao giờ có vạch-nối). Những tiếng phiên âm cũng theo lệ trên : Pa-ri (Ba-lê), Nữu-ước, Anh-cát-lợi, Hoa-thịnh-đốn, Bô-đào-nha . . .

2') Nếu tên đất có kèm theo một chữ chỉ-tính thì chữ chỉ-tính phải viết hoa nhưng không có vạch-nối, như :

Đông-nai Thượng, Vàm-cỏ Đông, Vàm-cỏ Tây.

3') Nhưng nếu những chữ chỉ tính thượng, trung, hạ, đông, tây, đông, nam, bắc, đi kèm với một chữ khác để làm thành một tên địa điểm có hai tiếng, thì những chữ ấy không viết hoa và phải viết có vạch-nối :

Ti-dụ : Âm-thượng, Âm-hạ.

4) Những tiếng Nam, Bắc... đặt trước tên một châu, một xứ, một miền hoặc do tiếng ngoại-quốc phiên-âm ra thì phải viết hoa cả hai chữ và có vạch-nối:

Nam-Mỹ, Trung-Âu
Bắc-Phi

Trái lại, nếu những chữ ấy đặt sau tên châu, tên xứ mà chỉ gồm có hai tiếng thì không viết hoa nhưng có vạch-nối:

Á-đông Hoa-nam
Viễn-đông Hoa-bắc

VI. — Phân biệt những vần tận cùng bằng:

n, ng, c, t

Những chữ tận cùng bằng *c* và *t* là những chữ mà người Tàu liệt vào loại nhập-thanh. Những chữ đó muốn đổi ra bình-thanh phải theo luật thuận thanh âm sau đây:

c đổi ra *ng*
t đổi ra *n*

Ta nhận thấy rằng trong những tiếng đôi do một chữ nhập-thanh lặp lại hai lần, để làm nhẹ nghĩa đi (tĩnh-tự), hay để làm tăng nghĩa lên (trạng-tự) thì:

1) Nếu chữ nhập-thanh tận cùng bằng *c*, thì tiếng đứng trước là tiếng bình-thanh tận cùng bằng *ng*:

Khang-khác
Phảng-phắc

2) Nếu chữ nhập-thanh tận cùng bằng *t* thì tiếng đứng trước là tiếng bình-thanh tận cùng bằng *n*:

Phấn-phát, khan-khát, tan-nát, san-sát

3) Muốn đọc đúng và viết đúng những chữ tận cùng bằng *n, ng, c, t*, ta có thể áp-dụng cách ráp vần trong lối dạy vần Việt-ngữ theo phương-phát mới, và nếu chịu khó tập đọc đúng luôn luôn thì sẽ viết đúng:

c có vần *ơ* (lúc đọc đầu lưỡi không chạm vào hàm răng trên)
t có vần *ơ* (lúc đọc đầu lưỡi phải chạm vào hàm răng trên)
n có vần *ơ* (lúc đọc đầu lưỡi phải chạm vào hàm răng trên)
ng có vần *ơ* (lúc đọc đầu lưỡi không chạm vào hàm răng trên)

Như là

ac	==	a +	ơ
at	==	a +	ơ
an	==	a +	ơ
ang	==	a +	ơ

VII. — Phân biệt vần có dấu giọng hỏi (?) với vần có dấu giọng ngã (◡)

Ta có thể dựa vào luật thuận-thanh-âm để phân-biệt những vần có dấu giọng hỏi (?) với vần có dấu giọng ngã (◡). Sự phân biệt này có thể áp-dụng cho những tiếng đôi thuần-tứ Việt-Nam.

Ta nhận thấy rằng:

— Trong những tiếng đôi thuần tứ Việt-nam, những tiếng có dấu giọng hỏi (?) thường vẫn đi với những tiếng có dấu giọng sắc (◡) hay những tiếng không có dấu giọng.

Ti dụ: Bè-bai, nhà-nhót, nghi-ngợi, rừa-ráy.

— Còn những tiếng đôi có dấu giọng ngã (◡) thường vẫn đi với những tiếng có dấu giọng huyền (◡) hay những tiếng có « dấu » giọng nặng (◡)

Ti dụ: Bè-bàng, dồng-dạc, nghi-ngợi.

— Các nhận-xét trên này có thể áp-dụng đúng được, khi trong một tiếng đôi hoàn-toàn Việt-Nam thì một tiếng đệm phải là một tiếng không có ý-nghĩa.

— Trái lại, những tiếng đôi gồm hai tiếng đều có nghĩa cả, thì không thể áp-dụng theo các nhận-xét nói trên, như: Mòn-mỏi, vỡ-lỡ, ú-rủ.

— Ngay cả những tiếng đôi Hán-Việt cũng không thể áp-dụng theo những nhận xét trên này.

Ti dụ: Hùng-hồ, hùng-hồn.

o°o

Kết luận. — Những nhận xét chính tả và những đề-nghị nói trên, mặc dầu có tính cách hợp-lý và khoa-học, cũng chưa được coi là những quy-tắc chính tả nhất định. Song, trong lúc chờ đợi một ban văn học toàn-quốc đủ tầm quyền phụ-trách việc nghiên-cứu vấn-đề chính tả, và chính-thức hóa cách viết các văn nói trên, ta vẫn có thể áp-dụng những « qui-tắc chính tả » trên đây, vì nó căn-cứ vào các sách văn-phạm, vào cách viết văn của một số nhà văn đứng đắn, và nhất là vào sự thông dụng.

Vậy, chúng tôi rất mong rằng những tài-liệu nghiên-cứu về chính tả này sẽ góp một phần nhỏ bé trong công việc xây-dựng của Ban nghiên cứu về phát âm và chính tả, trong hội-nghị thống nhất ngôn ngữ do Nha Văn-hóa triệu-tập, mà chúng tôi đã được cái vinh-dự tham-gia.

LỜI TÒA SOẠN

Bài « Mười xu » trong số 16 năm 1956, vẫn có một đoạn dài bàn về tiếng « các ». Nhưng vì lý-do chuyên môn, tòa soạn đã phải rút ngắn bằng 7 dòng cuối, dựa vào ý kiến của Ban từ-ngữ địa-phương.

Thi ca



M.T

Mái trường xưa

Nhìn áng mây Hàng, dạ ngàn
ngơ,
Bảng - khùng, mơ - tưởng mái
trường xưa.
Thư phòng chớm nở bao tin-tưởng,
Học-viện vui tìm mộng lẫn thơ.

Mỗi sớm, bên hiên vắng nói cười,
Chiều về, say ngắm ánh vàng tươi...
Tinh-hoa nghiên-cứu vẫn kìm còi,
Ngày tháng êm-đềm, lặng-lẽ trôi.

Trong - trắng, tâm - hồn rộn sắc
hương,
Thơ-ngây đầu nghĩ chuyện tang-
thương...

Giang-sơn chia sẻ, nay đôi ngã,
Bận cánh chim bằng hẹn bốn phương.

Trần-hải mệnh-mông sóng rạt-rào,
Sóng dài man-mác, núi non cao.
Anh em háng-hái ưa hồ-thị,
Vấn nhủ chung nhau giọt máu đào.

Ấp-ủ bro lâu chốn học-đường,
Một bầu nhiệt-huyết oốt què-
hương,

Vàng thau dù lẫn trong sương gió,
Sơn sắt bền lòng bụi chẳng vương.

THANH.SƠN



Văn Hóa Thế Giới

LÀO - TỬ

ĐẠO - ĐỨC - KINH

Quốc - văn g'ái - thích

(Tiếp theo V. H. N. S. số 17)

NGHIÊM-TOÁN dịch thuật

XXIII

樂	德	道	者	從	地	而	希	二
得	亦	者	同	事	尚	不	言	十
之	樂	道	於	於	不	終	自	二
信	得	亦	德	道	能	日	然	十
不	之	樂	夫	者	久	孰	故	三
足	同	得	者	道	而	為	飄	章
焉	於	之	同	者	况	此	風	
	夫	同	於	者	於	者	不	
	者	於	德	同	人	天	終	
	夫	德	者	於	乎	地	朝	
	亦	者	於	德	故	天	驟	

DỊCH ÂM

NHỊ THẬP TAM CHƯƠNG

Hy ngôn tự nhiên ; cổ phiêu phong bất chung chiếu, sậu vũ bất chung nhật. Thục vi thử dã ? Thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cứu nhi hướng u nhân hồ ! Cổ tông sự u đạo dã, đạo dã đồng u đạo. Đức dã đồng u đức. Thất dã đồng u thất. Đồng u thất dã, thất diệc lạc đắc chi. Đồng u đức dã, đức diệc lạc đắc chi. Đồng u thất dã, thất diệc lạc đắc chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG HAI MƯƠI BA

Ít nói là tự nhiên (1). Cho nên gió lốc không hết buổi sáng mai, mưa rào không suốt ngày. Ai làm nên những cái ấy ? Trời đất. Trời đất còn không thể lâu được hưởng hồ con người. Cho nên theo học Đạo, kẻ theo Đạo cùng một với Đạo, kẻ theo Đức cùng một với Đức, kẻ mất cùng một với mất. Kẻ cùng một với Đạo, Đạo cũng vui được đấy. Kẻ cùng một với Đức, Đức cũng vui được đấy. Kẻ cùng một với Mất, Mất cũng vui được đấy. Tín không đủ nên có sự không tín.

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

Cao Hanh nói : câu : « Hy ngôn tự nhiên 希言自然 » nên đặt ở chối chương XXII, Trần Trụ cũng nói : Xét nghĩa văn không liền suốt, câu trên không thể đặt ở chương XXIII này. Trái lại Trương Mặc không tán thành ý kiến của Trần, Cao. Hai tỷ dụ « Gió lốc... Mưa rào... » ở dưới cốt để chứng minh rằng : « Ít nói là tự nhiên » là ý chính.

1. — Hoặc cũng có thể dịch là :

a) Không nói là Tự-nhiên.

b) Không nói, tới được cái không làm (vô vi) — tức là cái thiên nhiên — (Theo Stanislas Julien)

c) Ít nói, hòa hợp với Tự-nhiên.

b) Ít nói, không làm gì (thụn theo Tự-nhiên).

e) Nói ít, buông theo Tự-nhiên. (Xin xem phần chú giải).

Cổ tông sự u Đạo dã, Đạo dã đồng u Đạo 故從事於道者, 道者同於道 : Theo Cao-Hanh (dẫn lời nói Du Việt) và theo Trương Mặc thì không có hai chữ « Đạo dã đạo » dưới. Hoài-Nam từ trong thiên Đạo ứng dẫn lời Lão-tử, có câu : « Tông sự u Đạo dã đồng u Đạo 從事於道者同於道 » đủ biết hai chữ « Đạo dã đạo » dưới là thừa.

Từ « Tông sự u Đạo dã 從事於道者... » trở xuống, ba câu, bản của Phó Dịch chép là : « Tông sự u Đạo dã, Đạo dã đồng u Đạo ; tông sự u Đức dã, Đức dã đồng u Đức ; tông sự u Thất dã, Thất dã đồng u Thất 從事於道者道者同於道 ; 從事於德者德者同於德 從事於失者失者同於失 ».

Đồng u Đạo dã, Đạo diệc lạc đắc chi ; đồng u Đạo dã, Đức diệc lạc đắc chi ; đồng u Thất dã, Thất diệc lạc đắc chi 同於道者道亦樂得之 ; 同於德者德亦樂得之 ; 同於失者失亦樂得之 : Trong các câu này, bản của Phó Dịch chép đều không có chữ « Đồng 同 » và chữ « Lạc 樂 ». La-Chấn-Ngọc thì nói rằng không có chữ « Lạc 樂 ». Trương Mặc theo họ La, phản đối họ Phó và nhận rằng : « Không có chữ Lạc 樂 » đúng, nhưng « không có chữ đồng 同 » sai.

Tín bất túc yên, hữu bất tín 信不足焉有不信焉 : Mã-Tự-Luân ngờ rằng hai câu này là thể tre ở chương XVII xếp làm sang.

Hy 希 1 — Nghe không thấy (xem chương XIV).

2 — Ít (theo Từ hải)

3 — Thừa, ít ; yên lặng không có tiếng động (theo Lục Đức-Minh)

Hy ngôn 希言 1 — Ít lời ; nói ít (Theo Thích Đức-Thanh : Đạo Đức kinh giải)

2 — Không nói (Theo Tiết Huệ : Lão-tử tập giải)

Tự nhiên 自然 1 — Cũng như thiên nhiên 天然 ; trở ý : Do bởi nó mà có nó, chứ không bởi một cái ở ngoài và không bởi mượn sức người can thiệp. Theo Tiết Huệ, tự nhiên có nghĩa như vô vi 無為 tức là không làm gì, không dự vào, không đem ý riêng và sức riêng mình dính dấp vào cuộc tuần hoàn, biến dịch trong vũ trụ.

2 — Thê trạng của Đạo ; hình thê, cách thức, dáng vẻ của Đạo (theo Trương Mặc).

Hy ngôn tự nhiên : « Nghe không thấy gọi là Hy » (2) Đạo hiện ra lời nói nhạt nhẽo không có ý vị gì. Nhìn không đủ thấy, nghe không đủ nghe ; vậy lời nói không ý vị, không đủ thấy đủ nghe này có thể coi là tự nhiên rất mực.

Nếu ta nhớ lại những câu : « Đa ngôn số cùng » (3) « xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo » (4) cùng hai câu : « Dư dục vô ngôn » và « Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên » (5) của Không tử, ta sẽ thấy câu « Ít nói (hoặc không nói) là tự-nhiên » rất đúng, vì trong mọi biểu hiện, tác dụng của Đạo, cần gì đến lời nói, mà lời nói nào diễn tả nổi được Đạo ? cho nên bậc người theo Đạo, học Đạo cần « Hy ngôn » để thông cảm với Thiên - nhiên.

Vậy bốn chữ « Hy ngôn tự nhiên » có thể hiểu theo hai chiều : Một : Tự - nhiên vốn không lời ; ít lời, không nói là Tự-nhiên ; Hai : Kể ít nói, không lời, có thể hòa đồng với Tự-nhiên, thuận theo Đạo thể.

Lão-tử vốn răn ta nên nói ít. Lời nói do lòng đã có ý riêng, ý thiên, ý sẵn mà xuất phát ; thành-kiến càng nhiều, lời nói (bàn cãi) càng lắm, con người càng lìa xa Đạo, duy chỉ hy ngôn (nói ít, không nói) mới hợp cùng Đạo Thiên - nhiên.

Phiêu phong 飄風 : 1) Gió lốc ; gió xoáy tròn ốc. 2) Gió nổi lên mau, mạnh.

Chung chiêu 終朝 : Trọn buổi sáng. Từ sáng sớm, lúc mới có mặt trời đến lúc ăn cơm.

Sâu vũ 驟雨 : Mưa rào ; mưa lớn thành linh.

Chung nhật 終日 : Hết ngày, suốt ngày.

Thục 孰 : Ai.

Thử 此 : Ấy, cái ấy ; trở gió lốc và mưa rào.

Thượng 尚 : Còn.

Hướng 况 : Phương chi, dùng làm chữ giúp lời.

(2) Chương XIV

(3) Chương V

(4) Chương II

(5) Luận ngữ, Dương Hóa; thiên XVII, chương 18

Cổ phiêu phong bất chung chiêu, sâu vũ bất chung nhật. Thục vi thử dã ? Thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cứu, hướng ư nhân hồ !

Câu này ý nói : hung tợn, tàn ác, vội vàng, nóng nảy, giận dữ... mà rầy lều đều không được dài lâu.

Kìa như Trời không nói mà bốn mùa tiễn tự đời đời, muôn vật hóa sinh ; ấy là đạo thường của Thiên - nhiên ; gió lốc, mưa rào là cái bất thường, vì bất thường nên không vững bền, trường cửu.

Mưa rào không trọn ngày, gió lốc không suốt buổi sáng, Trời Đất làm mưa làm gió cầu chúng khiến cho mưa mãi, gió mãi được, phương chi con người ?

Tòng sự 從事 : Theo mà làm ; làm theo.

Tòng sự ư Đạo 從事於道 : Cử động, làm theo Đạo ; học Đạo ; sống theo Đạo. Đem mình, để mình theo Đạo, tu Đạo.

Đồng 同 : 1 — Cùng như một (ở đây, có ý nói : cùng thể chất, cùng thuộc tính) 2 — *Huyền đồng 玄同*, không phân biệt, không khác với Đạo (theo Trần Trụ)

Đồng ư Đạo 同於道 : cùng một thể với Đạo, hòa với Đạo, không khác, không phân biệt với Đạo.

Đức 德 : Theo lời chú của Vương Bật thì Đức có nghĩa là « Đắc thiêu 得少 = được ít » vì họ Vương dựa vào câu « *Thiêu tắc đắc 少則得* = ít ắt được » ở chương XXII (6) trên.

Ta nên lưu ý : chữ Đức trong Lão học có khác với chữ Đức trong Nho học.

Thất 失 : Mất

Theo Vương Bật : « Mất nghĩa là Thêm nhiều » Đã có làm (*hữu vi 有為*) ắt càng làm, càng nhiều thêm (làm Nhân, làm Nghĩa, bày đặt phép tắc cai trị,

(6) Xin nhắc lại lời chú trong chương XXII trên này : « Đạo tự nhiên cũng như cây chùy dịch dần dần, chùy nhiều sẽ sẽ ngày xa, chùy ít thì giữ được cái gốc ở gần kẻ ; cho nên *Nhiều* thế tất *Xa* Thiên Chấn-s'nh ra mẽ loạn, nghi ngờ ; *Ít*, thế tất *giữ vẹn* Cội *Nguồn* nghĩa là Được vậy »

dựng nền học thuyết trăm nhà . . .) rồi sẽ xa là Thiên-Chân và sẽ Mất (mất bản chất đơn thuần, vô vi của Đạo.) (7)

Cố tông sự ư Đạo dã, Đạo dã đồng ư Đạo, Đức dã đồng ư Đức, Thất dã đồng ư Thất . . .

Đạo lấy vô vi vô hình đủ tạo thành và cứu giúp muôn vật, cho nên chủ ở không việc làm, dạy không dùng lời nói, nhường nhịn như còn mà các vật đều có được Thiên-Chân.

Nay ta đã đem mình theo Đạo, ắt cùng Đạo - thế không là xa, cũng như ta tự biết Ít, tự biết Thiểu, để giữ vẹn Cội Nguồn, ấy là ta đã cùng với Đức đơn thuần « cùng một » vậy

Trái lại, nếu ta ham Nhiều, ham Đủ, để Đạo và Đức mất cả, ta tự đặt mình vào cái thế Lìa, Mất; thế Mất với ta không phân biệt, ta « gieo gì gặt nấy » vì chưng lý số đương nhiên.

Lão tử vốn vẫn tôn Đạo, Đức lên trên, và hạ thấp Nhân, Nghĩa, Lễ, cho ba thứ ấy là thường. Ta biết « *huyền đồng 玄同* » nghĩa là cùng một màu đen, không tự đại tự cao, không mong khác chúng hơn đời, tự nhiên Đạo, Đức và ta vẫn còn là một. Nếu không thế, ta bỏ mất Đạo, Đức, chỉ giữ Nhân, Nghĩa, Lễ; Lão-tử coi rẻ Nhân, Nghĩa, Lễ, coi khinh sự tự mình khoe khoang, tự mình phân biệt, nên mới nói: kẻ đề mất Đạo, Đức sẽ cùng một thế với cái Mất, chỉ còn có Nhân, Nghĩa, Lễ mà thôi.

Lại nữa, người ta ở đời không nên thiên chấp ý riêng, không nên cưỡng lý nói càn; gió mưa là tiếng nói của Trời mà mưa rào gió táp còn chẳng bền thay, lú chúng ta há chẳng nên coi đó làm gương mà tự mình răn sửa. Ta phải nhớ cái phải ở mình là một cái phải, thì cái phải ở người cũng là một cái phải, cái trái ở người là một cái trái thì cái trái ở mình cũng là một cái trái. Trong đạo lập thân xử thế, ta nên liệu lượng, lấy Đạo làm phép tắc mà bao quát Phải Trái trong một nhận định thống quan toàn diện, vì ta theo Đạo thì ta là Đạo, ta theo Đức thì ta là Đức mà ta theo cái Mất (Đạo, Đức) thì cái Mất ấy cũng tức là ta.

(7) Đọc thêm chương XXXVIII ở dưới: « . . . Cố thất Đạo nhi hậu Đức . . . 故失道而後德 . . . » vân vân.

Đồng ư Đạo dã, Đạo diệc lạc đắc chi, đồng ư Đức dã, Đức diệc lạc đắc chi, đồng ư Thất dã, Thất diệc lạc đắc chi.

Câu này có thể hiểu theo hai lối:

1') Ba chữ Đạo, Đức và Thất là chủ từ của ba chữ đắc. Như vậy, theo văn phạm và văn pháp hiệu thời thì đây là một kiểu « nhân-cách hóa »; khi ta cùng một thế với Đạo, cùng một thế với Đức hay cùng một thế với Thất, tự nhiều theo lẽ phân ư, Đạo, Đức, Thất cũng « vui được » ta mà hòa một với ta.

2.) Ba chữ Đạo, Đức và Thất là bổ túc từ trực tiếp của ba chữ đắc chi; như thế nghĩa câu càng minh bạch rõ ràng; vì Đạo, Đức hoặc Thất đã cùng một thế với ta, ắt hẳn ta phải « vui được » Đạo, Đức hoặc Thất, không còn nghi ngờ gì nữa.

Tuy nhiên, hai dạng vẫn là một, và ý chính không hề thay đổi; đây chẳng qua chỉ là phần hệ-luận, làm vững vàng, đầy đủ ý câu: « Cố tông sự ư Đạo, Đạo dã đồng ư Đạo . . . » ở liền trên.

Tin bất túc yên, hữu bất tín yên.

Các nhà chú thích rất phân vân khi giải nghĩa câu này; tạm xin lược cử một hai như sau:

1') Hà-thượng công: « Bậc nhân chủ không tin cậy kẻ dưới mình, nên thần dân cũng không tin cậy trông mong gì vào bậc nhân chủ » (8)

2') Tô Tử Do: Tại sao trong chương lại nói đến: Được và Mất? Ấy bởi vì « người không biết Đạo cố nhiên không tin tưởng mãnh liệt vào Đạo, mỗi hoài nghi càng ngày càng lớn, cho nên mới nói: lòng tin (Đạo) không đủ, hóa ra có sự không tin ».

3') Thích Đức-Thanh: Kẻ thực đã có lòng tin mình ắt được lòng tin của người, tuy không cần biện luận đa ngôn; trái lại, kẻ nói nhiều, ưa biện luận, chỉ khiến cho thiên hạ nghi ngờ; mỗi hoài nghi này phát sinh ra chính vì bởi kẻ ham nói kia « lòng tự dối lòng », đã không thành tâm dốc tìn.

ĐẠI Ý KIỂM TÔNG BÌNH

Đại ý chương này nói về cương lĩnh của người theo Đạo. Người học

(8) — Xin xem thêm lời chú chương XVII.

Đạo noi tìm chân lý với mục đích tối hậu là hợp hòa cùng Đạo thể. Muốn vậy họ phải giữ gìn cả trí lẫn tâm.

Về phần trí, không nên nương theo ý kiến riêng mình, không nên tự phụ, bàn cãi lằng xằng. Về phần tâm không nên buông thả bầy tình để cho chúng rấy lên và tung hoành rông rở.

Từ « Hy ngôn tự nhiên . . . » đến « . . . hướng ư nhân hồ » Lão tử dùng một ảnh tượng để giảng dạy cho ta dễ hiểu. Trời Đất không nói mà sự vật vật thay đều thành tựu. Gió to, mưa rào của Trời Đất không bao giờ trường cửu. Người học đạo nên ngắm theo gương ấy mà « nói ít » và đừng để nổi lên những cơn « mưa, bão » trong lòng.

Từ câu « Cổ tông sự ư Đạo . . . » đến câu « . . . Thất diệc lạc đắc chi » Lão tử vừa trình bày ba trình độ : đồng ư Đạo, đồng ư Đức, đồng ư Thất, phân biệt bậc chân nhân với kẻ dụng phạm, lại vừa cho ta thấy ba đợt tiến lên từ a) tông sự (làm theo) đến b) đồng (cùng một) rồi đến c) lạc đắc (vui được) của những ai đã chọn một trong ba đường : a) Đạo, b) Đức hay là c) Thất ấy.

Quả vậy :

Theo Đạo sẽ cùng một với Đạo và vui được Đạo, theo Đức sẽ cùng một với Đức và vui được Đức, cũng như theo Thất (tức là trau dồi Nhân, Nghĩa, Lễ) sẽ cùng một với Thất và vui được cái Thất Đạo. Thất Đức, để mưu hoạch những thứ Nhân, Nghĩa, Lễ của bọn Hữu - Vi.

Câu cuối cùng « Tín bất túc yên, hữu bất tín yên » (nếu ta cứ đề ở chương này) là lời cảnh cáo của Lão tử đối với những người có tính nghi ngờ, « Lòng tin không đủ mới có sự không tin » ; lẽ ấy ngay trong cuộc sống hàng ngày còn là lẽ thường, nói chi đến việc tu, dưỡng bao giờ cũng phải lấy bốn chữ « chí thành đốc tín » làm căn bản.



VĂN - CHƯƠNG VỚI NHÂN - SINH

QUA VĂN - HỌC - SỬ TRUNG - HOA

của NGUYỄN-QUANG-XƯƠNG

Xưa nay, những áng thi văn tuyệt tác còn đời đời lưu lại dư hương đều là phần ảnh cái tâm hồn và cuộc đời sống của tác-giả. Trái lại, những tác phẩm chỉ có cái vẻ ngụy sức, hoa văn bề ngoài, dẫu có được một thời người đời tán thưởng, song nó cũng tự tiêu tán và qua đi với thời gian. Người ta đã ví không ngoa những cái thứ văn hoa lệ bên ngoài ấy như pháo nổ tiếng vang, nhưng chỉ để lại một đám khói với cái xác bay chốc lát mà thôi. Sở dĩ qua bao đời đến ngày nay, mỗi khi ta đọc Đoạn trường Tân thanh của Tố Như hoặc Cung oán ngâm khúc của Ôn như Hầu, ta còn thấy có khi se lòng, có khi nhỏ lệ cũng vì những câu văn bất hủ điển tả được hết những thực trạng mà tác giả đã thể nghiệm, những mối sầu cảm đã làm tác giả rung động đến nhỏ lệ. Đời đời về sau, vẫn còn có kẻ khấp Tố Như, vì chính Tố Như đã khóc Kiều, tức là đã khóc thân thể của mình vậy. Boileau, một nhà văn hào Pháp, đã nói một câu chí lý : « Nếu muốn làm cho người khác khóc, chính mình hãy khóc đi đã ». Musset đã khóc nhiều, đã nhỏ những giọt huyết lệ, mới nảy ra những vần thơ bất hủ trong « Les Nuits », khiến người đời đọc lên, còn cảm thông mãi với tác giả.

Ta hãy lược khảo một vài nhà đại văn hào Trung Hoa thời trước, mà tác phẩm còn lưu truyền tới nay. Những tác phẩm ấy sở dĩ trường tồn, cũng không ngoài cái công-lệ nói trên, nghĩa là đã phản ảnh một cách in hệt cuộc đời của tác giả ; nói một cách khác, cái tình hoa của các áng văn bất hủ ấy đã phản ảnh những sự kiện có thực, những đau thương, vui buồn của tác giả. Những sự thực ấy nhờ sức tưởng tượng phong phú và nghệ thuật biến hóa vô cùng của tác giả, mà trở thành những kỳ hoa dị thảo, tô điểm cho nền văn - hóa chung của Nhân loại.

Văn học sử Trung hoa, về Hoàng kim thời đại, như hồi Tiền Tần, Lương Hán, có Thái-sử Công Tư-Mã-Thiên là một nhà chép sử lỗi-lạc, tức là Tác giả bộ « sử-ký », một bộ sách rất quý giá của Trung hoa.

Thân phụ ông là một sử-gia, nên ông được khảo cứu nhiều, học vấn rộng; vậy tài học của ông đã do sự trau giồi, cố gắng của ông, đó là cái công « huyết hân ». Nhưng ngoài sự khảo cứu trong *quần thư*, ông lại còn được đi chu - du khắp nơi, am-hiếu nhiều về nhân tình phong tục, mắt được trông nhiều cảnh tượng hùng-vĩ của thiên nhiên, những danh - lam thắng-tích. Nhờ học - vấn uyên-bác, nhờ quan sát đầy đủ, nên văn bút của ông có một tính cách bao la như bề rộng sông dài, hùng-vĩ như núi cao trời thăm.

Nhưng cái « kỳ - khí » của văn chương Tư-Mã-Thiên còn có một căn nguyên khác nữa; căn nguyên ấy là sự đau-đớn, nhục-nhã vô hạn của đời ông. Người Trung Hoa thuở xưa có những hình pháp cực kỳ dã-man như bắt tội nhân đem hoạn gọi là « hủ hình »; hình phạt đó người Tàu coi là nhục-nhã nhất. Tư-Mã-Thiên bị Hán-Vũ đế khép vào tội đồng phạm với Lý-Lăng là tướng nhà Hán sang hàng Hung Nô. Tư-mã-Thiên vì bào chữa cho Lý-Lăng, cho Lý-Lăng là bầy tôi trung nên bị khép tội. Nổi uất hận vô biên ấy trong tâm can của một nhà bác học đã thổ lộ ra trong 50 vạn chữ, văn khí dương - dương, ít người sánh kịp, thực là một tia sáng chói lọi trong Văn học sử Trung-Hoa thời bấy giờ. « Sử - ký » là một kho sử-liệu vô cùng phong-phú, giúp ích rất nhiều cho các nhà khảo-cứu. Gần đây người Mỹ cũng đang kê cứu về nhà sử-học này.

Về đời Tấn có Đào-uyên-Minh tức Đào-Tiêm, thủ-lãnh một thi-phái gọi là phái Điền-Viên, chủ trương yêu chuộng thiên-nhiên, lạc-thú của đồng ruộng. Thi gia này có một ảnh-hưởng trọng-dại cho các thi-sĩ đời sau như : Vương-Duy, Mạnh-hạo-Nhiên v.v... đời Đường ; Tô-dông-Pha, Vương-an-Thạch v.v... đời Tống.

Sở dĩ thi-sĩ họ Đào có khuynh-hướng văn-chương đặc-sắc như vậy, chính là vì ông có một khí-tiết, một tác-phong khác người đời. Ông không ưa phú quý, công danh, ghét sự kiêu-tòa, thích sống cuộc đời phóng-khác, an-nhàn. Khi ông đang làm chức huyện lệnh, vì không ưa thói đời nịnh hót cấp trên, mà đã trả ấn từ quan, để về vui thú điền viên. Ông đã không chịu « vị ngũ đầu mễ chiết yêu » nghĩa là : vì năm đấu gạo lương mà phải khom lưng lạy người. Với tính-chất thuần-phác, cao-khiết ấy, tiên-sinh ưa sống gần thiên-nhiên, tìm thi-hứng ở thiên-nhiên, ở nơi đồng ruộng, ở chốn thôn-đ, sống cuộc đời thuần-phác, trong bầu không-khí thanh-khiết. Ông thích trồng cây, làm ruộng, quay về với thiên-nhiên. « Phục qui ư tự nhiên » ; quay về với nơi vô cùng tận : « phục qui ư vô cực ».

Qua những tác-phẩm của tiên-sinh như : « qui điền-viên cư », « Qui khứ lai từ » v. v... ta nhận thấy cái khuynh hướng ưa thiên nhiên ấy. Tiên-sinh nói những câu như : « Bị đam lã ở trong lồng, nay được trở lại với thiên nhiên » (1) (Qui điền-viên cư) ; hoặc « tính chất tự nhiên không phải gò uốn mà nên » (Qui khứ lai từ).

Bàn tích của thi-sĩ họ Đào, vốn ưa thiên-nhiên đã đành ; nhưng nếu tiên sinh không sống qua trong vòng cương tỏa, không chính mình cảm thấy những cái thấp hèn, nhỏ nhen trong trường danh-lợi, một mặt khác, nếu tiên sinh không chịu ảnh-hưởng sâu-sắc của Lão, Trang rất thịnh-hành về đương thời, thì ta có thể tin chắc rằng vị tất tiên sinh đã có một quan niệm phong phú và sâu sắc về lối thơ « thiên nhiên » ấy.

Về đời Đường, có loạn Thiên-Báo nổi lên quấy rối, thiên hạ làm than, cảnh tượng ly tán gieo rắc khắp nơi. Chính nhà đại thi-sĩ Đỗ-Phủ sinh vào thời đó, lại chính thi-sĩ đã nếm qua cái cảnh người mất nhà tan của thời loạn-ly, cái cảnh « có em phải phân ly, không còn nhà nào để hỏi tin tức kẻ thác người còn » (2)

Vì vậy mà tiên-sinh ghét sự chiến tranh và có tư tưởng « phản chiến ». Tư tưởng đó bộc lộ trong những bài thơ làm-ly như : « Tân-An lại » « Tân-hôn biệt », « Thùy-lão biệt », « Vô-gia biệt » v. v... có thể gọi là những văn thơ « Thiên cổ tuyệt xướng ».

Giả thử Đỗ Phủ không phải là một nạn nhân của thời cuộc và chỉ là một người lợi dụng chiến tranh để làm giàu chẳng hạn, như một số nhà buôn bất lương ; hoặc giả tiên sinh chỉ ở trong tháp ngà mà thuật lại một cách khách quan những cảnh tàn phá thời đó, thì chắc hẳn rằng những bài thơ « phản-chiến » của tiên-sinh không thể có một giọng âm-thâm, chân-thật như thế được.

Về đời Tống, một nữ thi-sĩ tên là Lý-thanh-Chiếu cũng đã trải qua những nỗi đau lòng vì ái-tình đoạn-tuyệt, mà thơ của nàng còn lưu lại đến nay những tiếng than bi-đát trong tiếng khóc làm-ly. Lý-thanh-Chiếu lấy Triệu-minh-Thần, một đôi uyên-vương ở đời ít có, sống với nhau trong ái-tình lý-tưởng. Ngờ đâu, vụt chốc nàng hóa ra người quả-phụ, có đơn, một thân một bóng, thủ tiết thờ chồng. Trong những bài từ của nàng để lại có nhiều câu ai oán, nhất là những chữ điệp-ngữ đọc lên rất làm-ly như : « Tâm-tâm, mịch-mịch, lãnh-lãnh, thanh-

CHÚ THÍCH. (1) Cứu tại phan lung lý phục đắc phân tự nhiên.

(2) Hữu đệ dai phân tán, vô gia vấn từ sinh.

hanh, thê-thê, thâm-thâm. v. v. . .). Mỗi một điệp-ngữ ấy ta có thể ví như một giọt huyết lệ. Ví thử nằng không mang một tấm tình ái thành thực, không cảm thông những nỗi đoạn trường, nếu cũng như thói đời, chông chết mong lập lại ngay cuộc đời mới, thời đầu còn để lại những khúc từ ai-oán đến như vậy.

Về cận đại, còn có bộ tiểu-thuyết kiệt tác, loại ái-tình nhan đề là Hồng-Lâu-Mộng, được nhiều nước phiên-dịch và người Nhật cho là một bộ tiểu-thuyết ái-tình hay nhất từ xưa tới nay. Tác giả là Tào-tuyết-Cân, đời Thanh, sinh trưởng trong một gia-đình công-ng nghệ; ông cha mở xưởng dệt gấm có ở Nam-kinh. Về sau, gia-đình sa-sút phải di-cư sang Bắc-kinh, ở trong vùng châu-thành. Ông hồi tưởng lại những ngày di-vãng đã sống một cuộc đời xa-hoa, nay bị hãm trong cảnh túng thiếu, nhân đó cảm khái và thương cái thân thể của mình mà viết ra bộ Hồng-lâu-mộng, đề ký thác tâm sự. Nhân vật chính trong truyện là Giả-ngọc-Bảo (âm chỉ tác-giả) trải qua một cuộc đời phong nguyệt phần hoa cực độ.

Lâm-dại-Ngọc là ý-trung-nhân của chàng, về sau chàng lấy làm vợ chính thức. Trong toàn bộ, nhân vật có đến 400 người, mà mỗi người có một cá tính riêng biệt, động-tác vô cùng linh-hoạt, bề tình gọn sóng, khi đầy khi vơi, lúc đàn tỳ, lúc ly tán, khi chau mày, khi cười cợt. Tác giả khéo tả tâm trạng của mỗi nhân vật không ai giống ai, thiên biến vạn hóa, thực là một bộ tiểu-thuyết đại qui mô, kết cấu rất tế mạt.

Sở dĩ tác phẩm có những đặc-sắc ấy là nhờ tác giả chính mình đã trải bao thử-thách trong cuộc đời giang-hồ trụ-lạc. Không kinh-nghiệm, thời nhất định không sáng tạo được một văn phẩm trứ danh như thế. Trí tưởng-tượng, đầu phong-phú đến bậc nào, cũng không thể kiến tạo trên không hư, mà cần phải căn-cứ vào những sự kiện có thực; và còn những sự kiện nào thực hơn là những cái tác-giả đã thể nghiệm được.

o°o)

Xem như vậy thì văn chương thực là phản ảnh của nhân-sinh. Ly khai nhân-sinh không thể có văn chương, một thứ văn chương xứng đáng với chính danh của nó. Nên chỉ tán thưởng một văn phẩm không phải chỉ xét phần kỹ thuật của nó mà thôi, mà lại còn phải chú trọng đến cái cốt cán của nó, cái tinh thần của nó, tức là phần thể nghiệm thực sự của tác-giả. Nietzsche, một triết học gia Đức, đã nói một câu rất có ý-vị: «Tôi chỉ thích đọc những cái gì viết bằng dòng máu đào mà thôi».



CAO-SU

của CHÀNG HAI

I. — NHỮNG KỂ GIỚI-THIỆU CAO-SU.

Chúng ta, ai là chẳng từng được nghe câu truyện « Quả trứng của Christophe Colomb » ? Nhưng đến « những viên bi » của nhà hàng-hải trứ-danh này thì chắc ít người biết tới.

Ngày mồng 3 tháng 8 năm 1492, Christophe Colomb rời cửa biển Palos nước Y-pha-nho, cầm đầu một cuộc thám-hiêm, mà đối với người thời ấy, có lẽ còn phiêu-lưu và liêu-linh hơn cả những dự-dựch dùng hỏa-tiến đi thăm hóa-tinh của thế-nhân ngày nay. Sau khi tìm thấy cả một đại-lục mênh-mông, Christophe Colomb đã làm cho nước Y-pha-nho đột nhiên thịnh-vượng cực-kỳ. Tân đại-lục đã cống-hiến hoàng-hậu Isabelle không những các kho vàng không-lò của dân Incas, mà còn dâng cả một kho tàng khác, quý-báu gấp bội, mà nước Y-pha-nho lại đã bỏ qua không tận-tâm khai-thác, đó là những hòn bi bằng nhựa ném xuống lại nảy lên như những sinh-vật . . .

Những viên bi này do thổ dân vùng Amazone bên Mỹ tạo ra, và Christophe Colomb, sau khi từ giả Hispaniola (nay gọi là đảo Haiti) đem theo về, vì thấy đó là một chất kỳ-lạ, có đặc tính mềm-mại, chun-giãn, như những bắp thịt của một sinh-vật.

Tiếc thay, người Y-pha-nho thời ấy chỉ tối mắt vì vàng, nên bao nhiêu người ủa sang thế-giới mới chỉ cốt để cướp lấy những kho vàng của dân Incas; còn chất nhựa kỳ-khôi này, đối với họ, chỉ là một trò chơi vô giá-trị.

Hơn một trăm năm sau, khi vua Philippe đệ nhị cho viết đoạn sử về Christophe Colomb, cũng từng nhắc tới chuyện này. Lúc đó, các trẻ em đã coi những quả bóng cao-su đặc là một thứ đồ chơi thông - thường. Tuy thế, ngoài trò chơi này ra, cũng không một ai biết dùng chất nhựa ấy làm chi cả. Thật là không khác trẻ em nước ta, từ bao thế-kỷ, vẫn đã biết và chỉ biết chích nhựa da để làm bóng.

Hồi 1738, nhà bác-học CHARLES MARIE DE LA CONDAMINE vàng lệnh Hàn-Lâm-Viện Khoa-học Pháp, đi dò xem trái đất có thật hình tròn hay không, hay là hơi dẹt. Nhiệm-vụ đã đưa chân ông tới xứ Pérou (Nam-Mỹ), và nhân có tính hiếu kỳ, ưa phiêu-lưu mạo-hiêm, ông ta, sau khi đã làm xong sứ-mạng, còn la-cà trên cõi đất mênh-mông này. Ông ta, trong cộ ba tháng rưỡi trời, đi thăm rất nhiều nơi, từ tỉnh Quito nước Equateur tới tỉnh Para nước Ba-Tây, từ núi Andes tới sông Amazone. Rồi vẫn do tính mạo-hiêm thúc-giục, ông ta không theo con đường dễ, lại xuyên qua rừng-rậm, tới ven biển xứ Guyane của Pháp, góp nhặt được một mớ . . . tên tầm thuốc độc, và ít miếng cao-su.

Về tới Pháp, ông ta trình bày tại Viện Hàn-Lâm Khoa-Học, vào năm 1745, những điều mắt thấy tai nghe về chuyện thổ-dân Mỹ Châu đã biết những cục đồ dùng bằng vải vào nhựa cây cao-su, rồi hơi lửa cho khô. Làm như thế nhiều lần, họ đã tạo ra được những chiếc giày hoặc áo không thấm nước. Bây giờ, người Âu-Châu mới xôn-xao, tìm mọi cách để dùng cao-su một cách hữu-ích hơn là làm những quả bóng cho trẻ con chơi.

II. — CHẤT CAO-SU BÍ-MẬT VÀ CÁC NHÀ PHÁT-MINH.

Nhưng muốn dùng cao-su là một chuyện, mà dùng được lại là chuyện khác, thực không có mấy chất lại phức-tạp và bí-mật như thứ nhựa này.

Nỗi khó-khăn đầu tiên là chất nhựa cây cao-su « hévéa » một khi đã đông lại, thời không biết làm thế nào cho nó lỏng ra để tằm vào sợi được nữa ; còn như mang nguyên chất nhựa lỏng về châu Âu thời chỉ để vớt đi, vì riêng thời gian chuyên chở trên mặt biển cũng đủ cho nó bốc men, và biến thành một chất hôi-hám nhầy-nhựa, không còn dùng được. Một giải-pháp tất nhiên đến với kẻ định dùng cao-su là đánh tan nhựa cây đó vào một dung-môi, rồi khi dùng thời để cho dung-môi bốc đi và hoàn lại nguyên chất cao-su. Các nhà bác-học hướng mọi cuộc tìm-tòi về mặt này.

Năm 1763, hai người Pháp là HERISSANT và MACQUER đầu tiên tìm ra một dung-môi đầy hứa hẹn, đó là dầu thông (térébenthine). Khốn nỗi khi dầu thông bốc hết, chất cao-su còn lại trở nên dính như hồ keo khi trời nóng, và giòn gãy khi trời lạnh.

Sau đấy, người ta tìm mãi mới thấy một dung-môi khác tốt hơn, là ê-te (éther). Nhờ dung-môi này, hoàng-đế Frédéric le Grand đã có được đôi ủng cao-su thứ nhất để dùng khi cưỡi ngựa. Nhưng khốn nỗi ê-te thời ấy rất đắt, dân chúng có phải ai cũng giàu như vị hoàng-đế kia đâu, nên dung-môi này rút lại cũng bị loại

Một sự tình-cờ quý giá . . .

Nếu không có một sự tình-cờ xảy ra, thời có lẽ kỹ-nghệ cao-su không biết đến bao giờ mới xuất-hiện được.

Nguyên thời bấy giờ, vào khoảng cuối thế-kỷ thứ XVIII, thứ hơi thấp đèn do Philippe Lebon phát-minh ra rất được ưa-chuộng và thông-dụng. Những nhà máy cất hơi than để thắp đèn được lập lên tại khắp các nước. Ở tỉnh Glasgow bên Anh-Cát-Lợi, có một hóa-học gia giàu óc thực-tế, chuyên bán hóa-phẩm cho những nhà máy sợi, là CHARLES MACINTOSH, thấy xưởng cất hơi than tại tỉnh mình bỏ phí rất nhiều nước am-mô - nhác (ammoniaque) là một thứ pho sản, liền tìm cách dùng thứ hóa-chất nặng mùi này (xưa kia các cụ ta ở ngoài Bắc thường gọi nó là « nước đá quý »). MACINTOSH đến điều-đinh với viên chủ hãng cất than, thời viên này liền chụp lấy cơ-hội để thải hết những vật nặng mùi ấy đi cho rảnh, vì cũng không còn biết chứa nó vào đâu nữa. Thế là hai bên đã thỏa-thuận một cách chóng vánh, và MACINTOSH được trúng thầu tất cả các pho-sản của hãng cất than.

MACINTOSH liền tìm và phát-minh những phương-pháp phân các pho-sản này ra để bán. Không kể thứ am-mô-nhác đã được MACINTOSH dùng để ngâm và biến chế một loài rong biển thành phẩm đỏ, cung cấp cho các xưởng làm sợi, đến những thứ khác, hoặc quánh như nhựa cây, hoặc nhờn như chất dầu, đều bán được chạy. Duy còn lại các chất nhẹ thời chẳng ai hỏi đến. Bấy giờ đến lượt MACINTOSH bán-khoản : bỏ phí thời tiếc, mà giữ thời biết chứa vào đâu cho hết ? Một hôm, ông bỗng nghĩ : hay ta cứ dùng thứ chất nấp-tơ (naphte) vô giá trị này làm dung-môi cho cao-su xem sao.

Cuộc thí-nghiệm đã đưa đến một kết-quả không ngờ : Cao-su dễ dàng tan ra trong chất nấp-tơ và khi chất này bay đi, thì để lại một lượt cao-su khá dày. MACINTOSH liền thiết ngay cái dung-dịch mới mẻ của mình trên một miếng len, rồi dán một miếng len khác lên trên. Khi nấp-tơ bay hết, MACINTOSH cầm ở trong tay một miếng len không ngấm nước ; đó là thứ hàng may áo đi mưa đầu tiên.

MACINTOSH liền lấy bằng phát-minh. Bằng này được cấp phát ngày 17 - 7 - 1823, nhưng cũng không tránh được sự thất-bại, suýt làm khốn đốn MACINTOSH sau này.

Như trên kia đã nói, cao-su là một chất rất phức-tạp và bí-mật, nó ưa làm cho các nhà phát-minh mừng hụt. Thứ hàng của MACINTOSH rút lại mùa đông cũng vẫn dòn, đến mùa hạ lại hôi-hám cực kỳ khó chịu, vì các chất nhờn sẵn có của len, để làm cho cao-su biến thè và chẳng bao lâu hai miếng len dờn nhau ra, thế là quãng đi ! Những vết khâu lại để ngấm nước, làm cho MACINTOSH lại

phải khổ công tìm ra một chất để hàn các vết khâu đó lại, nhưng những hiệu thợ may phân-dối cái phương-pháp không có về nhà nghề chút nào đó. thành thử thứ hàng đi mưa này chẳng ai chịu dùng.

May thay, trong lúc nguy-ngập, thời quân đội Anh-Hoàng bỗng đặt mua nhiều vô kể thứ hàng đi mưa này, làm cho MACINTOSH không những thoát nợ mà còn có thể hợp vốn với hai hãng dệt vải ở Manchester của HUGH và JOSEPH BIRLEY, lập nên một công - ty phần-thịnh, lấy tên là MACINTOSH CÔNG-TY.

Về phương-diện thương-mại, MACINTOSH đã thành-công phần nào, nhưng về phương diện kỹ-thuật, sự thất-bại vẫn hiển nhiên, vì về điểm chủ-yếu là làm cho cao-su khỏi chảy, khỏi dòn, khỏi mất tính chun-giãn của nó, thời MACINTOSH cũng như những người thời ấy, chẳng một ai tìm ra phương-pháp, nào thích-hợp.

Kể thừa hưởng thứ hai — Sau MACINTOSH đến lượt THOMAS HANCOCK, nhờ chất cao-su, mà trở nên giàu có. Không phải ông ta đã tìm ra được một dung-môi nào tốt hơn chất sáp-tơ, hay chữa được tật nào nói trên của cao-su, mà chỉ vì ông ta đã biết áp dụng sự chun-giãn của cao-su mà dùng nó vào việc may mép túi, mép giày, làm găng tay, may lưng áo chên (gilet) v...v... Ngoài ra, THOMAS HANCOCK lại có công phát-minh ra nguyên-tắc máy nghiền cao-su. Nguyên một hôm, HANCOCK bấm nhỏ cao-su ra, bỗng để ý thấy nếu ép hai chỗ cao-su mới bị cắt ra, thì nó liền dính lại với nhau một cách dễ-dàng. Cảm thấy có thể nhờ cách này mà dùng được những mảnh cao-su thừa vớt ngồn-ngang trong xưởng, HANCOCK liền chế ra một bộ máy nghiền. Máy này gồm một chiếc ống, có răng, quay trong một chiếc thùng có gài nhiều lưỡi dao. Cao su bỏ vào đó liền bị cắt, nghiền nát ra, và biến thành một chất quánh, dính, nóng hôi-hôi và rất dễ nặn. Đó là *chiếc máy nghiền đầu tiên* của kỹ-nghệ cao-su. Nhờ phát-minh này, cao-su dễ-dàng tan trong dung-môi, lại có thể pha trộn được với nhiều chất khác khả dĩ làm tăng phần bền tốt của sản-phẩm. Vì thế mà hàng may áo mưa của HANCOCK tốt hơn thứ của MACINTOSH nhiều.

Hai nhà chế tạo này, tuy vậy, không cạnh tranh nhau, mà lại nhập thành một công-ty lớn để làm chủ thị-trường.

III. — CAO-SU VỚI ĐẤT MỸ.

Trong khi châu Âu sôi-nổi về cao-su, thời châu Mỹ cũng ra công tìm kiếm. Trong những kẻ tiên-phong tại châu Mỹ, đáng kể hơn cả là EDWIN M. CHAFFEE.

Ông này nguyên là đốc-công của một hãng làm da. Một hôm, ông ta tìm cách bọc da bằng một lượt cao-su cho khỏi thấm nước. Ông bèn thử và thấy đánh tan được cao-su cùng với muội đèn (noix de fumée) trong dầu thông. Dung-dịch này tốt và đầy hứa-hẹn, nên ngày 11 - 2 - 1833, công-ty cao-su Roxbury của ông thành-lập. CHAFFEE không được biết chiếc máy nghiền của HANCOCK, nên trong khi tìm cách pha ngoại chất vào cao-su, ông ta lại đã chế ra một chiếc máy nghiền theo nguyên-tắc khác, hoàn hảo hơn nhiều, tới nay cũng vẫn còn được dùng. Máy này gồm hai chiếc ống rỗng, trong có hơi nước luân-chuyển để làm cho ống nóng. Hai chiếc ống này quay nhanh chậm khác nhau, làm cho cao-su kẹt ở giữa bị nghiền bẹt ra thành một tờ mỏng, nóng và dẻo.

Ngoài ra, CHAFFEE lại có sáng-kiến dựa vào nguyên-tắc các ống hơi nóng để dàn dung-dịch cao-su, hoặc chính chất cao-su trộn khô, không có dung - môi, trên các thứ hàng. Đó là chiếc *máy bọc cao-su thứ nhất*, nó đã làm cho CHAFFEE đỡ rất nhiều phí-tồn, đỡ dùng térébenthine và khỏi mất công phơi khô.

Kể đầu tiên làm thay đổi được tính-chất của cao-su. — Tới thời-kỳ này, kỹ-nghệ cao-su đã bắt đầu nuôi sống kẻ chế-tạo, nhưng hàng cao-su vẫn chẳng được mấy ai ưa chuộng và khó kiếm thị-trường tiêu thụ, vì tất cả những khuyết-diểm của nó về tính-chất vẫn còn y-nguyên.

Một ngày kia, có một nhà sáng chế không tiếng tăm gì là CHARLES GOODYEAR, nhân chế ra được một chiếc đầu van (valve) rất tốt để dùng vào các phao bằng cao-su bơm, liền đem đến bán bản-quyền cho hãng Roxbury của CHAFFEE. Viên đại-lý hãng này tại New-York cảm ơn nhưng không mua, vì đầu van có tốt cũng vô-ích trong khi chính chiếc phao bằng cao-su còn rất nhiều tật xấu, chẳng bán được là bao.

GOODYEAR bấy giờ mới đề tâm nghiên-cứu cái chất nhựa kỳ lạ mà các nhà bác-học trong suốt gần hai thế-kỷ chưa qui-phục hẳn được! Cho rằng nếu lại theo hướng tìm-tòi cũ thời không sao có kết-quả, vì khó lòng mà suốt thời gian đáng-đáng ấy, kể đi trước còn bỏ sót điều gì mà không thử. Ông ta bèn chuyên hướng, đi tìm ngoại-vật thích hợp để pha vào với cao-su, bởi ông chắc rằng chỉ có những ngoại-chất mới hòng làm cho cao-su thoát khỏi được những căn-bệnh của nó. Ông ta thử không biết bao nhiêu lần, và bao nhiêu chất nữa . . . cho tới chất ốc-xýt ma-nê-di (magnésie), thấy có vẻ dùng được. Ông liền pha nó với cao-su, chế hẳn một đôi giày dùng thử vào mùa đông năm 1834 - 1835. Ấc thay gặp nước, chẳng bao lâu, nó đã nhão ra như bùn . . . ông lại thử với vôi, và cũng lại thất-bại . . .

Một hôm, ông lấy bột hoàng-đồng (poudre de bronze) vẽ lên tấm cao-su rồi lấy axit nitơ-ric (acide nitrique = NO^3H) tẩy đi, liền thấy cao-su dần lại như da. Tuy phương-pháp này mới chỉ làm dần có bề mặt cao-su, nhưng cũng đủ mang tới cho GOODYEAR mới lợi khá lớn, để ông ta tiếp tục khảo-cứu. Trong tay đã sẵn tiền, GOODYEAR liền tới Roxbury, làm quen với CHAFFEE và JOHN HASKIN, nguyên giám-đốc hãng cao-su Roxbury, và may mắn được gặp NATHANIEL HAYWARD.

NATHANIEL HAYWARD thực là thần-tài của GOODYEAR. Ông từng nghiên-cứu cao-su, và một hôm điều-đinh bán một sự bí-mật mà riêng ông ta biết: đó là cách dùng lưu-huỳnh (soufre) rắc lên cao-su rồi phơi nắng, cao-su sẽ dần lại (tất nhiên cũng chỉ ở bề mặt như phương-pháp GOODYEAR). Đem ra thí-nghiệm, thấy đúng như lời, GOODYEAR liền không ngần-ngại, mua luôn sự phát-minh đó và mời HAYWARD đến cộng-sự với mình.

GOODYEAR ra công thử với chất mới này, nhưng vẫn không sao tóm được bí-quyết chế tạo cao-su cho hoàn-hảo . . .

Sự tình-cờ quý báu, thứ hai. — Một hôm, GOODYEAR thử xem cao-su pha diêm vàng chịu đựng được sức nóng đến mực nào, vô tình bỏ quên một chút cạnh lò. Sáng hôm sau, ông ta thấy nó giống hệt như chất da bị cháy: *Phương-pháp lưu-hóa cao-su (vulcanisation) đã được phát-minh!*

Với phương-pháp căn-bản này, kỹ-nghệ cao-su từ đây tiến những bước không-lỡ. Nhưng cao-su cũng sẽ không tha thứ kẻ đã khám-phá nỗi sự bí-mật của mình: GOODYEAR sợ ý, chờ tới năm năm sau, là 15 - 6 - 1844, mới xin phát cho mình bằng phát-minh về phương-pháp lưu-hóa, nên thời-gian ấy thừa đủ cho HANCOCK chiếm được quyền chế-tạo cao-su theo phương-pháp GOODYEAR trên toàn lãnh-thổ Anh-Cát-Lợi. Biết bao kẻ tại các nước khác cũng theo gương HANCOCK mà áp-dụng sự phát-minh của GOODYEAR làm cho ông này, rút lại, vì nghèo túng mà đành phải bán sự phát-minh quý-hóa của mình với một giá rẻ. Sau đây, đề thêm những phí-tồn về những cuộc thí-nghiệm khác (ông ta có được tất cả hơn hai trăm bằng phát-minh về phương-pháp chế biến, áp-dụng cao-su), tiếp đến những cuộc đấu-sào tốn kém ở Londres (1851), và Paris (1855), GOODYEAR khánh-khiet tài-sản. Kẻ đã nắm được trong tay một sự phát-minh đáng giá hàng ngàn triệu mỹ kim ấy, đã mất ngày 1 - 7 - 1880, để lại cho vợ con tới hơn hai mươi vạn mỹ-kim . . . tiền nợ để trả!

Dấu sao, tên tuổi của GOODYEAR cũng không phai mờ được, vì tất cả những phát-minh khác đều vô giá-trị nếu không có được phương-pháp của GOODYEAR làm cho cao-su bền-bỉ, hợp với đòi hỏi của kỹ-nghệ. Hiện nay, các bạn

còn thấy tên của GOODYEAR hàng ngày được nhắc tới, vì một hãng làm lốp xe hơi rất lớn đã có mỹ-ý lấy tên ông đặt cho sản-phẩm của mình.

IV. — SỰ PHỒN THỊNH CỦA CAO-SU.

Nhờ được lưu-hóa, cao-su trở nên đặc-biệt hữu-ích, và được áp-dụng vào không thiếu một địa-hạt nào. Kết-quả tất nhiên là một mặt kích - thích sự sản-xuất nhựa cao-su, một mặt khác làm cho các nhà kỹ-nghệ đổ xô vào khai-thác thứ vật-liệu rất tiện dụng này. Thành thử, giá cao-su cứ dần dần vọt cao, và sức sản-xuất bị sức tiêu thụ vượt rất chóng.

Nhất là từ khi xe đạp được lắp bánh bằng cao-su, thì cao-su bao nhiêu cũng vẫn còn là ít.

Không những thế, trong buổi đầu, người ta phải kén chọn nhựa sống, vì phương-pháp lưu-hóa của GOODYEAR chỉ thập phần mỹ-mãn đối với chất cao-su hảo hạng của Ba-Tây (Brésil): còn những thứ cao-su Mê-Tây-Cơ (Mexico), Đông-Dương và Phi-châu, đều kém hẳn phần bền-bỉ.

Đã thế, cao-su lại dùng rất phí. Một chiếc lốp xe hơi hiện nay ta đi tới 4 hay 5 vạn cây số mới hư, nhưng với cái phương-pháp « tối-tàn » của GOODYEAR thời bấy giờ, nó chỉ chạy được chừng 150 cây số là cùng. Các bạn thử tính: một chuyến đi chơi từ Saigon đến Vũng-Tàu, vừa đi vừa về có 246 cây số, mà phải mất 2 bộ vỏ, tức 8 chiếc lốp, thì sức sản-xuất cung-phụng sao cho đủ, và những vỏ xe cũ chôn-chất lại nhanh đến mực nào..

Dùng cao-su cũ. — Tình-trạng này đã làm cho một hóa-học gia lỗi-lạc là ARTHUR MARKS phải suy-nghĩ, tìm cách làm cho cao-su bền hơn để sự tồn-phí xứng đáng với ích - lợi của nó, đồng thời dùng cao-su cũ để giảm bớt tiền phí-tồn.

Đề dùng cao-su cũ, MARKS tìm được một giải - pháp khá hoàn-bĩ: ông ta cho ngâm các đồ dùng cũ bằng cao-su vào một dung - dịch xút (soude caustique) và đun nóng chừng hai mươi giờ. Cao-su dờn ra khỏi chất lưu - huỳnh và chất sợi, đồng thời nó trở lại dẻo như khi còn sống. Hiện nay, người ta cũng vẫn dùng phương-pháp này với một vài sự thay đổi không quan-hệ.

Ảnh-hưởng của sự tái dụng cao-su cực-kỳ quan - trọng: hiện nay, người ta nhặt nhạnh bất cứ vật gì bỏ đi, có chất cao-su, như vỏ bánh xe, đế giày, ống cao-su dẫn nước, găng tay v. v. . . và hàng năm, nguyên nước Mỹ, cũng đã thu thập cao-su cũ và chế - tạo lại được tới 25 vạn

tấn hàng. Tuy là đồ cũ dùng lại, nhưng cao-su này không phải là hoàn toàn kém cao-su mới, vì nó có ít nhiều đặc-tính mà cao-su mới không có, chẳng hạn nó ít thấm nên dùng làm đế giày và dây chạy máy (courroie) rất tốt. Nó kém dai và ít chun giãn; nhưng đối với vỏ bánh xe, điều-kiện này không lấy chi làm cần cho lắm, nên kỹ-nghệ hiện nay đã dùng cao-su cũ để sản-xuất :

60 o/o tổng số vỏ bánh xe,

30 o/o tổng số ruột bánh xe,

40 o/o các loại đồ dùng bằng cao-su,

40 tới 50 c/o các thứ đế giày,

10 tới 35 o/o các thứ ống hoặc dây điện.

Hậu quả đáng lưu ý nhất của việc dùng cao-su cũ này là giá cao-su trên thị-trường rất vững. Nguyên trước đây, giá cao-su cao, hạ thất thường, có thể từ 1 tăng hay hạ gấp 10 lần, nên kỹ-nghệ cao-su vô cùng bấp-bênh, ít kẻ dám bỏ vốn, lo để phá sản. Nhưng nhờ giá cao-su tái-tạo rất vững đều-hòa làm cho thị-trường cao-su đỡ bị xáo trộn, kỹ-nghệ ấy mất phần bấp-bênh và chỉ còn là mối lợi lớn. Ai nấy đều đồ xô hùn vốn khuếch-trương. Trước sự đòi hỏi ngày càng gắt gao, các nhà trồng tỉa tại các thuộc-địa đủ điều-kiện trồng hévéa cũng đều gia công thay-thế các sản-phẩm đây hứa hẹn này.

Sau khi đã thu được khá lời với sự phát-minh của mình, MARKS lập nên hãng cao-su Diamond. Hãng này về sau bành-trướng và nhập với một hãng lớn khác là Goodrich hiện nay vẫn còn rất phần-thịnh.

Tuy nhiên, MARKS vẫn chưa hài lòng, vì còn diêm thứ nhất chưa giải quyết được, đó là làm sao cho cao-su bền hơn, và nhất là làm thế nào để có được sản-phẩm tốt mà khỏi phải lệ-thuộc vào Ba-Tây, sự lệ-thuộc đã kìm-hãm rất nhiều kỹ-nghệ cao-su. Nguyên nhựa Ba-Tây lưu-hóa đã nhanh, sản-phẩm lại tốt, vừa dai, vừa chun, làm vỏ bánh xe hay ruột bánh xe đều bền, và riêng nó lại có thể dùng vào việc chế-tạo các dụng-cụ trong ngành mỏ xẻ nữa... Dùng nguyên-chất nhựa cao-su Para của Ba-Tây thời đầu có đủ, người ta phải pha vào đó nhiều thứ nhựa kém tốt như của Mê-Tây-Cơ, châu Phi hoặc Bornée, tuy rằng làm thế vừa mất thêm thời gian lưu-hóa, vừa hàng kém tốt. Nhựa Ba-Tây quý như vậy nên mỗi ngày mỗi cao, cơ-hồ đe-dọa cả sự tồn tại của một số hãng.

MARKS bèn nhờ một người bạn đồng học là GEORGE OENSLAGER nghiên cứu hộ một phương-pháp nào khả-đi làm cho các thứ nhựa khác, dù không tốt bằng, nhưng cũng có thể tương-tự với nhựa Para của Ba-Tây.

OENSLAGER liền phân chất thứ nhựa hảo-hạng này và thứ nhựa hạng kém là Pontianak của Bernéo, đoạn ra công tìm vật xúc-tác (catalyseur), hồng rút thời-gian lưu-hóa. Sau khi thử hàng trăm hóa-phẩm khác nhau, OENSLAGER dùng đến chất i-ốt-dua thủy (iodure de mercure), thời thấy không những thời-gian lưu-hóa nhựa Pontianak rút lại gần bằng thời-gian lưu-hóa nhựa Para, mà sản-phẩm lại tốt không kém. OENSLAGER thử rút bớt chất lưu-huỳnh để thay thế bằng vật xúc-tác này thì sản-phẩm lại càng bền dai hơn. Vốn tính cẩn-thận, OENSLAGER chưa vội kết-luận, vì nghĩ rằng dưỡng-khí sẵn có rất nhiều trong iodure de mercure sẽ có thể tai-hại, vì cao-su sẽ ố-xy-hóa và trở nên mất chun, dễ dòn, gãy. Quả nhiên, đối với mấy chiếc vỏ bánh xe chế theo phương pháp mới này, sự lo ngại đó đã hiển-nhiên thành sự thật. Tuy vậy, OENSLAGER đã chứng-minh được là « một hóa-vật có thể làm biến đổi hoàn-toàn tính-chất của cao-su ».

Sau một thời-gian tìm kiếm, OENSLAGER đã thành-công với chất aniline. Chất này, không những đã phù-hợp với sự chờ đợi của OENSLAGER, lại còn vừa rẻ, vừa nhiều, rất dễ kiếm. Thế là chất aniline đã đột ngột dự vào việc chế-tạo các sản-phẩm của hãng Diamond.

OENSLAGER tuy vậy cũng chưa mãn-nguyện, vì chất aniline độc, nên việc chế-tạo có phần khó-khăn, nguy-hiêm. Sau đó, OENSLAGER tìm ra chất « thiocarbamilide » có một công-dụng bất ngờ; nhờ nó, chất cao-su hạng kém là Pontianak trở nên dai hơn cả thứ cao-su Para chế theo lối cũ; đã thế, thời-gian lưu-hóa lại chỉ còn có 1 phần 9 (10 phút thay vì 90 phút).

Những phương-pháp của MARKS và nhất là OENSLAGER đã làm đảo lộn cả các lối chế-biến cao-su, và đem lại những mối lợi không-lẽ, nên hai người giữ hết sức bí-mật. Dù thế, chỉ chừng một năm sau, các hãng cạnh tranh cũng đã phát-giác được điều bí-ẩn, và họ cũng bắt chước lập nên các phòng thí-nghiệm và dùng rất nhiều thí-nghiệm gia làm việc...

Tiếp đến một vụ tranh-chấp kỳ-khởi: Sáu năm sau khi OENSLAGER thành-công (tức là năm 1912), người ta mới thấy hãng Bayer bên Đức tuyên bố âm-ý rằng mình đã tìm ra được một chất xúc-tác rất hiệu-nghiệm, có thể làm ngắn thời gian lưu-hóa lại. Rồi hai năm sau nữa, đến lượt một nhà bác-học người Anh là S. J. PEACHEY phát-minh ra một chất xúc-tác « rất tốt » tên gọi « nitrosodiméthyl-aniline » và cũng tuyên-truyền inh-ôi, dành lấy công đầu cho Anh-Quốc. Nhưng, cả hai đều quên hay không biết rằng OENSLAGER đã tìm ra phương-pháp đó tự 1906, và chất « nitrosodiméthyl-aniline » quý hóa kia

chính cũng đã từng được OENSLAGER thử, nhưng sau bỏ đi không dùng, chỉ vì màu của nó vàng đậm và dễ dây bẩn quá nên không tiện-dùng, vì thế, đã thay nó bằng chất aniline, sau đó, bằng chất thiocarbamilide hoàn-hảo hơn cả.

Mặc cho kẻ khác tranh chấp, hoặc bất-chức, OENSLAGER sau khi tìm được cách áp - dụng chất thiocarbamilide liên chuyên hướng, tìm cách làm cho cao-su bền hơn, và lại cũng thành-công.

Trước OENSLAGER, người ta đã từng pha vào cao-su không biết bao nhiêu chất khác nhau, kể cả chất muội đèn (noir de fumée); nhưng chính OENSLAGER mới là kẻ đầu tiên nhận thấy chân giá-trị của cái chất tầm thường này nó có hiệu-lực làm cho cao-su lâu mòn. Hiện nay, trong cao-su làm vỏ bánh xe, có tới 30% là chất muội đèn. Nhờ nó, ta có được những chiếc vỏ bánh xe bền-bì, chạy nổi hàng mấy vạn cây số . . .

Thế là từ khi chú-ý đến cao-su cho đến tới lúc dùng được nó một cách thuận-tiện, nhân-loại đã phải phí mất gần hai thế-kỷ, và đã trông vào công-lao của rất nhiều nhân-tài, trong đó xuất-sắc hơn cả là :

- HAYWARD và GOODYEAR tìm ra phương-pháp lưu-hóa,
- ARTHUR MARKS tìm ra phương-pháp dùng cao-su cũ,
- GEORGE OENSLAGER tìm ra phương-pháp rút ngắn thời-gian lưu-hóa, làm tăng giá-trị của sản-phẩm bằng một chất xúc-tác, và dùng muội đèn làm cho nó bền thêm gấp trăm lần.

V. — NHỮNG KẾ TIẾP - TỤC . . .

Tiếp-tục sự-nghiệp của những bậc đàn anh này, các hóa-học gia luôn luôn chế-biến chất cao-su, đến nỗi ngày nay kỹ-nghệ đó có tới 30.000 lối chế-biến khác nhau, gây cho sản - phẩm những đặc tính phù - hợp với từng nhu cầu. Không những thế, người ta lại còn tìm ra được những chất bảo-vệ cho cao-su khỏi bị ốc-xy hóa, khỏi bị hư-nát vì sức nóng hay ánh sáng mặt trời v.v., tóm lại, làm cho các đồ vật bằng cao-su khỏi bị già cỗi, và hỏng nát.

Đồng thời, các kỹ-sư ngày một tìm thêm công-dụng cho cao-su, đến nỗi không chỗ nào là không thấy chất cao-su : Đế giày, cục tẩy, sợi dây buộc hàng, yên xe, bánh xe, dây điện, áo đi mưa, đồ chơi v. v . . . Đến nay mỗi khi nghĩ lại, nhiều người bất giác tự hỏi, tại sao một chất nhựa hữu-ích như vậy mà tự khai thiên lập địa cho tới cách đây hai trăm năm, chẳng một ai nghĩ đến việc xư-dụng nó một cách triệt-đề và có phương-pháp ?

Riêng các nhà bác-học thì không cho việc chế-ngự cao-su là một thành tích đáng mãn - nguyện. Các vị ấy đã lại tìm, và chế ra được những thứ cao su nhân tạo, bền hơn, tốt hơn nhiều, nhưng đó lại là một truyện khác, có dịp sẽ xin công-hiến các độc-giả sau.



A. — TIN TRONG NƯỚC

I. — HOẠT - ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

1. — CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM NĂM 1957.

Cuộc thi Văn chương Việt - Nam năm 1957 do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục tổ chức, nhằm mục đích góp phần vào việc phát-huy nền văn-học nước nhà.

Thề - lệ dự - thi

1. — Nội dung : Tác phẩm dự thi :
 - a) — phải viết bằng Việt ngữ thuộc loại « Truyện Ngắn sáng tác » có tính cách giáo dục.
 - b) — Không được trái với tinh thần luân lý, quốc - gia và dân - chủ
 - c) — Chưa xuất bản hay mới xuất bản trong vòng một năm trước ngày hết hạn nộp.
2. — Số trang : Mỗi tác - phẩm dự-thi gồm nhiều truyện ngắn ít ra phải đủ :

a — 90 trang viết tay (không kể bài tựa, nếu có) giấy học trò khổ 29 cm × 20 cm.

b) — hoặc 75 trang đánh máy dòng đôi, khổ giấy 27 cm × 20 cm.

c) — hoặc 65 trang in, khổ giấy 21 cm × 14 cm, nếu đã in thành sách.

3. — *Số bản thảo và hạn gửi* : Tác phẩm dự thi phải gửi 5 bản, cần đánh dấu rõ ràng, đánh số trang và mỗi bản đóng thành một tập.

Hạn nộp cuối cùng ấn định vào trước ngày 1-9-1957. Tác phẩm sẽ gửi tới Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục (số 266, đường Công-Lý Saigon).

4. — *Giải thưởng* : Có ba giải thưởng, gán gáp đôi các năm trước :

— Giải nhất : 10.000\$

— Giải nhì : 7.000\$

— Giải ba : 3.000\$

Đối với tác phẩm được trúng thưởng, quyền tác giả vẫn được hoàn toàn tôn trọng.

Muốn rõ thêm chi-tiết, xin hỏi Nha Văn-hóa (số 266 đường Công-Lý, Saigon, điện-thoại : Saigon 144).

2. — BUỔI HỌP TẤT-NIÊN

Ngày 26-1-1957, tức 26 tháng chạp vừa qua, hồi 20 giờ, tại trường Trung-học Gia-Long, Saigon, toàn-thể nam nữ giáo-sư các trường trung-học công-lập và nhân-viên các Nha, Sở thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đã họp buổi tất-niên, dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Nguyễn-Dương-Đôn.

Ông Hội-trưởng Hội Ái-hữu Giáo-sư trung-học Nam - phần, đại-diện hội-đồng, đọc diễn-văn chúc Tết ông Bộ-trưởng, và hô-hào anh em nỗ-lực hơn bao giờ hết, trong sứ mệnh hàng ngày.

Ông Bộ-trưởng đọc đáp từ dưới đây :

Thưa các bạn Giáo-sư,

Tôi rất vui mừng đến đây với các Bạn, trong buổi họp tất-niên này, trong một bầu không-khí thân-mật.

Ngày thường, mỗi chúng ta đều bận-rộn với học-sinh, sách vở, hay những trách-vụ hành-chánh, nên tuy cùng hội cùng thuyền, nhưng chúng ta ít khi có dịp cùng nhau trao đổi những cảm-ảnh đồng-nghiep.

Lạt nữa, đương lúc nước nhà bị chia xẻ mà kẻ Bắc người Trung được găn-gút với đồng-bào miền Nam, trong những ngày Tết, hẳn mang một ý-

nghĩa đẹp-đẽ : Chúng ta họp mặt hôm nay để biểu-dương ý-chí thống-nhất của những người thiết-tha với tiền-đô của Dân-tộc.

Bởi thế, tôi đã hoãn một cuộc kinh-lý để cùng các Bạn tổ chức đoàn-kết, và nhân tiện ngộ cùng các Bạn đôi lời.

Gần ba năm điều-khiển Bộ Giáo-Dục, tôi vui mừng được nhận thấy rằng về Trung-Học cũng như trong những ngành khác, các Bạn đã cố-gắng nhiều trong công-việc huấn - luyện và đào - tạo những công - dân, hữu - dụng cho Đất-nước. Số học-sinh mỗi ngày một tăng mà số giáo-sư vẫn còn ít, nên các Bạn đã phải vất-và với những lớp học quá đông, và những kỳ thi rất nhiều thí-sinh. Hơn nữa, các Bạn đã sốt-sắng tham-dự những khóa tu-nghiệp tổ-chức trong những vụ nghỉ hè. Qua những tờ báo-cáo của các vị Thanh-Tra hay Hiệ-u-Trưởng, tôi đã nhận thấy kết-quả là các Bạn đã tiến-bộ nhiều về chuyên - môn. Để giúp các Thanh thiếu-niên có đủ sách vở học - hành, nhiều Bạn lại ra công biên-soạn những sách giáo-khoa cần thiết và phiên-dịch các sách hay của ngoại-quốc. Đồng thời, các bạn đã hăng-hái hướng-dẫn Hiệ-u-đoàn tham-gia mọi công-tác Xã-hội. Nhờ vậy học đường Việt-Nam càng ngày càng cố-gắng, để xứng đáng với vai trò « Vun xới tương-lai ».

Thưa các Bạn,

Đặc-tính cố-hữu của nhà Giáo là sự cố-gắng âm-thầm và không vụ-lợi. Tuy nhiên, Bộ Giáo-dục cũng không thể quên những quyền-lợi chính đáng của các bạn. Hai bản qui-chế Giáo-sư Trung-học đệ-nhất và đệ-nhị cấp, đã được ban-bố và thi-hành. Để nhiều bạn khỏi bị thiệt-thòi, để khuyến-khích các nhà tri-thức yêu nghề dạy học, tôi đã can-thiệp với các Bộ liên-hệ để việc nhập-ngạch được dễ-dàng và nhanh-chóng.

Thưa quý Vị đại-diện Hội Ái-Hữu Giáo-sư.

Mở rộng phạm-vi của Hội để đón nhận sự cộng-tác của tất cả những Giáo-sư công lập, dù Nam, Bắc hay Trung là một điều rất nên làm. Giáp Bộ luôn luôn cải-tiến nên Giáo-dục là một mục-đích rất đáng khuyến-khích. Cho nên tôi sẵn-sàng thấu nhận những ý-kiến xây-dựng, và nâng đỡ những hoạt-động tốt-đẹp của quý Hội.

Thưa các Bạn,

Nhân dịp năm mới gần đến, tôi chúc các Bạn, trong năm ĐINH-DẬU, được luôn luôn khỏe-mạnh để cùng vui với nghề-nghiệp, với bạn bè, với học-sinh và với gia-đình thân-mến.

Đoạn, toàn-thể Hội-đồng đã đệ hai bản kiến-nghị như sau :

KIỆN - NGHỊ

Kính đệ TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Toàn thể các nam nữ Giáo-sư và Nhân-viên tông sự tại các trường Trung-học Công lập và tại các Nha Sở thuộc Bộ Giáo-Dục, nhóm họp nhân dịp tất niên Bình-Thần tại Trường Trung học Gia-Long, đường Phan-Thanh-Giản Saigon, ngày 26 tháng Giêng năm 1957, hồi 20 giờ,

Đồng-thanh kiến-nghị :

1. — Thành kính tỏ lòng tri ân NGÔ-TÔNG-THỐNG, về những kết quả rực rỡ, mà Quốc-Gia, dưới sự lãnh-đạo anh-minh của TÔNG-THỐNG, đã thu lượm được trong việc khêuếch - trương và canh-tân nền giáo-dục, cũng như trong việc cứu-quốc và kiến-quốc.
2. — Nguyên triết đề siết chặt hàng ngũ chung quanh TÔNG-THỐNG, để phụng sự non sông đất nước, chống lại Cộng-sản, Thực-dân và phong-kiến.
3. — Quyết nỗ-lực cố noi theo tấm gương thành tín của TÔNG-THỐNG, để làm tròn sứ-mệnh giáo-huấn thanh thiếu niên, ngõ hầu đào-tạo cho tương lai của nước Việt-Nam Cộng-Hòa, những công dân xứng đáng.

KIỆN - NGHỊ

Kính đệ Ông Bộ Trưởng Quốc-gia Giáo-dục

NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÔN

Toàn-thể các nam-nữ Giáo-sư và Nhân-viên tông-sự tại trường Trung-học Công-lập và tại các Nha, Sở thuộc Bộ Giáo-dục, nhóm-họp nhân dịp tất-niên Bình-Thần tại trường Trung học Gia-Long, đường Phan-Thanh-Giản Saigon, ngày 26 tháng Giêng năm 1957, hồi 20 giờ,

— Xét rằng : Nền giáo-dục quốc-gia, nhờ lòng tận-tâm, chí-cương- quyết của Quý Bộ Trưởng, đã khêuếch-trương và canh-tân nhanh - chóng, lại thu được những kết-quả mỹ-mãn về cả ba phương-diện Trí, Thê và Đức-dục ;

— Xét rằng : Toàn-thể Giáo-sư và nhân-viên chúng tôi, nhờ sự ân-cần săn-sóc của Quý Bộ-Trưởng, tự thấy phấn-khởi và hàng ngày hân-hoan hướng- dẫn con em trên đường học-vấn ;

Đồng-thanh kiến-nghị :

1. — Chân thành tỏ lòng tri-ân đối với Quý Bộ-Trưởng, vì những kết quả mỹ-mãn mà nền học nước nhà, dưới quyền điều-khiển của Quý Bộ-Trưởng, đã thu lượm được từ hơn hai năm nay về cả hai phương-diện phẩm và lượng ;

2. — Nguyên nỗ - lực tuân theo chỉ-thị của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, và triết-đề tận-tâm đối với Quý Bộ - Trưởng trong việc hướng - dẫn và rèn luyện thanh thiếu-niên, để xứng đáng với lòng cương-trực, trí công-minh, cùng sự lãnh-đạo sáng-suốt của Quý Bộ-Trưởng.

3. — TRƯỜNG THƯƠNG-MẠI SAIGON.

Ngày 17 - 10 - 56, Tổng-Thống đã ký nghị-dịnh thiết-lập một trường Thương-mại tại Saigon.

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã mở trường này, tại trung tâm kỹ-thuật Phú-thọ. Sinh-viên có bằng Trung-học Đệ nhất cấp, hay một văn bằng tương-đương. Hạn học là ba năm ; lúc mãn khóa, các sinh-viên tốt-nghiệp có thể bổ-dụng vào ngạch tham-sự trong các cơ-quan hành-chính và kinh-tế Quốc-gia.

4. — LỚP DỰ-BỊ HUẤN-LUYỆN HỌC-SINH VÀO TRƯỜNG

QUỐC-GIA KỸ-SU CÔNG-NGHỆ.

Do nghị-dịnh số 930 GD/PN ngày 24 - 10 - 56, ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã cho mở kể từ 1 - 12 - 1956, một lớp dự-bị - để sửa-soạn học-sinh thi vào năm thứ nhất trường Quốc-gia Kỹ-sư Công-nghệ sắp được thành-lập.

Tạm thời, lớp này đặt tại trường Trung-học Kỹ-thuật Cao-Thăng, số 65, đường Huỳnh-thúc-Kháng, Saigon.

Học-sinh đều có bằng tú-tài hay một văn bằng tương-đương.

5. — THIẾT-LẬP MỘT TRƯỜNG SINH-NGŨ

Tổng-Thống vừa ký nghị-dịnh thiết-lập tại Saigon, một trường Sinh-ngũ, giảng dạy các du học-sinh trước khi họ xuất-dương, và các công-chức cùng tư-nhân.

Trường này sáp-nhập vào trường Cao-đẳng Sư-phạm.

6. — LỄ KỶ-NIỆM ĐỆ LỤC THẬP CHU-NIÊN

TRƯỜNG QUỐC-HỌC TẠI HUẾ.

Ngày 26 - 12 - 56 sáng, Tổng-Thống Cộng-Hòa Việt-Nam đã tới Huế chủ-tọa lễ kỷ-niệm đệ lục thập chu-niên trường Quốc-học.

Trường này do Cụ Cố Ngô-dình-Khả, thân sinh của Ngô Tông-Thống, sáng lập năm 1895.

Buổi lễ đã diễn hành trước cửa chính vào Trường, nơi Đại-lộ Lý-thái-Tồ, một trong các đường phố lớn ở Huế, dọc theo bờ sông Hương.

Hồi 9 giờ sáng, Tổng-Thống Cộng-hòa Việt-nam tới nơi. Dân chúng hoan-hô vang dậy, như là các học-sinh.

Sau khi duyệt qua các đơn-vị Quân-đội, Tổng-thống tới đặt bó hoa dưới chân Bình-phong Long-Mã, trước sự hiện-diện của các lão trưởng có vị tới 80 tuổi, trước kia đã từng là học-sinh của Trường.

Tiếp đó, Tổng-thống tiến lên khán-đài và an-tọa giữa một số đông tân khách. Người ta nhận thấy ở trên hàng đầu có Ông Trần-văn-Lắm, Chủ-tịch Quốc-hội, Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, Đại-tướng Lê-văn-Ty, Tổng Tham-mưu Trưởng Quân-đội Cộng-hòa Việt-nam, Trung-tướng Thái-quang-Hoàng, Tư-lệnh Đệ-nhi Quân-khu, nhiều vị Dân-biểu Quốc-hội thuộc các đơn-vị ở Trung-phần, các công-chức cao-cấp thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục, ông Trần-Sự và Trung-tá Huỳnh-văn-Cao, Bí-thư Trường và Biệt-bộ Tham-mưu trưởng tại Tổng-thống Phủ, ông Tinh-trưởng Thừa-Thiên cùng rất đông đại-diện các hiệu đoàn học-sinh và các đoàn-thể chuyên-nghiệp, tôn-giáo,...

Ngoài ra còn 3 vị niên lão, đại-diện cho các cụ học-sinh khóa thứ nhất trường Quốc-học. Hiện nay các vị cư-trú tại Nam-phần.

A) — Lược-sử trường Quốc-học.

Ông Ưng-Dự kể lại việc thành-lập nhà trường bước đầu khó khăn như thế nào, rồi ông ca ngợi tinh-thần hăng-hái hoạt-động trong luôn mấy mươi năm của vị sáng lập nhà trường là cụ Ngô-dình-Khả.

Nhắc lại lịch-sử của trường Quốc-học ở Huế, tức là phải nhắc tới chí-hướng cao-cả và công-trình xây dựng của vị sáng-lập trường ấy: Cụ Ngô-dình-Khả.

Lúc bình-sinh, cụ nhận thấy lối học từ-chương theo Hán-tự rất bở-ích về phương-diện tinh-thần là duy-trì nền đạo-lý cổ-truyền, nhưng không bao gồm đủ học-vấn để có thể đào-tạo nhân-tài ngô-hầu xây-dựng cho tương-lai đất nước, đem lại cho Quốc-gia đà tiến-bộ kịp với trào-lưu mới. Cụ quyết-chí thực-hiện mối hoài-báo của Cụ, là dung-hòa hai nền văn-hóa Đông-Tây, thâu thập những tinh hoa của hai nền văn-hóa ấy đúc kết

thành một nền quốc-học độc-lập cho nước nhà. Trên căn-bản quốc-học ấy, Cụ có công đào-tạo những nhân tài với một tinh-thần bất-khuất, ngô-hầu giữ vững chủ-quyền của đất nước, và để đáp lại những đòi hỏi khần-thiết của công cuộc kiến-thiết quốc-gia, trong thời-kỳ quê-hương đang bị bàn tay đô-hộ của Pháp càng ngày càng bóp chặt.

Vào năm 1895, sau chương-trình Cụ phác-họa đã được chấp-nhận, 6 dãy trại lính thủy, kiêu cò, lợp tranh của Đội Long-thuyền (nằm trên quãng đất của nhà trường hiện nay) đã bắt đầu sửa chữa — mỗi dãy ngăn làm hai lớp học, với cửa sổ, cửa kính hắt hơi — để làm ngôi trường Quốc-học đầu tiên. Cách bài trí, tuy đơn giản, nhưng cũng đầy đủ điều-kiện thích hợp. Trong vi-trường có nhà vị Chương-giáo, phía trước có ngôi lầu ngọa, theo kiểu Phú-Văn-Lâu, có lầu chuông để đánh giờ và có bình-phong « Long Mã » làm cho nhà trường tăng vẻ trang-nghiêm. Bức bình-phong ghi rõ niên-hiệu Thành-Thái, đến ngày nay vẫn còn nguyên vẹn.

Công cuộc trùng tu và sửa đổi đến mùa đông 1896 mới xong. Ngoài phạm-vi nhà trường, chung quanh một vòng hàng rào bằng cây chè tàu, lúp súp mọc lên lối 30 nóc nhà tranh, do các tư-gia cất lên để buôn bán thức ăn và bút chỉ cho giới học-sinh hay để cho các học-viên ở trọ.

Qua năm 1897, trường mới bắt đầu khai-giảng. Trong giai-đoạn chuyên tiếp, chương-trình giáo-dục còn cần phải lấy Hán-văn làm chuyên-ngữ, còn quốc-ngữ và Pháp-văn xem như sinh-ngữ chỉ dạy mỗi tuần 10 giờ. Cụ Ngô-dình-Khả giữ chức Chương-giáo (Giám-đốc).

Các học-sinh đầu tiên lấy trong hàng ngũ Tôn-sinh (Hoàng-phái) do Phủ Tôn-nhân chọn, và các Ấm sinh (con các quan) do Bộ Lễ lập danh-sách gọi đến.

Trước tiên, cụ Chương-giáo chọn lọc 50 học-viên để thành-lập một lớp gọi là lớp « Hoàng-phái và quan-viên từ-đệ » do các Cụ Trần-dạo-Tiêm (tiên-sĩ), Phan-Khai (tiên-sĩ), Nguyễn-Mại (Phó-báng), Tạ-Tương, Phạm-hữu-Nguyên (tiên-sĩ), Hoàng-Thông, Nguyễn-khoa-Đạm (cử-nhân) dạy về ban Hán-văn, và do Cụ Chương-giáo dạy về quốc-ngữ và Pháp-văn. Về sau, về ban quốc-ngữ và Pháp-văn, có các vị giáo-sư khác giúp sức.

Ngoài ra, có lớp học-viên có phẩm-hàm (Cours des Gradés) thụ nhận các ông tiến-sĩ, phó-bảng, cử-nhân, tú-tài, huấn luyện trong hai năm, trước khi được bổ tri-huyện hoặc tri-phủ.

Đề ghi lòng tri-ân đối với vị đã dày công xây-dựng cho họ, mỗi sinh-viên thời ấy đã đến tại mộ-địa Ngô-tộc, tự tay trồng lấy và vun tưới cho một cây thông. Đến ngày nay, những cây thông ấy cành lá um-tùm, và mỗi lần gió thổi là hình như nghe cả một bản nhạc hòa tấu ca tụng công đức của Thầy.

Sau khi Ngô-Tông-Thống về nước chấp-chánh, ngôi trường Quốc-học đầu tiên của nước nhà mới tìm thấy lại những ngày độc-lập về-vang từ hình thức lẫn tinh-thần, đúng với chí-hướng của vị sáng-lập.

Tính đến tháng 12 năm nay, trường Quốc-học đã thành lập được 60 năm.

B. — DIỄN-VĂN CỦA ĐẠI-DIỆN HỌC-SINH

Tiếp sau, một đại-diện học-sinh lên tỏ lời tri-ân Ngô Tông-Thống.

« Hôm nay, chúng tôi nguyện hướng tư-tưởng về một nhân-vật, mà nhờ nhân-vật ấy, chúng tôi đã có thể theo đuổi sự học-hỏi một cách yên ổn. Chúng tôi dâng lòng tri-ân sâu đậm của chúng tôi tới Người đáng kính và đáng mến phục, đã sáng-lập nhà trường này. Chúng tôi cũng cảm-ơn các Giáo-sư đã tận tâm đề dạy bảo chúng tôi.

« Chúng tôi chúc tụng Ngô Tông-Thống đã làm sống lại trong tâm hồn chúng tôi sự hy-vọng và nguồn vui, ngay trong giờ phút! có lẽ là quan-hệ nhất trong đời chúng tôi ».

Sau khi nêu rõ các hoạt-động chính của Trường, đại-diện học-sinh ngỏ lời ước mong sao cho Trường « Quốc-học » sẽ được trang bị đầy đủ, để giúp đỡ thanh-niên học-sinh.

« Để được xứng đáng với sự ân-cần săn-sóc của Tông-Thống và xứng đáng với « thể hệ Ngô-đình-Diệm », chúng tôi nguyện sẽ chăm-chỉ hơn trong sự học của chúng tôi ».

C. — SỰ SĂN-SÓC CỦA NGÔ TÔNG-THỐNG

Sau khi đáp từ, Tông-Thống đã tới khánh-thành tấm bảng kỷ-niệm dựng dưới chân cột-cờ, giữa sân trường, và phòng triển-lãm những công-độc trường Quốc-học đã thực-hiện được từ 60 năm nay.

Trong số các tác-phẩm trình bày, người ta nhận thấy bức chân dung lớn của Cụ Cố Ngô-đình-Khả và một hàng chữ ghi ơn vị sáng lập nhà trường.

Ở hai bên bức chân dung, có dán bản Sắc-lệnh thiết lập trường Quốc-học này. Phía dưới chân dung là một mô hình tinh-xảo về việc xây dựng nhà trường. Trên mặt tường đối diện, có treo một bức biêu-dò phác họa hệ-thống tổ-chức của trường Quốc-học. Ngoài ra, còn nhiều đồ-biêu, họa-phẩm và những tấm-hình choáng hết cả mặt tường.

Tông-thống đã dừng lại khá lâu trước các tác-phẩm trình bày, và đã đàm luận với ông Bộ Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, về tình-hình tổng-quát của nền Học chính.

Dưới đây là nguyên - văn bài đáp từ của Tông-Thống :

Thưa quý vị,

Tôi lấy làm cảm-động đến chủ-tọa lễ Kỷ-niệm Đệ-lục-thập chu-niên thành lập trường Quốc-Học, một giai-đoạn quan-trọng của cố-gắng văn-hóa nước nhà. Tôi càng cảm-động hơn nữa, vì kỷ-niệm này cũng lại là một kỷ-niệm đặc - biệt cho gia - đình tôi.

Trước sự thất bại của đất nước bị ngoại xâm, các bậc tiền bối đã nhận thức sự thiếu sót của một lối học văn làm chương trích cú, và sự cần thiết phải canh - tân nền giáo-dục Việt-Nam cho hợp với phạm-vi con người tiến-bộ, về bề rộng cũng như về bề sâu : để một mặt đi kịp đà tiến-hóa của nhân loại, một mặt bảo tồn được quốc-túy dân-tộc, trên phương-diện học-vấn cũng như trong vấn-đề đào tạo cán-bộ cho mọi ngành hoạt-động quốc-gia.

Bởi thế cho nên, thân-sinh chúng tôi mới thành lập trường này. Và cũng do đó mà trường này đã lấy danh hiệu là Quốc-học.

Đó là căn bản nền tân học Việt-nam, là chương trình đầu tiên đã được phác họa, và bắt đầu thi hành cách 60 năm nay, mà ngày nay chúng ta tiếp tục thực hiện cho kỳ được.

Nhờ trường Quốc-học này, mà trải qua bao nhiêu năm làm than trong áp-bức, trước những trào lưu phủ-phàng, của một nền văn-minh cơ-khí, một lớp người đã đứng lên canh tân nền Quốc-gia Giáo-dục, vẫn gìn giữ được những cá-tính cố hữu của giống nòi. Những cá-tính này là yếu tố căn-bản của cuộc đấu tranh giải phóng vừa rồi.

Thưa các vị lão-thành,

Quý vị đã nhận thấy cái giá trị đặc-biệt của nền văn-hóa truyền thống và đã sáng-lập hội Việt-Nam Cờ-học. Tôi vui mừng và chân-thành chúc quý vị luôn luôn khang-khật, để có thể truyền lại cho thanh-niên những tinh hoa của dân-tộc. Những tinh-hoa này phải được coi như là những thành-trì kiên-cố nhất và mạnh-mẽ nhất trong công-cuộc bảo-vệ tinh-thần và tâm-linh trước sự đe dọa tàn-bạo của một học thuyết ngoại-lai và duy-vật.

Các thanh-niên thân-mến,

Với sáng-kiến của các bậc tiền-bối, trường Quốc-học này đã là một nơi phối-hợp của hai nền văn-hóa kỳ-cựu trên thế-giới : Văn-minh Tây-phương và triết-lý Đông-phương. Vì thế, nhà trường đã đóng vai trò tiên-phong trong việc thành-lập nền Quốc-học. Sự tiến-triển của ngôn-ngữ và những sáng-tác về văn-thơ, nghệ-thuật Việt-Nam, từ đầu thế kỷ thứ 20 này, đã chứng-minh những ích-lợi của sự phối-hợp đó.

Để tiếp-tục công việc của các thế-hệ trước, để mỗi ngày công-việc đó càng được đẹp-đẽ thêm, tôi muốn lưu-ý các em về hai điều :

— Trong việc phục-hưng Quốc-gia, thanh-niên phải sáng-suốt nhận-định trách-nhiệm của mình, và luôn luôn cố-gắng trau-giồi đức-độ và học-thức về kỹ-thuật. Lấy đạo-đức để phát-huy Quốc-học, lấy kỹ-thuật để chen vai thích cánh với các nước khác trong trào-lưu tiến-bộ của nhân-loại ngày nay. Có như thế, thanh-niên mới bảo-vệ được nền văn-hóa cò-truyền chống lại sức xâm-nhập của những thuyết ngoại-lai duy-vật và vong-bản. Có như thế, thanh niên tại nơi đây, một miền tiền - tuyến của khu-vực tự-do dân-chủ, mới có thể là những chiến-sĩ tiên-phong chống độc-tài Cộng-sản.

— Chúng ta không nên quên rằng những xương máu đổ-sổ, những cầu dài, những đường lớn, nói tóm lại, cơ-sở vật-chất của xã-hội, sẽ mỏng-manh, nếu xã - hội không đặt trên một căn - bản tinh - thần rộng-rãi, lấy con người và thiện ích chung của nhân dân làm mục-đích. Lịch-sử thế-giới đã chứng-minh rằng những thành-quách kiên-cố, những cung-thự nguy-nga xây bằng đá-bức, đều là những thứ xây-dựng để sụp-đổ nhất.

Vì thế, nên chúng ta phân-đối mọi chính-sách bạo-tàn và nuôi dưỡng một lý-tưởng : thực-hiện cuộc CÁCH-MẠNG NHÂN-VỊ. Trong hai năm chấp-chánh, tôi không bao giờ quên yếu-tố căn-bản của cuộc cách-mạng này : Dân-trí và Dân-tâm.

Thưa quý Vị,

Hôm nay, trong một khung-cảnh trang-nghiêm, tôi muốn quý Vị thông hiểu đường lối của Chính-Phủ trong công-việc cứu-quốc và kiến-quốc. Tôi mong rằng, với lễ Kỷ-niệm Đệ-lục Thập Chu-niên trường Quốc-học, mọi người đã cố-gắng lại sẽ cố-gắng thêm để tiếp-tục công-cuộc xây-dựng của tổ-tiên và tạo cho các thế-hệ đang lên một tương-lai xán-lạn. Đó phải là ý-nghĩa chính của buổi lễ Kỷ-niệm này.

II. — KÍCH - LỆ NỀN QUỐC - HỌC

Nhân dịp lễ kỷ-niệm lục-thập chu-niên trường Quốc-học tại Huế, Tổng-Thống đã cấp cho trường trung - học này, một số tiền là 100.000\$, để thiết lập Thư-viện.

III. — SINH-NHẬT NGŨ-TÔNG-THỐNG

Ngày 3-1-57, toàn-quốc đã treo cờ và ăn mừng Sinh-nhật Ngũ-tông-Thống.

IV. — HỘI-NHỊ SƠ-BỘ VĂN-HÓA TOÀN-QUỐC

Hội-nghị Sơ-bộ Văn-hóa toàn-quốc, do Bộ Thông-Tin và Thanh-niên tổ-chức, đã khóm-hợp ở Thủ-đô Sài-gòn, từ 7 đến 14-1-1957.

Lễ khai-mạc đã cử-hành long-trọng tại rạp Thống-nhất, dưới quyền chủ-tọa tối cao của Ngũ Tông-Thống.

Sau Hội-nghị Sơ-bộ này, sẽ có Hội-chợ trình-diễn và trưng-bày ; và trong năm 1957, sẽ có « Hội-nghị Tổng-kết Văn-hóa toàn-quốc », để kiểm-điểm lại các kết-quả đã thu-lượm được trong cuộc Hội-nghị Sơ-bộ, hay trong các Hội-đồng Văn-hóa cấp tỉnh.

V. — QUAN-NIỆM VỀ VĂN HÓA

Trong khuôn-khò Đại - hội Sơ-bộ Văn - hóa toàn-quốc, hồi 15 giờ ngày 11-1-57, ông Ngô - Đình - Nhu, Cố-vấn Chính - Phủ, đã thuyết-trình về vấn-đề « một quan-niệm văn-hóa ». Diễn - giả lược - khảo sự tiến - triển của Văn - hóa Á-Đông trong nửa thế kỷ nay, và đã có những nhận - xét mới-lạ và xác-thực. Ông đã nêu lên hai điểm chính :

— Âu - châu tiến-bộ xa không phải là do ở kỹ-thuật, mà chính là do ở tinh - thần đã đẻ ra kỹ-thuật ấy. Tinh - thần này bắt nguồn ở lời truyền của Phúc-Âm, ở sự tin-tưởng đối với số-học và phương-pháp biện-luận của Hy-Lạp. Nhân đó, Âu-châu có tinh-thần tự-do và óc thực-hành. Á-Đông, muốn có tiêu-chuẩn, phải quay về nguồn gốc Rit-vệ-đà ở Ấn (1.000 năm trước tây - nguyên), và nguồn gốc Mạnh-Tử ở Trung-Hoa.

— Các phong-trào văn-hóa và chính-trị không thể lãng-quên vấn-đề kinh-tế, — một trong những yếu-tố làm này-nờ nhân-vị. Vấn-đề này đòi hỏi một sự giải-quyết cấp-bách ; các nước Á-Đông, cũng như Việt-Nam, không còn có đủ thì giờ để thí-nghiệm nhiều, về phương-diện này như các nước Âu-tây về một thế-kỷ trước.

XII. — CÂY MÙA XUÂN CHO CÁC NHI-ĐỒNG

Chiều 23 - 1 - 57, Tổng-Thống Chủ-tọa cuộc phân-phát quà Tết của « Cây mùa xuân » cho các nhi-đồng tại Hoa-viên Dinh Độc-lập. Nhân dịp này, Tổng-Thống ban huấn-từ như sau :

Các cháu thân mến,

Một năm lại sắp qua. Hôm nay, cũng như các năm trước, trong khung cảnh vườn Dinh « Độc-Lập » này, các cháu tụ-hợp để chúc mừng tôi trong dịp năm mới, tôi rất hài lòng và cảm ơn các cháu.

Trong năm vừa qua, tôi chắc các cháu đều chăm chỉ học hành, vâng lời cha mẹ và thầy giáo chỉ dẫn.

Nay nhân Tết Cộng-Hòa năm thứ hai, tôi mong thấy các cháu trong năm sắp tới sẽ chăm chỉ hơn nữa, cố-gắng hơn nữa, để càng thêm tuổi, càng thêm khôn ngoan và giỏi dấn, gây hy vọng tươi đẹp cho gia đình các cháu, cho Chánh phủ và tôi nữa.

Trong khi các cháu được xum họp với cha mẹ, anh chị em, được Chánh phủ săn sóc trong buổi xuân về, các cháu hãy tưởng nhớ tới biết bao trẻ em khác hiện vì hoàn cảnh xã-hội đang sống những giờ phút hiu quạnh, không có đầm ấm yêu thương. Nghĩ như vậy các cháu mới thấy rõ hạnh phúc của các cháu được học tập vui chơi trong cảnh thanh bình do nền Cộng-Hòa đưa lại.

Vườn xuân tươi đẹp là nhờ trăm hoa đua nở. Các cháu hãy trau dồi đức tánh tốt của các cháu, để tô điểm vườn xuân Việt-Nam.

Nhân dịp đầu xuân, tôi chúc các cháu và toàn thể thiếu nhi Việt-Nam khỏe mạnh, học hành tấn tới và luôn luôn là con ngoan trò giỏi.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Bản-báo mới nhận được bản dịch cuốn Chính-Phụ Ngâm-Khúc của Đặng-trần-Côn, ra thơ mới, mà tác-giả là thi-sĩ Nguyễn-ngọc-Cầm. Lời văn điêu-luyện, nhẹ nhàng và thanh-tao, lại kèm theo, có cả nguyên-văn chữ Hán, thật là một tác-phẩm mới, đáng ghi trong văn-học sử nước nhà.

Vậy, bản-báo vui lòng giới thiệu cùng bạn đọc.

o°

B. — TIN NGOÀI NƯỚC

I. — CUỘC THI HỌA-PHẪM NHI ĐỒNG NĂM 1956

(Do The Unesco Art Education League in Japan (U. A. L. tổ chức). Trước khi có cuộc triển-lãm họa-phẩm nhi-đồng tại Daimaru Département Store.

từ 11 đến 16 - 1 - 57, ban tổ-chức đã chọn lọc các họa-phẩm đặc-sắc nhất do các nước gửi đến.

Trong số 40 họa-phẩm của Việt-Nam gửi dự-thi, 8 bức đã được lựa trưng-bày, và trong số đó, có ba họa-phẩm được thưởng của 3 em :

— PHAN - VĂN - BA : 15 tuổi, Tân-An, phần thưởng do báo MAINICHI tặng.

— NGUYỄN-VĂN-CHÍNH : 14 tuổi, Tân - An, phần thưởng do U. A. L. tặng.

— NGUYỄN - VĂN - LUY : 12 tuổi, Saigon, phần thưởng do U.A.L. tặng.

Cuộc triển-lãm đã được dân-chúng Đông-Kinh hoan-ngheh và chú-ý. Đứng về phương-diện « lượng » (tỷ-lệ) cũng như về phương-diện « phẩm », 3 em : BA, CHÍNH, LUY đã chiếm được địa-vị ưu-thắng cho Việt-Nam.

Nhiều quan-khách đã ngợi-khen óc quan-sát điều-hòa với trí tưởng-tượng dồi-dào của 3 em, và cho rằng 3 « họa-sĩ nhi đồng » này sẽ có một tương-lai hứa-hẹn.

Về phần các họa-phẩm Nhật, Sứ - Quán Việt - Nam có tặng 3 giải thưởng, nhờ U.A.L. chuyển. Ba em được phần-thưởng của Sứ-Quán là :

Mitsuru HONDA, 5 tuổi, trường mẫu-giáo Notogawa-Machi, Kanzaki-gun, Shigaken (gần Kyoto),

Maemoru OGAWA, 5 tuổi, trường mẫu-giáo Nagoya (gần Kyoto),

Harutoshi SATSUKI, 6 tuổi, trường sơ-học Shinagawa-ku, TOKYO.

HỘI-NGHỊ THANH-NIÊN NÔNG THÔN

VIỄN-ĐÔNG TẠI VỌNG-CÁC

Nước ta tham - gia Hội - nghị Thanh-niên Nông-thôn ở Viễn-Đông, hội-ngheh quốc-tế nhóm-hợp lần đầu tiên ở Vọng-các, từ 11 đến 22 - 2 - 1957. Phái-đoàn Việt-Nam gồm có 9 đại-biêu.

Trong số các nước tham-gia hội-ngheh, thấy có Thái-Lan, Mên, Lào, Nhật, Nam-Dương, Miến-Điện, Phi-luật-Tân, Mã-Lai, Cộng-hòa Hàn-quốc, Trung-hoa Quốc-gia.

III. — HỌC-SINH VIỆT-NAM TẠI CAO-MIÊN

Vị Đại-diện của nước nhà tại Cao-Miên, vừa triệu-tập một nhóm đầu-tiên 110 học-sinh Việt-Nam kiều-cư tại Cao-miên, để lĩnh một số tiền do Chính-phủ ta trợ-cấp để làm học-phí trong đệ nhất tam cá nguyệt.



TAP-CHI-VAN-HOA-NGUYET-SAN

— Muốn góp phần vào việc phát-huy văn-hóa và xây-đắp tương-lai xin hãy mua :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Mua dài hạn một năm 240\$. Gửi phiếu mua báo sau đây, và ngân-phiếu về Ó. Giám-Đốc Nha Văn-Hóa số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn.

— Mua dài hạn : mỗi năm 10 số, gồm cả các đặc-san. Xin nhắc là nay mai sẽ có một đặc - san về **Cao-nguyên Trung-phần**.

PHIẾU MUA
TẠP-CHÍ VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Tôi (họ và tên).....

ở (địa-chỉ).....

nhận mua dài hạn tạp-chí VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN trong hạn một
năm (10 số), hay nửa năm (5 số) (1) mỗi số gửi.....cuốn,
kể từ tháng.....năm.....

Tiền mua báo là (2).....\$00

trả ngày..... hoặc trả bằng bưu-phiếu (3)

\$00, số

ngày.....định theo đây.

.....ngày.....tháng.....năm 195.....

Ký lên,

-
- CHÚ-THÍCH : (1) Xin gạch những tiếng không cần dùng.
(2) Lệ mua báo xin trả tiền trước (một năm = 240\$, nửa
năm = 120\$). Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được bưu-phiếu.
(3) Xin gửi phiếu mua báo và bưu-phiếu về địa-chỉ :
Ông GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HÓA
(Số 266, đường Công-Lý, Saigon), lĩnh nhận.

Phần chú-thích của ban Quản-lý :

— Bưu-phiếu hay biên-lai số.....ngày.....
tính.....

— Phiếu mua báo số.....

— Ghi vào sổ thu tiền ngày.....